



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản



Sổ tay Đào tạo

THE USAID OCEANS AND FISHERIES
PARTNERSHIP

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI TÁC NGHỀ CÁ VÀ ĐẠI DƯƠNG CỦA USAID



Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) là một hoạt động 5 năm nhằm tăng cường hợp tác khu vực để chống lại việc đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và bảo tồn đa dạng sinh học biển ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. USAID Oceans là sự hợp tác giữa Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á (SEAFDEC) và chương trình Khu vực Sáng kiến Tam giác San hô, Nghề cá và An ninh lương thực (CTI-CFF) làm việc với các đối tác trong khu vực công và khu vực tư nhân trong khu vực Đông Nam Á để phát triển và thực hiện các hệ thống thông tin sản lượng khai thác và truy xuất nguồn gốc điện tử, cải thiện quản lý nghề cá bền vững bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá, giải quyết các mối quan tâm về phúc lợi xã hội và bình đẳng giới và phát triển quan hệ đối tác công – tư để hỗ trợ những nỗ lực này.

Để biết thêm thông tin, truy cập: www.seafdec-oceanspartnership.org hoặc liên hệ info@oceans-partnership.org.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI TÁC NGHỀ CÁ VÀ ĐẠI DƯƠNG CỦA USAID
Nghiên cứu về giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản: Sổ tay đào tạo

Được chuẩn bị cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
bởi Tetra Tech ARD theo Hợp đồng số AID-486-C-15-00001

Tháng 10 năm 2018

Các quan điểm thể hiện trong tài liệu này không hẳn phản ánh quan điểm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ hoặc Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt.....	2
Thông điệp từ các Đối tác	6
Lời tựa	8
CHƯƠNG I. LÝ THUYẾT VỀ GIỚI TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ NGHỀ CÁ.....	10
Tổng quan về Khóa học	10
Phần I - Các Khái niệm cơ bản và các tiếp cận lý thuyết để hiểu về giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản - Sử dụng giới trong nghiên cứu thủy sản	11
Phần II-Làm thế nào để chúng ta lý thuyết hóa các Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản.....	15
Phần III-Làm việc theo nhóm nhỏ	15
Phần IV-Những nguồn thông tin khác	15
CHƯƠNG II. SỬ DỤNG SỰ GIAO THOA TRONG NGHIÊN CỨU VỀ GIỚI VÀ NGHỀ CÁ.....	17
Tổng quan Khóa học	17
Phần I-Sự giao thoa là gì?.....	18
Phần II- Khung nữ quyền giao thoa: Một sự tiên phong	19
Phần III – Nghiên cứu tình huống: Crenshaw	20
Phần IV – Sử dụng Sự giao thoa trong nghiên cứu.....	21
Phần V – Làm bài tập nhóm, báo cáo và thảo luận.....	21
CHƯƠNG 3. CÁC TÌNH HUỐNG NGHIÊN CỨU	23
Tổng quan	23
Tình huống I - Phụ nữ buôn bán cá vùng biên giới ở Campuchia	23
Tình huống 2 – Các thương nhân nữ và nhà chế biến ở Mumbai.....	24
Tình huống 3 - Ngư dân nghề cá quy mô nhỏ bị hạn chế trong việc đáp ứng các quy tắc thương mại về đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định	24
CHƯƠNG 4. GIỚI TRONG ĐÁNH GIÁ NHANH HỆ THỐNG QUẢN LÝ NGHỀ CÁ.....	27
Tổng quan	27
1. Giới thiệu.....	27
2. Giới và Nghề cá	29
3. Tích hợp vấn đề giới trong đánh giá nhanh quản lý nghề cá	30
4. Các Công cụ và Công nghệ; Tăng cường RAFMS với tích hợp giới	31
5. Phân tích các kết quả.....	41
Phụ lục 1. Biểu mẫu ma trận phân tích các hoạt động của hồ sơ.....	51
Phụ lục 2. Mẫu ma trận lập bản đồ nguồn lực có sự tham gia giới trong chuỗi giá trị nghề cá (Winfish 2017) ..	52

Phụ lục 3. Mẫu ma trận phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới	52
Phụ lục 4. Mẫu ma trận phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới để xác định các cơ hội và thách thức của phụ nữ và nam giới tại mỗi mắt xích của chuỗi giá trị thủy sản (Winfish 2017)	53
Phụ lục 5. Mẫu bảng câu hỏi được sử dụng để khảo sát trực tiếp ngư dân và người quản lý với các câu hỏi dựa trên các lĩnh vực của khung các khía cạnh về giới (winfish 2017)	53
Phụ lục 6. Các mạng lưới và tài nguyên được đề xuất.....	73

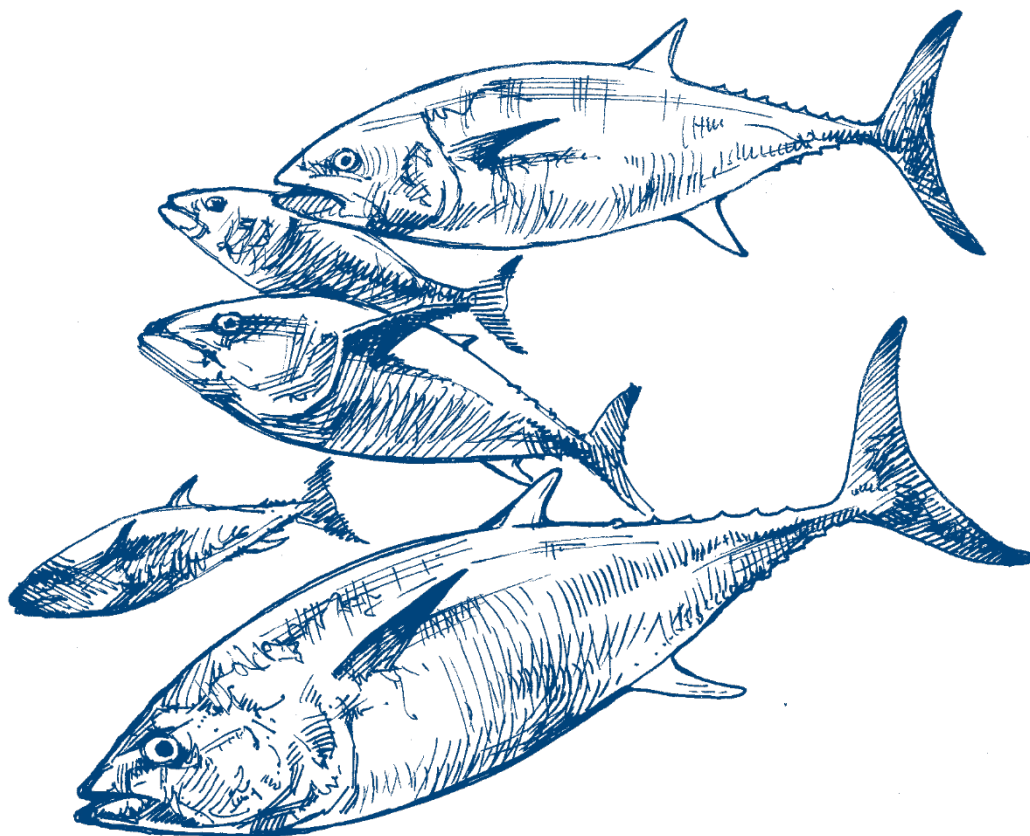
DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Hình 1. Khung đầy đủ và tích hợp của chủ nghĩa nữ quyền vật chất.....	12
Hình 2. Ví dụ về các mối quan hệ giao thoa.....	14
Hình 3. Ví dụ về bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia.....	37
Bảng 1. Ví dụ về những người cung cấp thông tin quan trọng trong Phân tích về Giới ở Philippines của USAID Oceans.....	35

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AFS	Asian Fisheries Society/Hiệp hội nghề cá Châu Á
AIT	Asian Institute of Technology/ Viện Công nghệ Châu Á
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations/ Hiệp hội các nước Đông Nam Á
BFAR	Bureau of Fisheries and Aquatic Resources/ Cục Nghề cá và Nguồn lợi thủy sản
CDTS	Catch Documentation and Traceability System Hồ sơ khai thác và Hệ thống Truy xuất nguồn gốc
CEDAW	Convention on the Elimination of all forms of Discrimination Against Women Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CGIAR	Consultative Group on International Agricultural Research Nhóm tư vấn về nghiên cứu nông nghiệp quốc tế
CRIAW	Canadian Research Institute for the Advancement of Women Viện nghiên cứu vì sự tiến bộ của phụ nữ Canada
CSO	Civil Society Organization/Tổ chức xã hội dân sự
CTC	Coral Triangle Center/Trung tâm Tam giác san hô
CTI-CFF	Coral Triangle Initiative for Coral Reefs, Fisheries and Food Security Sáng kiến Tam giác San hô về các Rạn san hô, Nghề cá và An ninh lương thực
CWFS	Commission on World Food Security/ Ủy ban An ninh lương thực thế giới
EAFM	Ecosystem Approach to Fisheries Management Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá
FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc
FGD	Focus Group Discussion/ Thảo luận nhóm tập trung
FMA	Fisheries Management Area/Khu vực quản lý nghề cá
FMS	Fisheries Management System/Hệ thống quản lý nghề cá
FMU	Fisheries Management Unit/Đơn vị quản lý nghề cá
GAD	Gender and Development/Giới và sự phát triển
GAFS	Gender in Aquaculture and Fisheries Section Vấn đề giới trong ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản
GDF	Gender Dimensions Framework/Khung đo lường về giới
GDP	Gross Domestic Product/Tổng sản phẩm quốc nội
GRVCA	Gender-Responsive Value Chain Analysis/Phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới
GSC	General Santos City/Thành phố General Santos
IGWG	Interagency Gender Working Group/ Nhóm công tác liên ngành về giới
IIFET	International Institute of Fisheries Economics and Trade Viện Quốc tế về Kinh tế và Thương mại Thủy sản
IUU	Illegal, Unreported, and Unregulated Bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định
KII	Key Informant Interview/Phỏng vấn chính
LGBTQ	Lesbians, Gay, Bisexual, Transgender, Queer Đồng tính nữ, đồng tính nam, lưỡng tính, chuyển giới, đơn tính
LGU	Local Government Units/ Đơn vị chính quyền địa phương
MMAF	Ministry of Marine Affairs and Fisheries/Bộ Hàng hải và Nghề cá
NACA	Network of Aquaculture Centers in Asia-Pacific Mạng lưới các trung tâm nuôi trồng thủy sản ở châu Á-Thái Bình Dương
ODK	Open Data Kit/ Bộ dữ liệu mở
PFDA	Philippine Fisheries Development Authority/ Cơ quan phát triển thủy sản Philippines
PGRM	Participatory gender resource mapping/ Lập bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia
PO	People's Organization/Tổ chức nhân dân
PPP	Public-Private Partnership/ Đối tác công tư
RAFMS	Rapid Appraisal of Fisheries Management Systems Đánh giá nhanh Hệ thống Quản lý Nghề cá
RDMA	Regional Development Mission for Asia/ Sứ mệnh phát triển khu vực châu Á
SDG	Sustainable Development Goals/Các mục tiêu phát triển bền vững
SFM	Sustainable Fisheries Management/Quản lý nghề cá bền vững

SFMP	Sustainable Fisheries Management Plan/Kế hoạch quản lý nghề cá bền vững
SEAFDEC	Southeast Asian Fisheries Development Center Trung tâm Phát triển Nghề cá Đông Nam Á
UNSRAT	Sam Ratulangi University/Đại học Sam Ratulangi
USAID	United States Agency for International Development/Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ
VC	Value Chain/Chuỗi giá trị
WID	Women in Development/Phụ nữ trong sự phát triển
WINFISH	National Network on Women in Fisheries in the Philippines, Inc. Mạng lưới quốc gia phụ nữ trong nghề cá ở Philippines
WLF	Women Leaders' Forum/Diễn đàn lãnh đạo nữ



LỜI CẢM ƠN

Tài liệu hướng dẫn đào tạo này được phát triển thông qua sự liên kết của Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) với Ban tổ chức của hội nghị toàn cầu lần thứ 7 về Nuôi trồng và Nghề cá (GAF7). Sự đóng góp tri thức từ các chuyên gia nổi tiếng thế giới trong nghiên cứu về giới có tác dụng không chỉ ở trong Nuôi trồng và Nghề cá mà còn trong các lĩnh vực rộng lớn hơn như nông nghiệp, phát triển, kinh tế, thuyết nữ quyền, thị trường và thương mại, xã hội học, và lĩnh vực chính trị xã hội cũng được công nhận.

USAID Oceans hân hạnh được cung cấp ấn bản đầu tiên của Hướng dẫn đào tạo về Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản đến các đối tác và các học viên của chương trình, và cảm ơn những đóng góp trong việc hỗ trợ phát triển tài liệu hướng dẫn này.

Tài liệu này được thực hiện nhờ sự hỗ trợ đóng góp của người dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Các quan điểm thể hiện trong tài liệu này không hẳn là phản ánh quan điểm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ hoặc Chính phủ Hoa Kỳ.

Sự bày tỏ của Donald Bason

THÔNGIỆP TỪ CÁC ĐỐI TÁC

Bình đẳng giới đã trở thành chủ đề ngày càng quan trọng và tạo sự quan tâm đối với những người làm việc trong lĩnh vực phát triển nghề cá và nuôi trồng thủy sản, được thúc đẩy bởi sự nhận thức ngày càng tăng của phụ nữ về những đóng góp lớn của họ nhưng chưa được công nhận và tầm nhìn quốc gia và quốc tế về sự bình đẳng. Tuy nhiên rất nhiều nhà nghiên cứu, quản lý nghề cá và các sinh viên mà hỗ trợ phong trào này lại thiếu kiến thức chuyên môn về lý thuyết giới tính và cả thực hành. Do đó, việc trang bị cho những người có vai trò hay có thể ảnh hưởng đến ngành thủy sản thông qua các hội thảo đào tạo ngắn hạn về giới tính đã được xác định là ưu tiên hàng đầu bởi các tổ chức khu vực. Vì thế, Bộ phận phụ trách về vấn đề giới trong Nuôi trồng Thủy sản và Nghề cá (GAFS) của Hiệp hội Nghề cá Châu Á (AFS) và Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) đã hợp tác để phát triển và biên soạn các tài liệu đào tạo có thể được phổ biến rộng rãi để hỗ trợ xây dựng năng lực cho các học viên.

Chúng tôi xin được giới thiệu bản tóm tắt tài liệu đào tạo này từ các nguồn gốc khác nhau nhưng được bổ sung, phát triển thêm bởi các đối tác làm việc trong suốt quá trình nghiên cứu và phát triển. Những tài liệu này đã được phát triển và biên soạn để giúp các chuyên gia và sinh viên làm việc trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản hiểu rõ hơn về lý thuyết và thực hành giới. Ba chương đầu tiên bao gồm các nội dung lý thuyết và các nghiên cứu tình huống từ các Hội thảo lần thứ nhất và lần thứ hai đào tạo về vấn đề Giới trong Nuôi trồng thủy sản và Nghề cá trong số 101 Hội thảo – Tập huấn do GAFS tổ chức tại Hội nghị về Vấn đề Giới trong Nuôi trồng Thủy sản và Nghề cá năm 2016 và 2018. Chương Bốn tập trung vào hội nhập giới và bao gồm các trích đoạn từ Hướng dẫn sắp tới của USAID Oceans về Đánh giá nhanh các hệ thống quản lý nghề cá: Tích hợp phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM), hồ sơ khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT) và Vấn đề giới.

Chúng tôi tin tưởng rằng bạn sẽ thấy tài liệu này có giá trị lớn trong quá trình công việc hướng tới được sự bình đẳng hơn về giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản.

TS Meryl Williams, Đồng chủ tịch, Ban tổ chức, GAF7

Giáo sư Kyoko Kusakabe, Đồng Chủ tịch, Ban tổ chức GAF7



Bình đẳng giới là một trong 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đặt ra. Giới là một khái niệm được xây dựng mang tính xã hội đề cập đến vai trò và mối quan hệ quyền lực giữa phụ nữ và nam giới, được xác định bởi bối cảnh xã hội, chính trị và kinh tế. Trong nhiều nền văn hóa, mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới có thể khiến một bên bị thiệt thòi về quyền kiểm soát nguồn lực, tiếp cận dịch vụ và khả năng tận dụng các cơ hội mới và đối phó với những thay đổi liên tục ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Tuy nhiên, khái niệm về giới và cách nó ảnh hưởng đến các cá nhân, cơ hội và trạng thái của cá nhân không được nhiều người hiểu rõ, bao gồm cả những người quản lý và làm việc trong nghề cá ở Đông Nam Á. Do đó, cần phải xây dựng kiến thức và năng lực của các cá nhân trong ngành thủy sản để hiểu rõ hơn về phương pháp tiếp cận giới.

Để đạt được mục đích này, Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID đã nỗ lực cải thiện tính bền vững của nghề cá Đông Nam Á, trong quá trình làm, có xem xét khía cạnh con người và quan điểm giới để đạt được sự phát triển và quản lý nghề cá bền vững. Là một phần trong nỗ lực xây dựng và củng cố hệ thống kiến thức, cuốn cẩm nang này được phát triển để chia sẻ các nghiên cứu điển hình và kinh nghiệm của USAID Oceans và các đối tác của họ để hỗ trợ hiểu biết và phát triển kỹ năng trong lý thuyết và thực hành nghiên cứu về nghề cá có xem xét vấn đề giới.

Là một đối tác khu vực của Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID, Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á (SEAFDEC) nhân cơ hội này để chúc mừng dự án và hy vọng rằng cuốn cẩm nang này hữu ích cho các quốc gia và các tổ chức có liên quan làm việc trong ngành thủy sản để hướng dẫn việc cân nhắc vấn đề nhạy cảm về giới trong công việc của họ hướng tới đạt được sự phát triển và quản lý nghề cá bền vững.

KS.15

TS. Kom Silapajarn

Tổng thư ký SEAFDEC



LỜI TỰA

Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) hợp tác với các đối tác trong khu vực để chống lại việc đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Đông Nam Á. Nằm trong sứ mệnh của mình, USAID Oceans cam kết thúc đẩy việc lồng ghép các vấn đề về giới trong việc thảo luận và ra quyết định quản lý nghề cá khu vực. USAID Oceans tin rằng bằng cách hỗ trợ các đối tác khu vực và địa phương thúc đẩy công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ trong quản lý nghề cá bền vững sẽ cho phép đưa bình đẳng giới vào các chính sách, kế hoạch và phương pháp phát triển khu vực, quốc gia và địa phương, cũng như thúc đẩy sự phát triển các chính sách và chiến lược về giới.

USAID Oceans được ra mắt vào năm 2015 và đã hợp tác làm việc được 3 năm với các đối tác trên khắp Đông Nam Á, bao gồm Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á (SEAFDEC), Sáng kiến Tam giác San hô về Rạn san hô, Nghề cá và An ninh lương thực (CTI-CFF) và các cơ quan thủy sản quốc gia để tăng hiểu biết về sự ảnh hưởng của vấn đề giới và tầm quan trọng của nó trong ngành thủy sản như thế nào. Từ năm 2015, USAID Oceans đã chứng kiến sự gia tăng các thảo luận quốc tế và khu vực về các khía cạnh xã hội của nghề cá, với sự quan tâm ngày càng nhiều từ các đối tác trong việc xây dựng năng lực nhận thức về giới.

USAID Oceans sẵn lòng hỗ trợ nền tảng phát triển cho các ngành có liên quan vấn đề giới và cảm ơn từng đồng tác giả của tài liệu đào tạo này vì những đóng góp của họ. Hy vọng rằng sự đóng góp này thúc đẩy các đối tác khu vực, quốc gia và tổ chức cùng hợp tác vì công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ trong nghề cá, cuối cùng góp phần đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững Số 5 về Bình đẳng giới, đồng hành với tất cả các mục tiêu phát triển khác đặt ra cho ngành thủy sản. Một cách tiếp cận nhạy cảm về giới để nghiên cứu, giáo dục, quản trị và tất cả các khía cạnh phát triển khác (kinh tế, con người, chính trị, xã hội và công nghệ) là cần thiết để đảm bảo tất cả các nỗ lực được bao gồm về mặt xã hội và không ai bị bỏ lại phía sau.

Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Hướng dẫn đào tạo này được phát triển thông qua nỗ lực hợp tác của Bộ phận phụ trách vấn đề giới trong ngành Nuôi trồng và Khai thác thủy sản của Hiệp hội Nghề cá Châu Á và Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans). Hướng dẫn được tổng hợp từ các tài liệu đào tạo đã được sử dụng trên khắp Đông Nam Á, và hơn thế nữa, để cung cấp một hướng dẫn phản ánh những kinh nghiệm trong lĩnh vực này, bao gồm cả phụ nữ và nam giới trong ngành thủy sản.

Hướng dẫn này cung cấp các công cụ cho việc nghiên cứu nghề cá có tích hợp với khoa học xã hội và quan điểm về giới. Ba chương đầu tiên là sản phẩm của các hội thảo được thực hiện trong Hội nghị toàn cầu lần thứ 6 và 7 về giới trong Nuôi trồng và Khai thác Thủy sản (GAF6 và GAF7), và nghiên cứu thực địa ở châu Á. Chương thứ tư cung cấp hướng dẫn thực tế về cách thức hoạt động của nghề cá, như tiến hành đánh giá hệ thống quản lý nghề cá, có thể bao gồm các khía cạnh giới trong nghề cá và thừa nhận kinh nghiệm và nhu cầu đa dạng hóa các bên liên quan. Phần cuối cùng là trích dẫn thêm các nguồn tài liệu để biết thêm thông tin và nghiên cứu khác.

Chúng tôi sẵn sàng tiếp thu ý kiến và phản hồi của bạn về tài liệu hướng dẫn này, bao gồm các đề xuất bổ sung cho nội dung có thể hữu ích cho công việc của bạn trong việc hiểu và thúc đẩy hội nhập giới trong Nuôi trồng và Khai thác Thủy sản. Các ý kiến có thể được gửi đến địa chỉ info@oceans-partnership.org

GIỚI THIỆU VỀ CÁC NHÀ PHÁT TRIỂN

Bộ phận phụ trách vấn đề giới trong ngành Nuôi trồng và Khai thác thủy sản, Hiệp hội Nghề cá Châu Á - Bộ phận phụ trách vấn đề giới trong ngành Nuôi trồng và Khai thác thủy sản (GAFS) của Hiệp hội Nghề cá Châu Á được thành lập vào tháng 1 năm 2017, dựa trên gần 20 năm hoạt động được lãnh đạo bởi một mạng lưới không chính thức trước đó gọi là Phụ nữ trong Nghề cá, và sau đó là Giới trong Nuôi trồng và Khai thác Thủy sản. GAFS phát huy tầm quan trọng của khía cạnh giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản, và với sự hình thành của GAFS, Hiệp hội Nghề cá châu Á đã trở thành Tổ chức Xã hội về Nghề Khai thác và Nuôi trồng Thủy sản đầu tiên thành lập một bộ phận dành riêng cho vấn đề về giới trong Khai thác và Nuôi trồng Thủy sản. Để tìm hiểu thêm về GAFS, vui lòng truy cập www.genderaquafish.org



Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) –



USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



USAID Oceans là một hoạt động 5 năm nhằm tăng cường hợp tác khu vực để chống lại việc đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) và bảo tồn đa dạng sinh học biển ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. USAID Oceans là sự hợp tác giữa Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á (SEAFDEC) và Sáng kiến Tam giác San hô cho Rạn san hô, Thủy sản và An ninh lương thực (CTI-CFF). Chương trình này hoạt động trên khắp Đông Nam Á với các đại diện và chuyên gia của Cơ quan Nghề cá khu vực để xây dựng và triển khai các Hồ sơ khai thác và hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, cải thiện quản lý nghề cá bền vững bằng cách sử dụng Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá và giải quyết vấn đề bình đẳng giới và con người, và phát triển quan hệ đối tác công tư để hỗ trợ những nỗ lực này. USAID Oceans tìm cách thúc đẩy việc đưa các vấn đề về giới vào luật pháp, kế hoạch, cách tiếp cận phát triển của khu vực, quốc gia và địa phương, cũng như thúc đẩy sự phát triển của các chính sách cụ thể về giới. Để tìm hiểu thêm về USAID Oceans, vui lòng truy cập www.seafdec-oceanspartnership.org.

CHƯƠNG I. LÝ THUYẾT VỀ GIỚI TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÀ NGHỀ CÁ

Biên soạn bởi Marilyn Porter¹, Holly Hapke², Susana Siar³, Kyoko Kusakabe⁴, Amonrat Sermwatanakul⁵, Malasri Khumsri⁶

Tổng quan về Khóa học

Giới thiệu:

Vấn đề về giới rất quan trọng đối với nghề cá và nuôi trồng thủy sản, nhưng thường có một khoảng cách trong cách hiểu về giới và nghiên cứu về giới là như thế nào. Hội thảo này tìm hiểu các khái niệm cơ bản của lý thuyết giới với mục tiêu giới thiệu các khái niệm giới tính đến nhiều đối tượng. Những người tham gia cũng sẽ tìm hiểu về các vấn đề hiện tại trong nghiên cứu về giới và thảo luận về cách tăng năng lực cho nghiên cứu về giới sâu hơn trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản.

Mục tiêu của chương trình hội thảo là để:

- Cung cấp cho người tham gia các công cụ thiết yếu để hiểu vai trò của giới trong nghiên cứu về Nghề cá và Nuôi trồng thủy sản;
- Giúp người tham gia hiểu rõ hơn về ý nghĩa của việc khi nghiên cứu về giới trong Nghề cá và Nuôi trồng thủy sản, không chỉ đơn giản là về phân công lao động theo giới;
- Cung cấp một giới thiệu ngắn gọn về phương pháp tiếp cận để thực hiện nghiên cứu về giới trong lĩnh vực thủy sản; và
- Cung cấp một bức tranh về hiện trạng cho các nhà nghiên cứu về giới trong khu vực.

Số người tham gia: 5 (tối thiểu) đến 30 (tối đa)

Thời lượng: 4-6 giờ

Chương trình:

- Phần I – Khái niệm cơ bản và Tiếp cận lý thuyết để hiểu về giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản; Sử dụng Giới trong Nghiên cứu Nghề cá
- Phần II – Chúng ta lý thuyết hoá Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy như thế nào? Làm việc nhóm nhỏ - Các Nghiên cứu thí điểm và Phát triển một Dự án Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản
- Phần III – Làm việc nhóm nhỏ
- Phần IV – Các nguồn thông tin khác

¹ Giáo sư Emeritus, Đại học Memorial, Canada

² Giám đốc Nghiên cứu Phát triển Khoa học xã hội và Sinh thái xã hội, Đại học California-Irvine, USA

³ Nhân viên phụ trách Khai thác và Nuôi trồng Thủy sản, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc, Bangkok, Thái Lan

⁴ Giáo sư, Nghiên cứu về Giới và Phát triển, Trường Môi trường, Tài nguyên và Phát triển, Viện Công nghệ Châu Á, Pathumthani, Thái Lan

⁵ Chuyên gia cao cấp về Quản lý nghề cá, Bộ Thủy sản, Bangkok, Thái Lan

⁶ Trưởng nhóm nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản dựa vào cộng đồng, Phòng Nghiên cứu và Phát triển nuôi trồng thủy sản nội địa, Bộ Thủy sản, Bangkok, Thái Lan

Phần I - Các Khái niệm cơ bản và các tiếp cận lý thuyết để hiểu về giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản - Sử dụng giới trong nghiên cứu thủy sản

Lý thuyết là gì và tại sao chúng ta cần nó?

Lý thuyết không phải khó khăn hay đáng sợ; trong thực tế, tất cả chúng ta làm điều đó trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Lý thuyết cho phép chúng ta hiểu các kết nối giữa các sự kiện và quy trình hoặc các rắc rối riêng tư và các vấn đề công cộng. Lý thuyết cũng giúp cung cấp cho chúng ta khuôn khổ của sự hiểu biết, cũng như những sự thật đằng sau các vấn đề. Ngoài ra, lý thuyết giúp chúng ta xây dựng các liên minh và phát triển hành động chính trị. Trên hết, lý thuyết khuyến khích chúng ta đặt câu hỏi, tại sao?

Thế nào là các câu hỏi “tại sao”?

Sự thật: Chúng ta biết rằng phần lớn đàn ông đánh cá và phụ nữ xử lý sản phẩm. Tại sao?

Sự thật: Chúng ta biết rằng nhiều đàn ông phạm tội bạo lực với phụ nữ hơn so với phụ nữ phạm tội bạo lực với đàn ông. Tại sao?

Sự thật: Chúng ta biết rằng một số nhóm người hoặc gia đình nhất định nào đó trong cộng đồng nắm giữ nhiều quyền lực hơn những nhóm khác.

Tại sao?

Hãy xem xét những điều sau: Các nhà khoa học Nuôi trồng và Khai thác Thủy sản cũng đã nghiên cứu lý thuyết.

Khoa học xã hội:

- Liên quan đến con người, cộng đồng, nhóm, cấu trúc xã hội, kinh tế chính trị và những thứ tương tự;
- Liên quan đến các ý tưởng của con người và cách họ hành xử, và cách kết nối với các cấu trúc xã hội; và
- Công nhận và tôn trọng mọi người về tính chủ quan, sự hiểu biết của họ về tình huống của họ.

Khoa học Tự nhiên:

- Liên quan nhiều hơn với những thứ mà nó không thể phản hồi trở lại; và
- Yêu thích tính toán và đo lường.

Khoa học tự nhiên và xã hội đều sử dụng lý thuyết.

Lý thuyết khoa học xã hội:

- Liên quan đến cách thức và lý do con người / loài người trải nghiệm thực tế của họ;
- Hiểu những hạn chế mà họ gặp phải;
- Cố gắng mô tả sự phức tạp của các mối quan hệ của họ; và
- Giúp phát triển các hành động để đáp ứng với các tình huống của họ.

Nhưng, hiện tại ghi nhận sự thiếu lý thuyết về nữ quyền nuôi trồng và khai thác thủy sản, điều này có thể được cải thiện bằng những công việc ban đầu để tích hợp vấn đề giới trong các hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Hạn chế của các Khái niệm Lý thuyết

Người ta phải hiểu những hạn chế của các khái niệm lý thuyết trong bối cảnh khoa học xã hội. Các loại mô hình và khuôn khổ mà khoa học xã hội tạo ra không được áp dụng phổ biến, và khi các học viên chúng ta cần hiểu những hạn chế đó. Người dân và cộng đồng cực kỳ phức tạp, đa dạng và liên tục thay đổi. Tuy nhiên, một khái niệm tốt có thể giúp chúng ta hiểu một phần của một cái gì đó, đôi khi trong một số tình huống. Cũng phải thừa nhận rằng trong khi lý thuyết có thể hữu ích, nhưng nó sẽ không cung cấp cho chúng ta tất cả các câu trả lời; chỉ cung cấp một số dự đoán, trong khoảng thời gian nào đó, trong một số trường hợp, trong một thời gian hạn chế.

Lý thuyết nữ quyền

Có nhiều lý thuyết và khung lý thuyết về nữ quyền, nhưng nhiều lý thuyết hiệu quả có chung đặc điểm. Một lý thuyết về nữ quyền tốt không phải là về phụ nữ với tư cách là một trong số họ hay là đối tượng nghiên cứu, mà là phụ nữ là một phần của nghiên cứu.

Giới

Giới là cấu trúc xã hội. Ban đầu chỉ đơn thuần là giới tính, sau đó vấn đề này tương quan với những thói quen phù hợp. Ví dụ, trong hoạt động đánh cá, có sự phân công lao động theo giới tính, bao gồm các hạn chế (đặc biệt là) đối với phụ nữ. Tuy nhiên, có những cơ hội và thách thức để thay đổi điều này.

Khung lý thuyết duy vật về nữ quyền cho nghiên cứu về giới

“Chủ nghĩa nữ quyền duy vật” là một cách tiếp cận phân tích bắt nguồn từ nền kinh tế chính trị mà ở đó xem xét văn hóa, các công trình văn hóa về giới tính và quan hệ quyền lực. Điểm khởi đầu là “Các mối quan hệ về Giới”, đó là mối quan hệ thứ bậc về quyền lực giữa phụ nữ và nam giới, trong một số trường hợp, gây bất lợi cho phụ nữ. Tập trung vào các mối quan hệ về giới (so với vai trò giới) nhấn mạnh đến sự kết nối giữa phụ nữ và cuộc sống của nam giới và sự giao thoa của giới với các hệ thống quan hệ xã hội khác, ví dụ như giai cấp, đẳng cấp, sắc tộc và chủng tộc. Mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu này là tạo ra mối quan hệ bình đẳng và công bằng hơn giữa phụ nữ và nam giới, dẫn đến việc trao quyền cho mọi người trong xã hội.

Hình 1 trình bày cách các yếu tố khác nhau định hình các điều kiện vật chất trong cuộc sống của người dân. Quyền lợi bất bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế bị làm trầm trọng thêm bởi các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa và chính trị. Đó là, các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội củng cố lẫn nhau. Ví dụ, phụ nữ có thể bị từ chối được tiếp cận vào các nguồn lực kinh tế, chẳng hạn như quyền sở hữu hoặc thuê đất, điều này được quy định bởi các thể chế chính trị và pháp lý (Luật tài sản và thừa kế) và được xác nhận bởi các quy tắc văn hóa như “phụ nữ không nên sở hữu đất”. Điều này dẫn đến các cấu trúc xã hội không công bằng, do đó các tập quán xã hội và các chuẩn mực văn hóa có tác động vật chất có thể gây bất lợi cho phụ nữ về kinh tế, chính trị và pháp lý.

Hình 1. Khung đầy đủ và tích hợp của chủ nghĩa nữ quyền vật chất



Để xem xét các yếu tố khác nhau có thể tác động đến các cá nhân như thế nào, hãy xem xét các khía cạnh sau đây của kinh tế chính trị (bao gồm các yếu tố kinh tế, môi trường, chính trị và pháp lý):

- Cơ sở nguồn lực
- Chiến lược sinh kế
- Tổ chức kinh tế
- Phân công lao động
- Chế độ tài sản, quyền tiếp cận nguồn lực, các tổ chức pháp lý khác
- Quan hệ quyền lực được cấu trúc và xuất phát từ sự phân công lao động và tiếp cận các quyền và nguồn lực

Xem xét: Làm thế nào để toàn cầu tác động đến địa phương? Làm thế nào để địa phương kết nối toàn cầu? Thang đo địa lý của phân tích bao gồm:

- Cá nhân
- Hộ gia đình
- Cộng đồng / Kinh tế địa phương
- Kinh tế khu vực
- Kinh tế nhà nước và quốc gia
- Kinh tế toàn cầu

Xem xét: Cấu trúc xã hội là gì? Hãy thử nghĩ vượt ra ngoài phạm vi cá nhân về những cấu trúc xã hội và các thiết chế văn hóa mà mỗi người có thể là một phần trong đó. Ví dụ về cấu trúc xã hội bao gồm:

- Lớp học
- Giáo dục
- Dân chủ
- Tổ hợp công nghiệp-quân sự
- Ngư nghiệp
- Nhà thờ
- Gia đình

Hình 2. Ví dụ về các mối quan hệ giao thoa



Sự giao thoa

Tất cả các cấu trúc xã hội và văn hóa và chính trị và kinh tế là sự kết hợp từ nhiều yếu tố.

Hình 2 cho thấy một vị trí cá nhân trong xã hội là kết quả của các yếu tố khác nhau, điều này không chỉ được xác định bởi một mối quan hệ. Chẳng hạn, một vị trí người phụ nữ trong xã hội không chỉ phụ thuộc vào mối quan hệ của cô ấy với chồng; tương tự như vậy, mối quan hệ của người phụ nữ với chồng có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập độc lập của cô ấy hoặc tài sản mà cô ấy sở hữu. Nó cũng có thể được định hình bằng việc cô ấy đang sống ở làng quê hay cô ấy chuyển đến nhà chồng. Khả năng di chuyển trong phạm vi xa (chẳng hạn như có thể làm việc như một thương nhân đường dài) làm ảnh hưởng đến mối quan hệ của cô ấy không chỉ với chồng mà còn với những nguồn lực cô ấy có thể nắm bắt. Các chuẩn mực giới tính cộng đồng cũng có thể hạn chế khả năng làm việc như một thương nhân đường dài.

Để hiểu các mối quan hệ giới tính và vị trí của một cá nhân trong xã hội, điều quan trọng là các khía cạnh khác nhau trong cuộc sống của cá nhân, các bản sắc khác nhau và các mối quan hệ đã và đang tồn tại đều được phân tích cùng nhau, vì các mối quan hệ quyền lực được tạo ra bởi vô số tương tác khác nhau mà một cá nhân có đối với những người khác.

Nguồn: Holly Hapke và Marilyn

Hành động tập thể

Rất khó để thay đổi từng cá nhân. Như vậy cần xem trọng việc thảo luận và giáo dục tập thể. Điều này cho phép hành động tập thể ở cấp địa phương. Một cách khác cũng quan trọng nữa đó là tạo ra sự thay đổi trong chính sách và quy định ở cấp khu vực và quốc gia.

Ví dụ, xem xét việc sử dụng các công cụ quốc tế, ví dụ như Hướng dẫn tự nguyện của FAO cho các nghề cá quy mô nhỏ và Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) để làm hướng dẫn.

Phần II-Làm thế nào để chúng ta lý thuyết hóa các Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản

Làm việc theo nhóm nhỏ - Nghiên cứu trường hợp và Phát triển Dự án Nghiên cứu về Giới trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản

Nghiên cứu tình huống: Lượm nhặt các loài hai mảnh vỏ, rong biển và động vật không xương sống là một hoạt động kinh tế quan trọng đối với phụ nữ ở Quốc gia X, nhưng thu nhập của họ vẫn còn thấp và cơ hội cho việc di chuyển nghề nghiệp bị hạn chế. Chính phủ thì cung cấp ít hỗ trợ cho ngành thủy sản và còn thành lập một Khu bảo tồn biển và hiện nó làm hẹp đi các khu vực mà phụ nữ có thể tiến hành công việc trước đó của họ. Nghèo đói ở phụ nữ trong các lĩnh vực này là phổ biến.

- Bạn sẽ hỏi gì về câu hỏi “tại sao”?
- Những loại thông tin bạn sẽ cần để trả lời những câu hỏi này?
- Bạn muốn đề xuất chiến lược nào để cải thiện tình hình?
- Cơ sở lý thuyết của các đề xuất của bạn là gì?

Phần III-Làm việc theo nhóm nhỏ

Báo cáo trở lại - Chia sẻ kết quả thảo luận nhóm nhỏ của bạn.

1. Chia sẻ với nhóm một câu về mối quan tâm chính của bạn đối với nuôi trồng và khai thác thủy sản.
2. Xác định một tình huống hoặc trường hợp ngắn.
3. Dành hai phút để suy ngẫm về các câu hỏi “Tại sao” xuất hiện trong đầu.
4. Chia sẻ các câu hỏi “Tại sao” của bạn. Điều gì là quan trọng đối với mỗi câu hỏi?
5. Chọn một câu hỏi “Tại sao” để đặt câu hỏi nghiên cứu lý thuyết.
6. Chọn một báo cáo viên để báo cáo lại tình huống / trường hợp đã chọn và câu hỏi nghiên cứu lý thuyết mà bạn đã xác định.

Phần IV-Những nguồn thông tin khác

Tham khảo thêm những nguồn thông tin sau để biết thêm thông tin liên quan đến khóa đào tạo này.

- Thủy sản - <http://aquaticcommons.org>
- OceanDocs - <http://www.oceandocs.org>
- Trung tâm WorldFish - <http://www.worldfishcenter.org>
- Eldis - <http://www.eldis.org>
- Sáng kiến quốc tế về đánh giá tác động - <http://www.3ieimpact.org>
- Tổ chức quốc tế hỗ trợ người lao động nghề cá - <http://www.icsf.net> và <http://wif.icsf.net>
- Trung tâm học tập trực tuyến FAO từ xa - <http://www.fao.org/elearning/#/elc/en/home>
- Giới trong nuôi trồng và khai thác thủy sản - <https://genderaquafish.org>
- Mạng lưới các trung tâm nuôi trồng thủy sản ở châu Á-Thái Bình Dương - <http://enaca.org>

- Cục Nuôi trồng thủy sản, Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á - <http://www.seafdec.org.ph>
- Viện Công nghệ Châu Á - <http://www.serda.ait.ac.th/wpserd/annual-research-reports>
- Các ấn phẩm của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) - <http://www.fao.org/publications/en/>
- Nghiên cứu CGIAR về Giới và Nông nghiệp - <https://gender.cgiar.org>

Việc phát triển và tổ chức khóa đào tạo này được tài trợ bởi Bộ Thủy sản Thái Lan và Ngân hàng Phát triển Châu Á. Những bên hỗ trợ khác bao gồm Phòng thí nghiệm Đổi mới Aquafish, Đại học Philippines Visayas, Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID, Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á, Hiệp hội Thủy sản Châu Á, Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản ở Châu Á Thái Bình Dương, Viện Công nghệ Châu Á, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc, Cơ quan Nuôi trồng thủy sản Không biên giới và Tiếp thị Hải sản. Nguồn hỗ trợ đóng góp cho tác giả Holly Hapke được cung cấp bởi Quỹ khoa học quốc gia Hoa Kỳ. Tất cả các ý tưởng và ý kiến bày tỏ là của riêng cô ấy và không đại diện cho ý kiến của Cơ quan.

CHƯƠNG 2. SỬ DỤNG SỰ GIAO THOA TRONG NGHIÊN CỨU VỀ GIỚI VÀ NGHỀ CÁ

Biên soạn bởi Marilyn Porter¹, Christine Knott² và Holly Hapke³

Tổng quan Khóa học

Giới thiệu:

Các lý thuyết và phương pháp tương tác đã ngày càng được sử dụng trong các nghiên cứu về giới để phân tích các trường hợp thực tế về phân biệt đối xử và áp bức mang tính phức tạp và đa diện mà các nhóm khác nhau phải đối mặt trong xã hội. Tương tác là một khung phân tích để cố gắng xác định các hệ thống quyền lực đan xen ảnh hưởng đến những người bị thiệt thòi nhất trong xã hội như thế nào (Cooper 2016). Mục tiêu của khóa học này là phân tích sự tương tác như một khái niệm và làm cho nó hữu ích để phân tích trong nghiên cứu về khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Số lượng người tham gia: 5 (tối thiểu) đến 35 (tối đa)

Thời lượng: 2.5-3 giờ □

Chương trình:

- Phần I – Sự tương tác là gì?
- Phần II - Khung nữ quyền tương tác: Một sự tiên phong (CRIAOW)
- Phần III - Nghiên cứu trường hợp: Crenshaw
- Phần IV - Sử dụng tương tác trong nghiên cứu
- Phần V - Bài tập nhóm, Báo cáo và Thảo luận



¹ Giáo sư danh dự, Đại học Memorial, Canada

² Nghiên cứu sinh, Viện Đại dương Frontier, Khoa Địa lý, Đại học Memorial, Canada

³ Giám đốc Phát triển Nghiên cứu, Khoa học Xã hội và Sinh thái Xã hội, Đại học California-Irvine, Hoa Kỳ

Phần I-Sự giao thoa là gì?

Sự giao thoa là gì?

Sự giao thoa đề cập đến bản chất liên kết của các phạm trù xã hội hoặc bản sắc văn hóa, chẳng hạn như chủng tộc, giai cấp và giới tính khi chúng tạo ra các hệ thống thử thách, phân biệt đối xử hoặc bất lợi đan xen và phụ thuộc lẫn nhau. Thay vì cô lập một vai trò trong đó, đặc quyền hoặc các điểm khác bên lề, lý thuyết về sự giao thoa làm sáng tỏ cách thức các vectơ yếu tố khác nhau như chủng tộc và giới tính tác động lẫn nhau để hình thành các chủ thể và các tác động đặc trưng.

Chẳng hạn, không ai chỉ đơn thuần là nghèo, hoặc chỉ là nữ, hoặc chỉ là một người lượm cá, hoặc chỉ là một người mẹ. Thay vào đó, các cá nhân thể hiện nhiều vai trò đan xen nhau theo những cách khác nhau và trong các bối cảnh khác nhau.

Bài tập: Những vai của tôi là gì? Chúng tương tác với nhau như thế nào?

Các khía cạnh của vai:

- Tuổi tác
- Giới tính
- Tôn giáo/đẳng cấp
- Chủng tộc
- Khả năng thể chất/tinh thần (Dis)
- Giới tính
- Tình trạng kinh tế xã hội
- Nền tảng giáo dục
- Tình trạng việc làm
- Xuất thân gia đình/mối quan hệ
- Quyền công dân
- Sự thông thạo ngôn ngữ
- Quan điểm chính trị
- Khác?

Tóm tắt ngắn gọn danh tính của bạn theo các loại trên:

Danh tính của tôi mà tôi thường dùng hàng ngày là _____.

Danh tính của tôi mà người khác thường nhận dạng là _____.

Danh tính của tôi mà cho tôi đặc quyền nhất là _____.

Danh tính của tôi mà tôi cảm thấy có nhiều quyền nhất là _____.

Danh tính của tôi làm tôi cảm thấy khó chịu nhất là _____.

Danh tính của tôi mà tôi cảm thấy ít dùng nhất là _____.

Suy nghĩ về đặc quyền và trao quyền, làm thế nào để các khía cạnh khác nhau trong danh tính của bạn tương tác để tạo lợi thế? Bất lợi?

Những khía cạnh nào dường như mâu thuẫn với nhau? Trong bối cảnh nào?

Tại sao sự giao thoa lại quan trọng?

Quyền lực. Ai nắm giữ nó, làm thế nào để chia sẻ, ai được hưởng lợi từ các thỏa thuận hiện tại, làm thế nào để thay đổi? Sự hiểu biết của chúng ta về những vấn đề này được đào sâu bằng cách sử dụng sự giao thoa. Là nhà nghiên cứu, nhiệm vụ của chúng ta là xem xét cách thức và nơi mà quyền lực phù hợp và nơi nó giao thoa với các vấn đề chúng ta xem xét.

Sự giao thoa có phải là một khái niệm mới?

Sự giao thoa không phải là một khái niệm mới, và gốc rễ của sự giao thoa có thể được tìm thấy trong lý thuyết nữ quyền, trong đó đã khảo sát nhiều sự áp bức xảy ra và nhấn mạnh rằng phụ nữ được thể hiện với nhiều danh tính khác nhau. Viện nghiên cứu vì sự tiến bộ của phụ nữ Canada (CRIAOW) đã sử dụng Khung nữ quyền giao thoa (IFFs) trong nghiên cứu vào năm 2007. Oxfam và các cơ quan phát triển khác từ lâu đã hiểu rằng mọi người có sự giao thoa của nhiều danh tính khác nhau và do đó cần các giải pháp phức tạp và tương tác lẫn nhau.



Không có đấu tranh đơn lẻ bởi vì chúng ta không sống trong cuộc sống đơn lẻ

Audre Lorde

Phần II- Khung nữ quyền giao thoa: Một sự tiên phong

Viện nghiên cứu Canada vì sự tiến bộ của phụ nữ (CRIAOW)

Các khung nữ quyền giao thoa (IFFs) nhằm mục đích thúc đẩy sự hiểu biết về nhiều trường hợp kết hợp với thực tiễn xã hội phân biệt đối xử gây ra và duy trì sự bất bình đẳng và phân biệt đối xử. Các IFFs xem xét các hệ thống phân biệt đối xử, như chủ nghĩa thực dân và toàn cầu hóa, có thể tác động đến sự kết hợp của một người như thế nào:

- Tình trạng xã hội hoặc kinh tế;
- chủng tộc hoặc sắc tộc;
- Tầng lớp;
- Vai trò nam, nữ; hoặc là
- Giới tính.

IFFs có thể khiến chúng ta nhận thức được tất cả các cá nhân tồn tại và bị tác động bởi các hệ thống quyền lực và đặc

quyền như thế nào. IFFs tích hợp các quan điểm và kiến thức thế giới mà đã từng bị gạt ra ngoài trong lịch sử. Chúng tạo ra sự hiểu biết rằng các giai đoạn lịch sử của phụ nữ đã tạo ra nhiều bản sắc xã hội, đặt họ vào các vị trí khác nhau trong hệ thống phân cấp quyền lực. Chúng tạo ra các nỗ lực để thử suy nghĩ theo các cặp phạm trù trong việc duy trì sự bất bình đẳng, như lành lặn / khuyết tật, đồng tính / bình thường, trắng / đen, nam / nữ, Tây / Đông và Bắc / Nam; và cho thấy rằng suy nghĩ theo cặp phạm trù trái ngược nhau là kết quả của mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng.

“Các IFFs cố gắng hiểu làm thế nào nhiều lực lượng làm việc cùng nhau và tương tác để củng cố các điều kiện bất bình đẳng và phân biệt trong xã hội. Các IFFs khảo sát các yếu tố bao gồm tình trạng kinh tế xã hội, chủng tộc, giai cấp, vai trò nam nữ, giới tính, khả năng, vị trí địa lý, tình trạng người tị nạn và người nhập cư kết hợp với các hệ thống phân biệt đối xử lịch sử và hiện tại như chủ nghĩa thực dân và toàn cầu hóa để xác định đồng thời sự bất bình đẳng giữa các cá nhân và các nhóm.” - CRIAOW-ICREWF (2006).

Các khuôn khổ nữ quyền có tính chất: liên tục, cụ thể, đa dạng và được kết nối với nhau cả phạm vi địa phương và toàn cầu.

Sự khởi đầu lý thuyết dựa trên ý tưởng về giao điểm:

- Bất bình đẳng xã hội
- Quyền lực
- Mối quan hệ
- Sự phức tạp

Sự giao thoa quan trọng như là yêu cầu bắt buộc. Bởi vì kinh nghiệm về sự giao thoa lớn hơn tổng phân biệt chủng tộc và phân biệt giới tính, bất kỳ phân tích nào không tính đến sự giao thoa đều không thể giải quyết đầy đủ theo một cách thức cụ thể mà trong đó các cá nhân liên quan đều có thể chấp nhận.

Phần III – Nghiên cứu tình huống: Crenshaw

Thuật ngữ “Sự giao thoa” của người Hồi giáo được gán cho Kimberlee Crenshaw, một luật sư người Mỹ, người ủng hộ quyền công dân, và là học giả hàng đầu về lý thuyết chủng tộc quan trọng, người đã đưa ra thuật ngữ này để đối phó với một vấn đề về cách chống phân biệt đối xử về giới và chủng tộc. Trong bối cảnh đất nước Hoa Kỳ, phụ nữ Mỹ gốc Phi và những phụ nữ da màu khác đã trải qua các hình thức phân biệt đối xử chồng chéo. Tuy nhiên, nội dung của luật chống phân biệt đối xử chỉ xem xét sự phân biệt đối xử trong các tình huống hẹp và thường gây khó khăn cho việc chứng minh hình thức phân biệt đối xử đặc biệt đối với phụ nữ da màu, và do đó khiến những người phụ nữ này không có công lý.

Crenshaw là người được cho là đã tạo điều kiện cho việc tạo ra môi trường đối thoại và giải quyết các vấn đề trong các lĩnh vực bất bình đẳng xã hội, quyền lực, mối quan hệ và sự phức tạp.

Ví dụ điển hình của Crenshaw:

Tại Hoa Kỳ năm 1976, trường hợp của DeGraffenreid và Bộ phận hội đồng công ty General Motors đã xảy ra tranh luận khi 5 phụ nữ người Mỹ gốc Phi đã khởi kiện chống lại công ty ô tô General Motors. Những người phụ nữ đã cáo buộc rằng hệ thống chế độ thâm niên của công ty đã bị ảnh hưởng bởi những tác động của sự phân biệt đối xử trong quá khứ đối với phụ nữ Mỹ gốc Phi. Bằng chứng được đưa ra tại phiên tòa cho thấy General Motors đơn giản là không thuê phụ nữ Mỹ gốc Phi trước năm 1964 và tất cả phụ nữ Mỹ gốc Phi được thuê sau năm 1970 đã mất việc trong tình trạng sa thải dựa trên thâm niên trong thời kỳ suy thoái sau đó. Tòa án quận đã đưa ra phán quyết tóm tắt cho bị đơn, bác bỏ nỗ lực của nguyên đơn để đưa ra một vụ kiện không phải thay mặt cho người Mỹ gốc Phi hay phụ nữ, mà cụ thể là thay mặt cho phụ nữ Mỹ gốc Phi. Tòa án tuyên:

“Các nguyên đơn đã thất bại trong việc trích dẫn bất kỳ quyết định nào đã tuyên bố rằng phụ nữ da đen là một lớp đặc biệt để được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử. Nghiên cứu riêng của Tòa án đã không cung cấp các quyết định liên quan đến vấn đề này. Các nguyên đơn rõ ràng có quyền được bào chữa nếu họ bị phân biệt đối xử. Tuy nhiên, họ không được phép kết hợp các biện pháp theo luật định để tạo ra một 'tập thông tin bào chữa' mới, điều này sẽ giúp họ được giúp đỡ nhiều hơn những gì người soạn thảo các đạo luật liên quan dự định. Do đó, vụ kiện này phải được xem xét để xem liệu nó có phải là nguyên nhân của hành động phân biệt chủng tộc, phân biệt giới tính hay không, hoặc không phải là sự kết hợp của cả hai”

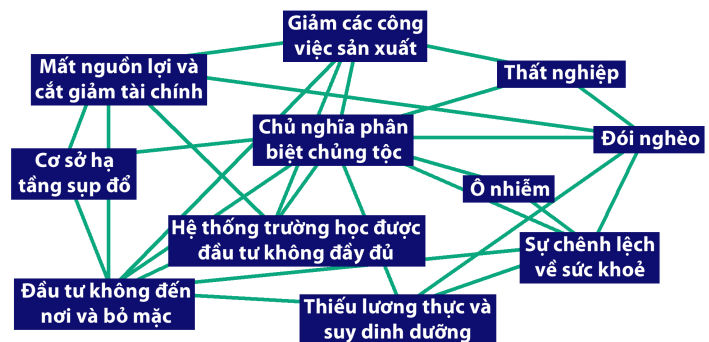
Trong công việc của mình, Crenshaw thường đề cập đến trường hợp này. Mặc dù Crenshaw là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “Sự giao thoa”, trong bối cảnh nữ quyền, quan niệm rằng kinh nghiệm sống của một người được trung gian bởi sự giao thoa giữa chủng tộc, giai cấp và giới tính (trong số các yếu tố khác) đã được thảo luận rộng rãi bởi những phụ nữ Mỹ gốc Phi trước khi Crenshaw đặt ra thuật ngữ này. Các nhà tư tưởng nữ quyền da đen, như Patricia Hill Collins và Bell Hook, đã chỉ trích sâu sắc sự vắn mặt dễ thấy của những kinh nghiệm của phụ nữ Mỹ gốc Phi trong cả lý thuyết nữ quyền và chống phân biệt chủng tộc, họ cho rằng xu hướng coi chủng tộc hay giới tính là những trục phân tích độc lập thay vì tạo ra một khung công việc chung để có thể giải quyết cả hai vấn đề (và các) trục áp bức khác.

Phần IV – Sử dụng Sự giao thoa trong nghiên cứu

Sự giao thoa đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải tôn trọng những người thuộc các nền văn hóa, chủng tộc và tôn giáo khác, ngay cả khi nó khác với chính họ. Ví dụ, là một nhà nữ quyền giao thoa không chỉ là về lý tưởng trừu tượng. Nó cũng đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ về sự giao thoa thể hiện trong cuộc sống của chúng ta, cả khi chúng ta bị áp bức và khi chúng ta được đặc quyền

Các kết quả của việc coi trọng sự giao thoa:

- Sử dụng các công cụ để phân tích xem xét sự phức tạp của cuộc sống phụ nữ;
- Đảm bảo phân tích chính sách tập trung vào cuộc sống của những người bị thiệt thòi nhất;
- Cố gắng nghĩ về cuộc sống của phụ nữ theo cách toàn diện khi đưa ra chính sách; và
- Đánh giá sự tự phản ánh trong niềm tin công bằng xã hội của chúng ta để chúng ta đặt vào vị trí bản thân để phân tích.



Phần V – Làm bài tập nhóm, báo cáo và thảo luận

Bài tập nhóm: Xây dựng một biểu đồ về bản chất giao thoa của các vấn đề về giới và nghề cá trong cộng đồng hoặc khu vực nghiên cứu của bạn.

- Các yếu tố chính trong cuộc thảo luận về giao thoa mà bạn đang xem là gì - ví dụ: chủng tộc, giai cấp, dân tộc, địa phương, nghề nghiệp?
- Ai có quyền lực và nó được thực hiện như thế nào?
- Chúng ta có thể thực hiện những bước nào trong nghiên cứu và hành động để phân phối quyền lực bình đẳng hơn?

Tài liệu liên quan:

Cooper, B. 2016. Sự giao thoa. Trong: Disch, L. và Hawkesworth, M (chủ biên). Cẩm nang Oxford về lý thuyết nữ quyền. Nhà xuất bản Đại học Oxford. Số: 10.1093/oxfordhb/99328581.013.20

CRIAW-ICREF. 2006. Khung nữ quyền giao thoa. A Primer. Ottawa: Viện nghiên cứu Canada vì sự tiến bộ của phụ nữ. tr 23.

CHƯƠNG 3. CÁC TÌNH HUỐNG NGHIÊN CỨU

Biên soạn bởi *Kyoko Kusakabe*¹

Tổng quan

Các nghiên cứu trường hợp sau đây minh họa vai trò quan trọng của sự giao thoa trong phân tích giới. Các mối quan hệ quyền lực bao quanh các cá nhân, đặc biệt là phụ nữ, được hình thành không chỉ bởi một tính chất cá nhân là phụ nữ hay đàn ông, mà còn bởi các yếu tố khác như tuổi tác, sắc tộc và nghề nghiệp, và các tính chất khác. Khi thực hiện phân tích về giới, điều quan trọng là phải phân tích vô số kinh nghiệm mà nam giới và phụ nữ phải đối mặt để tìm hiểu gốc rễ của những bất lợi, phân biệt đối xử và mất quyền. Sự khác biệt về giới không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng có thể dẫn đến việc các cá nhân được đặt vào vị trí thấp hơn trong xã hội.

Mỗi nghiên cứu trường hợp sau đây đã được chọn để chỉ ra làm thế nào một bối cảnh nhất định có thể được trải nghiệm khác nhau bởi những người phụ nữ khác nhau. Phần này được thiết kế để được sử dụng để tự nghiên cứu hoặc làm tài liệu thảo luận nhóm để bổ sung cho khóa học về sự giao thoa được nêu trong Chương Hai. Mỗi trường hợp được theo sau bởi một câu hỏi thảo luận và một lời giải thích ngắn gọn có thể được sử dụng như một cuốn hướng dẫn thực hiện hoặc một tài liệu tham khảo để tự nghiên cứu.

Tình huống I - Phụ nữ buôn bán cá vùng biên giới ở Campuchia

Trong những năm 1980 đến đầu những năm 1990, biên giới Campuchia-Thái Lan vẫn là một khu vực chiến tranh. Hồ Tonle Sap của Campuchia đã cung cấp được một lượng lớn cá, nhưng chưa có tuyến đường thương mại đến Thái Lan do cuộc xung đột. Đặc biệt là khả năng đi lại giữa hai nước của người đàn ông bị hạn chế, vì đàn ông bị nghi ngờ là quân đội chính phủ hoặc quân đội Khmer Đỏ. Mặt khác, phụ nữ có nhiều tự do hơn để di chuyển, vì họ không bị quân đội đến và thậm chí có thể đàm phán với quân đội để quá giang một chuyến đi đến biên giới. Do đó, nhiều phụ nữ đã tham gia buôn bán cá ở chợ đen, vận chuyển cá từ hồ Tonle Sap đến Thái Lan và có thể bán được giá rất cao. Đây là một công việc kinh doanh sinh lợi cho phụ nữ.

Vào giữa những năm 1990, cuộc nội chiến chấm dứt và thương mại biên giới đã chính thức mở cửa trở lại. Sau đó, các doanh nghiệp lớn (thường thuộc sở hữu của nam giới) bắt đầu tham gia buôn bán xuyên biên giới và có thể cho những người đầu mối và ngư dân mượn tiền để có thể thu mua cá, trong khi hầu hết các thương nhân nhỏ không thể làm như vậy và bị thiệt thòi trong kinh doanh.

Tuy nhiên, có một số thương nhân nữ có thể sử dụng lợi nhuận mà họ tích lũy được trong quá trình kinh doanh trong cuộc nội chiến và tận dụng vốn để tham gia xuất khẩu. Mặt khác, có những phụ nữ đang điều hành các doanh nghiệp trong cuộc nội chiến nhưng đã dừng việc kinh doanh của họ để chăm sóc trẻ em và người già. Những người phụ nữ này đã mất lợi nhuận và khách hàng của họ và phải bắt đầu từ con số không khi họ tham gia lại giao dịch. Những người phụ nữ buôn bán này vẫn là những người buôn bán nhỏ và gặp nhiều khó khăn hơn trong việc mua cá với sự cạnh tranh gay gắt từ những người buôn bán lớn.

¹ Giáo sư, Nghiên cứu về Giới và Phát triển, Trường Môi trường, Tài nguyên và Phát triển, Viện Công nghệ Châu Á, tỉnh Pathumthani, Thái Lan

Thảo luận: Những tác động nào mà phụ nữ nói chung phải đối mặt? Những tác động khác nhau nào mà những nhóm phụ nữ khác nhau phải đối mặt, và tại sao?

Lưu ý lợi thế và cận biên mà các thương nhân nữ trải qua, nhưng cũng có sự khác biệt giữa các nhóm phụ nữ. Một trong những ranh giới giữa những người phụ nữ xuất phát từ việc họ có được hỗ trợ trong việc chú ý đến gia đình và trách nhiệm chăm sóc hay không. Mặc dù toàn bộ phụ nữ đã bị ảnh hưởng, các yếu tố khác như giai cấp, mạng xã hội và nguồn tài chính dẫn đến việc phụ nữ trải qua các tác động khác nhau từ cùng một sự kiện bên ngoài.

Tình huống 2 – Các thương nhân nữ và nhà chế biến ở Mumbai

Ở Mumbai, phụ nữ làm việc trong ngành chế biến và kinh doanh thủy sản đã bị ảnh hưởng bởi một kế hoạch phát triển mới. Người Kolis ở Mumbai là ngư dân. Phụ nữ Kolis tham gia phần lớn vào các hoạt động sau thu hoạch bao gồm chế biến và buôn bán, nhưng sự phát triển ven biển đã đe dọa sinh kế của người dân Kolis. Các nhà phân phối là phụ nữ đã mất quyền tiếp cận sản phẩm khai thác khi một cầu tàu mới được xây dựng và tàu thuyền buộc phải cập cảng ở một nơi khác. Do kế hoạch tái phát triển, các nhà cung cấp là nam giới từ các bang Bắc Ấn cũng đã đến kinh doanh tại các khu vực này, ép các thương nhân nữ ra khỏi hoạt động kinh doanh của họ.

Sự phát triển ven biển mới cũng mang lại những thách thức về ô nhiễm cho các nhà chế biến cá phụ nữ. Với tình trạng mới đó là thiếu đất, phụ nữ phải đối mặt với việc không gian ít hơn để phơi khô cá và mất đi nguồn nước sạch.

Thảo luận: Hãy so sánh những người phụ nữ khác nhau này họ bị tác động khác nhau như thế nào bởi kế hoạch phát triển.

Những người phụ nữ khác nhau bị tác động khác nhau, nhưng họ có chung một nhược điểm: thiếu quyền lực chính trị. Tuy nhiên, những vấn đề trước mắt mà những người phụ nữ khác nhau phải đối mặt là khác nhau, vì vậy sẽ rất khó để những người phụ nữ này chung tay với nhau. Một phân tích giao thoa là quan trọng để đưa ra lý do cho những khác biệt này và cũng là điểm tương đồng mà phụ nữ chia sẻ.

Tại các chợ cá ở Mumbai, nơi đây vốn thuộc quyền sử dụng bởi các thương nhân nữ, các nhà cung cấp dịch vụ chợ cá cho các thương nhân đã hoan nghênh kế hoạch tái phát triển của khu vực tư nhân, vì họ tin rằng nó sẽ mang lại những thỏa thuận tốt hơn cho phụ nữ. Tuy nhiên, mối lo ngại đã được đặt ra rằng các nhà cung cấp dịch vụ chợ cá không đàm phán trực tiếp với các nhà đầu tư phát triển, mà đang được đại diện bởi những người khác bao gồm cả các nhà lãnh đạo hợp tác phụ nữ. Có một mối lo ngại đó là các nhà lãnh đạo này đã môi giới một thỏa thuận với các đầu tư nhà phát triển và cắt xén bớt phần tiền bồi thường.

Tình huống 3 - Ngư dân nghề cá quy mô nhỏ bị hạn chế trong việc đáp ứng các quy tắc thương mại về đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định

Để đáp ứng các quy tắc thương mại của Liên minh châu Âu về đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, Chính phủ Thái Lan đã thực hiện một quy định nghiêm ngặt về ngư cụ và thiết bị đánh cá. Điều này đã tác động đến những ngư dân nghề cá quy mô nhỏ, những người không có đủ vốn để nâng cấp thiết bị của họ để đáp ứng các tiêu chuẩn mới.

Tại một trong những làng chài quy mô nhỏ của Thái Lan, các ngư dân nam xác định mạnh mẽ rằng họ không muốn thay đổi nghề nghiệp. Vì tất cả các kỹ năng và thiết bị của họ là đánh bắt cá, họ tin rằng làm công việc khác sẽ không đảm bảo thu nhập cho họ bằng nghề đánh bắt cá. Bất chấp những thách thức mà họ phải đối mặt từ các quy định mới, họ vẫn tiếp tục đánh cá.

Quyết định của người chồng về việc tiếp tục đánh cá bất chấp lệnh cấm đã tạo ra khó khăn cho những người vợ. Trong khi những người đàn ông đi đánh bắt hải sản, những người phụ nữ cần phải cảnh giác suốt đêm đối với các nhân viên tuần tra của chính phủ và thông báo cho chồng của họ ngay lập tức khi có lực lượng chức năng đi tuần tra. Nếu chồng của họ bị bắt, phụ nữ có trách nhiệm tìm mọi cách để gom đủ số tiền cần thiết để bảo lãnh chồng họ.

Câu hỏi thảo luận: Hãy so sánh các quyết định khác nhau được thực hiện bởi những người phụ nữ và nam giới khác nhau.

Điểm học hỏi từ trường hợp này là nhận thức của người đàn ông về vị trí, tư cách của họ gắn liền với nghề nghiệp của họ là ngư dân. Đối với những người đàn ông này, vai trò là người đàn ông của họ có liên quan mật thiết đến việc đánh cá và sự khăng khăng của họ trong việc duy trì vai trò, vị trí của họ là ngư dân và điều này đã được phụ nữ ủng hộ. Các chuẩn mực giới tính cộng đồng củng cố rằng phụ nữ chịu trách nhiệm trong việc chi tiêu trong gia đình, trong khi đàn ông có thể duy trì vai trò, vị trí họ trong xã hội là ngư dân. Điều này tạo ra căng thẳng cho phụ nữ. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa các hộ gia đình. Ở một số hộ gia đình, các chuẩn mực giới được thực hiện tương đối linh hoạt, giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ.

Vì các quy định mới đã dẫn đến sự sụt giảm lớn đối với nguồn thu nhập của người ngư dân trong nghề cá quy mô nhỏ, một số phụ nữ dự định đi làm để kiếm thu nhập để hỗ trợ gia đình. Tuy nhiên, một số người chồng không vui khi vợ đi ra khỏi làng để làm việc và phản đối kế hoạch này. Sự từ chối như vậy làm cho phụ nữ sống cuộc sống khó khăn vì bây giờ họ ở nhà và quản lý chi tiêu trong gia đình với thu nhập rất ít. Một số người chồng linh hoạt hơn, và họ không chỉ cho phép phụ nữ đảm nhận công việc khác, mà chính họ cũng bắt đầu làm tài xế ở khu vực thành thị, trong khi chờ đợi các quy định được nới lỏng. Những hộ gia đình này đã có thể vượt qua giai đoạn lệnh cấm đánh bắt cá tốt hơn.

Tài liệu tham khảo:

Kheuntha, Khamnuan (2017). “Khi một ngư dân không thể đánh cá: Tác động của cải cách pháp lý năm 2016 đối với ngư dân nam trong Cộng đồng ngư dân Phan Thai, tỉnh Samut Sakhon”, *Chuyên đề Khoa học Thủy sản Châu Á* 30S, 59-81.

Kusakabe, Kyoko và Prak Sereyvath (2014) “Những người buôn bán cá biên giới cá ở Campuchia: Điều gì định hình quỹ đạo kinh doanh của phụ nữ?”, *Khoa học thủy sản châu Á*, 27S, 43-58.

Kusakabe, Kyoko, Prak Sereyvath, Ubolratana Suntornratana và Napaporn Sriputinibondh (2008) “Không gian biên giới giới tính: Tác động của chính sách biên giới mở giữa Campuchia-Thái Lan đối với các nhà buôn cá phụ nữ quy mô nhỏ”, *Các nghiên cứu Châu Phi và Châu Á*, 7.1, tr.1 17.

Peke, Shuddhawati (2013). Những nhà cung cấp cá cho phụ nữ ở Mumbai: Một báo cáo nghiên cứu, Mumbai: Liên minh quốc tế trong việc hỗ trợ người ngư dân.

CHƯƠNG 4. GIỚI TRONG ĐÁNH GIÁ NHANH HỆ THỐNG QUẢN LÝ NGHỀ CÁ

Biên soạn bởi A. Satapornvanit¹, A. Prieto-Carolino², R.A. Tumbol³ và M.B. Sumagaysay⁴

Tổng quan

Chương này cung cấp một hướng dẫn để tiến hành Đánh giá nhanh Hệ thống quản lý nghề cá (RAFMS) bao gồm các cân nhắc về giới tính và phúc lợi xã hội. Các phần từ một đến ba nêu rõ lên các khía cạnh ít được khám phá về giới và nghề cá, đặc biệt là vai trò của phụ nữ và những đóng góp của họ trong lĩnh vực bị đánh giá thấp và ít được công nhận. Phần Bốn (Công cụ và Kỹ thuật: Tăng cường RAFMS với Tích hợp Giới tính) trình bày một số yếu tố bao gồm khung chung để phân tích về giới trong quy trình bảy bước của RAFMS. Thiết kế nghiên cứu và các biểu mẫu điều tra, dụng cụ khảo sát, danh sách kiểm tra, hướng dẫn các câu hỏi chính và đầu ra trực quan minh họa; các thuộc tính / chỉ số và các biện pháp của chúng và một phác thảo báo cáo để hướng dẫn việc viết các tài liệu đầu ra cũng được cung cấp. Phần Năm (Phân tích về Giới trong Nghề cá) tìm hiểu các nền tảng phương pháp luận cơ bản của quá trình phân tích về giới.

I. Giới thiệu

Bình đẳng giới là một quyền cơ bản của con người, bao gồm trao quyền cho phụ nữ và nam giới, đặc biệt là trong sự phát triển bền vững (USAID 2012). Trên thực tế, Liên Hợp Quốc (UN) đã đặt con người làm chủ thể trung tâm và là người thụ hưởng của chương trình nghị sự phát triển con người của họ và họ thừa nhận rằng bất bình đẳng giới vẫn là một trong những thách thức (UN 2015). Chúng ta ngày càng mong muốn đạt được điều kiện môi trường tốt hơn và quản lý bền vững nghề cá của mình, vì an ninh lương thực và an toàn thực phẩm, chúng ta cần kết hợp những nỗ lực và nhu cầu của phụ nữ và nam giới vừa là người điều khiển vừa là người hưởng lợi cho những nỗ lực cho nghề cá bền vững (Kleiber và cộng sự 2015). Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, những khía cạnh của con người, bao gồm và đặc biệt là vấn đề nhạy cảm về giới hoặc bị lãng quên hoặc bị bỏ qua. Ví dụ, vai trò và đóng góp của phụ nữ trong nghề cá thường bị đánh giá thấp và ít được công nhận hơn so với nam giới và các tập đoàn. Do đó, chúng thường không được bao gồm hoặc nhắm mục tiêu trong các chương trình khác nhau như nâng cao năng lực, cung cấp quyền tiếp cận các cơ hội tiếp cận cơ hội và nâng cấp thông tin cơ sở hạ tầng thủy sản, và các can thiệp để phát triển và có liên quan đến ngành. Bình đẳng giới hiện cũng được công nhận là một khía cạnh quan trọng của phát triển bền vững và là một trong 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), cụ thể hơn là mục tiêu phát triển bền vững số 5. Trong khi mục tiêu phát triển bền vững số 5 được liên kết với phần lớn trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững (CWFS 2015, UN 2015 và 2017), một vài nỗ lực đã được thực hiện để xác định mối liên kết giữa mục tiêu phát triển bền vững số 14 (bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn nguồn lực biển, đại dương và biển để phát triển bền vững) và mục tiêu phát triển bền vững số Năm.

¹ Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID

² Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines, Inc. và Đại học Philippines ở Visayas, Philippines

³ Khoa Thủy sản và Khoa học Hàng hải, Đại học Sam Ratulangi, Manado, Bắc Sulawesi, Indonesia

⁴ Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines, Inc. và Hội đồng nghiên cứu quốc gia Philippines, Bộ Khoa học và Công nghệ, Philippines

Đánh bắt cá chủ yếu là nam giới nhưng phụ nữ xuất hiện trong các giai đoạn khác nhau của sản xuất thủy sản, từ tiền sản xuất (chuẩn bị lưới, bảo dưỡng thuyền, mua mồi và mua nhiên liệu) đến sau sản xuất (chế biến và kinh doanh sau thu hoạch). Chế biến và buôn bán quy mô nhỏ vẫn chủ yếu được thực hiện bởi phụ nữ nhưng ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia đánh bắt cá ở một số nơi trên thế giới. Ví dụ, ở Việt Nam, những người đánh bắt cá quy mô nhỏ và nuôi cá chủ yếu là nữ, trong khi ở Bangladesh, phụ nữ bắt cá ở cửa sông. Nhiều phụ nữ Thái Lan và Campuchia gần đây đang làm việc trong nuôi trồng thủy sản do sự phát triển trong nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước ngọt (Siason và cộng sự, 2002; Satapornvanit và cộng sự, 2016). Lượm lật là một hình thức đánh bắt cá, đặc biệt quan trọng đối với an ninh lương thực, được nhiều phụ nữ (và nam giới) tham gia vào các cộng đồng ven biển và ven sông, nhưng không được ghi nhận trong thống kê chính thức (Kleiber và cộng sự, 2014; Kleiber 2015).

Ở nhiều nước đang phát triển, mặc dù đánh bắt cá là một hoạt động truyền thống của nam giới, ngày càng có nhiều phụ nữ tích cực tham gia vào các ngành liên quan đến nghề cá, với sự công nhận ngày càng tăng về vai trò và đóng góp quan trọng của họ đối với các hộ gia đình đánh cá và lớn hơn là cộng đồng. Chẳng hạn ở Quần đảo Solomon, Hilly và cộng sự, (2012) báo cáo rằng phụ nữ thường bị đánh giá thấp mặc dù có một vai trò quan trọng trong các gia đình và cộng đồng phụ thuộc vào nghề cá để kiếm sống. Khi nhiều người đàn ông chia sẻ trách nhiệm gia đình trong việc chăm lo nhà cửa và chăm sóc con cái, phụ nữ cũng có cơ hội rộng rãi hơn để ra khỏi nhà và tận dụng tối đa khả năng của họ để phụ giúp thêm nguồn thu nhập cho nhu cầu của gia đình, đặc biệt là mối quan tâm đó liên quan đến an ninh lương thực. Nhưng còn nhiều điều cần phải làm, đặc biệt là ở các hộ

USAID Oceans hoạt động để tăng cường hợp tác khu vực để chống lại việc đánh bắt bất hợp pháp, không được báo cáo và không được kiểm soát (IUU) và thúc đẩy nghề cá bền vững, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Là một phần của chiến lược USAID Oceans, họ đã cam kết áp dụng một lăng kính giới tính qua từng phương pháp của mình để h□ tr□ tốt hơn cho nam giới và phụ nữ trong các khâu khác nhau của chuỗi giá trị thủy sản, bao gồm

trị thủy sản, để thông báo về việc lên kế hoạch chương trình và các can thiệp. Các phân tích về giới được cấu trúc theo khung nghiên cứu Đánh giá nhanh hệ thống quản lý nghề cá (RAFMS) (Pido và cộng sự, 1996, 1997), được bao quát bởi Khung các khía cạnh về giới (GDF) của USAID với sáu lĩnh

Đối với hầu hết các ngành thủy sản, có sự phân biệt rất rõ trong vai trò và trách nhiệm theo giới tính. Ví dụ, gần như tất cả các hoạt động liên quan đến làm việc trên thuyền và mang lại sản phẩm gần như chỉ là phái nam. Sau khi hạ cá lên bờ, đàn ông thường là những người nắm quyền đưa ra quyết định phân loại cá và lựa chọn chủ nậu trả giá cá cao hơn trong để bán cho bên chế biến và phân phối. Phụ nữ có xu hướng là những người phụ trách khâu chế biến cá, một nghề được trả lương thấp hơn trong nghề cá. Họ cũng thường là người mua và người bán sản phẩm khai thác trong các thị trường địa phương, cũng như cho các hộ gia đình của họ, có ý nghĩa đối với an ninh lương thực và dinh dưỡng.

gia đình nghèo, nơi phụ nữ bị hạn chế do không được tiếp cận với giáo dục và các hoạt động nâng cao năng lực khác, cơ hội kinh tế hạn chế và khả năng di chuyển bị hạn chế do họ không đủ tự tin cộng với những phong tục văn hóa trong gia đình chiếm ưu thế hơn các trách nhiệm khác trong gia đình. Vì vậy, bắt buộc phải có ý thức làm việc để ghi nhận và thừa nhận sự đóng góp của phụ nữ cả trong gia đình và bên ngoài.

USAID Oceans đã tiến hành phân tích về giới tại hai địa phương thí điểm ở Thành phố General Santos, Philippines và Bitung, Indonesia để xác định sự khác biệt về giới trong chuỗi giá

vực (Andraos 2015) và Phân tích chuỗi giá trị đáp ứng về giới (GRVCA). Chương này cung cấp một khung để tích hợp các khía cạnh giới vào khung RAFMS và ghi lại quá trình thực hiện cho các phân tích về giới của chương trình. Chương này cũng cung cấp một danh sách kiểm tra liên quan đến giới để đánh giá cách giới được tích hợp trong bất kỳ hoạt động nghề cá nào. Công cụ nghiên cứu được áp dụng này cung cấp một phương pháp phân tích giới nhanh chóng có thể hướng dẫn cho việc ra quyết định để giải quyết bất bình đẳng tốt hơn tại những nơi làm việc của ngành thủy sản.

2. Giới và Nghề cá

Các ngành công nghiệp thủy sản ở Indonesia và Philippines là một trong những ngành lớn nhất trên thế giới. Tại Indonesia, tiềm năng kinh tế từ nguồn lợi thủy sản, là quốc gia quần đảo lớn nhất thế giới, ước tính trị giá 82 tỷ USD mỗi năm; khoảng 15,1 tỷ USD mỗi năm là từ nghề đánh bắt (Nghề cá MMAF 2014). Với nguồn lực lớn như vậy, ngành thủy sản được công nhận là tiềm năng kinh tế. Thành phố Bitung là một trong những trung tâm đánh bắt cá lớn ở miền đông Indonesia, đặc biệt đối với cá ngừ là mặt hàng xuất khẩu chính của ngành thủy sản đất nước (BCAS 2016).

Tại Philippines, ngành thủy sản cung cấp sinh kế cho hơn 1,6 triệu người Philippines và đóng góp cho nền kinh tế vĩ mô. Đóng góp của nó vào tổng sản phẩm quốc nội năm 2014 lần lượt là 1,6% và 1,8% theo giá hiện tại và tham chiếu năm 2000 (BFAR 2014). Trong cùng năm đó, Philippines được hưởng thặng dư ròng 954 triệu USD trong lĩnh vực xuất nhập khẩu cá. Xuất khẩu cá đạt tổng cộng 316.863 triệu tấn với trị giá 1.274.000 USD. Xuất khẩu thủy sản của Philippines xác định cá ngừ có giá trị cao nhất ở mức 19,6 tỷ peso, lên tới 117.909 tấn. Điều này cho thấy tầm quan trọng của ngành thủy sản cá ngừ đối với cuộc sống của các hộ gia đình và nền kinh tế vĩ mô của đất nước. Thành phố General Santos là nơi sản xuất cá ngừ lớn ở Philippines, đạt danh hiệu thủ đô cá ngừ của Philippines, và nơi có sáu trong số bảy nhà máy cá ngừ đóng hộp lớn (Yamashita và Belleza 2008). Sản lượng cá ngừ của thành phố General Santos có xu hướng tăng từ <50.000 tấn trong năm 2010 lên > 70.000 tấn trong năm 2015 (BFAR XII 2016). Các đợt tàu thuyền lên cảng hàng ngày tại Khu liên hợp cảng cá thành phố General Santos là cao thứ hai trong cả nước (sau Navotas ở Metro Manila). Một nghiên cứu sơ bộ chỉ ra rằng phụ nữ chỉ chiếm một vài vị trí bên lề trong thị trường nghề cá (Pavo và Digal 2017).

Sự đóng góp của nghề cá là rất cần thiết cho sự thịnh vượng kinh tế của người dân ở nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là ở Đông Nam Á nơi hàng triệu hộ gia đình phụ thuộc vào nghề cá để đảm bảo sinh kế và an ninh lương thực. Mặc dù nghề cá thường liên quan đến đàn ông tập trung vào đánh bắt, phụ nữ cũng có đóng góp đáng kể trong việc thu hoạch, chế biến và tiếp thị sau thu hoạch (Williams 2008; Weeratunge và cộng sự 2010). Phụ nữ đóng vai trò quan trọng, đa chiều trong các cộng đồng đánh cá bao gồm sinh kế, sinh sản, chăm lo gia đình và các hoạt động cộng đồng khác (Hilly và cộng sự, 2012; Kleiber và cộng sự, 2014).

Khoảng 20 năm trước, bài diễn văn nâng cao về giới trong nghề cá đã tham gia vào các hoạt động chia sẻ kiến thức và tài liệu về thủy sản, như những hoạt động trong các hội nghị chuyên đề về nghề cá quốc tế như Bộ phận Giới trong nuôi trồng và nghề cá (GAF) của Hiệp hội Nghề cá châu Á (AFS) (Gopal và cộng sự, 2016), và Viện Kinh tế và Thương mại Thủy sản Quốc tế (IIFE). Nhận thức về nghề cá là một ngành do nam giới thống trị dần bắt đầu mất dần vào những năm 1990 khi các nghiên cứu tiết lộ rằng, mặc dù đàn ông đi đầu trong nghề đánh bắt, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất trước và sau đánh bắt và cả trong các hoạt động đánh bắt gần bờ, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản (Israel 1993, Legaspi 1995, Rodriguez 1996, Satapornvanit và cộng sự 2016, Siason 2013, Sotto và cộng sự, 2001).

3. Tích hợp vấn đề giới trong đánh giá nhanh quản lý nghề cá

Khi phân tích chuỗi giá trị thủy sản, việc công nhận các thành phần giới trong ngành thúc đẩy quản lý và phát triển nghề cá hiệu quả (Krushelnyska 2015). Trái với nhận thức rằng đánh bắt cá là nam giới, tài liệu gần đây chỉ ra rằng phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong nghề cá; do đó, việc đưa vào phụ nữ trong thống kê/đăng ký và trong các diễn ngôn khác nhau sẽ hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách đưa ra quyết định sáng suốt đối với việc nâng cấp chuỗi giá trị thủy sản thu hút và trao quyền cho phụ nữ (Williams 2016).

Năm 1996, Sổ tay Đánh giá nhanh Hệ thống quản lý nghề cá (Phiên bản I) đã được phát hành, tuy nhiên, nó thiếu tích hợp giới rõ ràng ở hầu hết các phần, vì dữ liệu phân tách giới không thể được tạo ra từ các công cụ phương pháp của nó. Phụ nữ chủ yếu là “vô hình” trong các bộ công cụ và kỹ thuật, và hướng dẫn RAFMS ban đầu chỉ cho rằng phụ nữ được đưa vào như “các bên liên quan” và không tính đến sự đóng góp của phụ nữ trong quản lý nghề cá. Mặc dù một số nghiên cứu về nghề cá đã áp dụng cách tiếp cận giới, nhưng hầu hết trong số đó là mô tả về sự tham gia của phụ nữ, như những người thực hành trong nghề cá quy mô nhỏ và thiếu dữ liệu định lượng. Cần thêm dữ liệu định lượng về giới trong nghề cá và có thể đạt được nếu phương pháp nghiên cứu về giới được áp dụng trong nghiên cứu thủy sản (Kleiber và cộng sự, 2015). Ví dụ, trong nghiên cứu nông nghiệp cho các sáng kiến phát triển của Nhóm tư vấn về nghiên cứu nông nghiệp quốc tế (CGIAR), đề xuất rằng các yếu tố bất bình đẳng xã hội và giới nên được xem xét và đưa vào thiết kế và thực hiện các ý tưởng (Kantor và cộng sự, 2015). Hơn nữa, họ nhận thấy rằng để hiểu được ảnh hưởng của mối quan hệ giới trong việc áp dụng công nghệ, các can thiệp tích hợp các khía cạnh xã hội và kỹ thuật là cần thiết để áp dụng một cách bền vững công nghệ được giới thiệu.

Do đó, USAID Oceans đã phát triển phiên bản thứ hai của hướng dẫn RAFMS tích hợp các cân nhắc về giới để làm nổi bật những đóng góp và mối quan tâm cụ thể của cả phụ nữ, nam giới, trẻ em gái và trẻ em trai (thanh niên) và để hiểu rõ hơn về quan hệ giới trong quản lý nghề cá. Phân công lao động theo giới trong quản lý nghề cá cũng sẽ thể hiện những đóng góp đặc biệt của nam giới và phụ nữ và từ đó xác định các hành động hoặc can thiệp cụ thể hơn cần được thực hiện để giải quyết bất bình đẳng giới trong hệ thống quản lý nghề cá. Việc tích hợp giới cũng sẽ kêu gọi thiết lập các chỉ số nhạy cảm về giới để đo lường mức độ mà các mục tiêu bình đẳng giới được đáp ứng bởi các hệ thống quản lý nghề cá và thúc đẩy công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ trong lĩnh vực thủy sản.

Hướng dẫn nhanh về thuật ngữ giới:

- Giới tính sinh học và và giới tính ngôn ngữ học - Giới tính sinh học được xác định về mặt sinh học, không đổi theo thời gian và văn hóa; giới tính ngôn ngữ học được gán do tính chất xã hội, và thay đổi theo thời gian và văn hóa.
- Phân tích về giới - một quá trình thu thập và phân tích thông tin phân tách giới tính để tìm hiểu sự khác biệt giới tính và xác định các vấn đề chính góp phần vào sự bất bình đẳng giới. Đây cũng là một loại phân tích kinh tế xã hội nhằm khám phá mối quan hệ giới ảnh hưởng đến vấn đề phát triển và xem xét sự khác biệt trong cuộc sống của phụ nữ và đàn ông, bao gồm cả những điều dẫn đến bất bình đẳng xã hội và kinh tế đối với phụ nữ. Phân tích cũng cung cấp sự hiểu biết về nguyên nhân cơ bản của những bất bình đẳng này, có thể được áp dụng để phát triển chính sách và cung cấp dịch vụ. Mục đích cuối cùng là đạt được sự thay đổi tích cực, đặc biệt là đối với những phụ nữ chủ yếu gặp bất lợi.
- Bình đẳng giới - một trạng thái trong đó phân bổ nguồn lực, chương trình, cơ hội và ra quyết định đều được trao cho phụ nữ và nam giới là như nhau, nghĩa là mỗi người sẽ nhận được 50% cơ hội được phân bổ bao gồm cả quyền tiếp cận đối với cùng một cơ hội; điều này cũng có thể đề cập đến trạng thái hoặc điều kiện mà phụ nữ và nam giới được hưởng các quyền con người, hàng hóa, cơ hội và tài nguyên có giá trị xã hội.
- Công bằng giới - là sự phân bổ hợp lý các nguồn lực, chương trình, cơ hội và ra quyết định cho cả nam và nữ mà không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, cũng như giải quyết bất kỳ sự mất cân bằng hoặc bất bình đẳng nào về lợi ích dành cho cả hai giới. Để đảm bảo sự công bằng, bồi thường phải được xem xét để bù đắp những bất lợi về kinh tế, xã hội và chính trị ngăn cản phụ nữ và nam giới, các bé trai và bé gái hoạt động trên một sân chơi bình đẳng. Sự khác biệt trong cuộc sống của phụ nữ và nam giới đều được xem xét, đặc biệt là nhận ra rằng đôi khi cần dùng cách tiếp cận khác nhau để đạt được kết quả công bằng.
- Nhạy cảm về giới - nhận thức về cách mọi người nghĩ về giới, để các cá nhân ít dựa vào các giả định về quan điểm truyền thống và lối thời về vai trò của nam giới và phụ nữ. Sự khác biệt trong cuộc sống của phụ nữ và nam giới đều được xem xét, công nhận rằng cần thiết sử dụng các cách tiếp cận khác nhau để không bị loại trừ phân tích trong các kết quả, dẫn đến đối xử công bằng..
- Lồng ghép giới - một chiến lược khiến phụ nữ cũng như nam giới quan tâm và trải nghiệm một khía cạnh quan trọng của thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình ở tất cả các cấp và lĩnh vực, như chính trị, kinh tế và xã hội, để phụ nữ và nam giới có thể có lợi như nhau, và bất bình đẳng không được tiếp tục hoặc gia tăng. Đó cũng là quá trình kết hợp quan điểm giới vào các chính sách, chiến lược và chức năng hành chính của tổ chức, cũng như vào văn hóa thể chế của một tổ chức.
- Tích hợp giới - Xem xét các khía cạnh giới trong thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá chương trình, để bù đắp cho sự bất bình đẳng dựa trên giới tính.
- Đáp ứng về giới - Nhận biết và giải quyết các nhu cầu, sự ưu tiên và thực tế cụ thể của nam và nữ để cả nam và nữ đều có thể có lợi như nhau, với các chỉ số nhạy cảm về giới để theo dõi tiến trình thu hẹp khoảng cách giới.
- Chuyển đổi cân đối giới- xem xét các thách thức và cuối cùng là thay đổi các cấu trúc, chuẩn mực và hành vi mà gây lên bất bình đẳng giới và củng cố những vấn đề hỗ trợ bình đẳng giới. Nó hoạt động để thay đổi trật tự xã hội, hoặc các yếu tố cơ bản của ngành và xã hội làm phát sinh sự chênh lệch giữa nam và nữ.
- Các chỉ số nhạy cảm về giới - các chỉ số phân tách theo giới tính, tuổi tác và nền kinh tế xã hội, được thiết kế để xác định những thay đổi trong quan hệ giữa phụ nữ và nam giới trong một khoảng thời gian. Các chỉ số có thể được sử dụng để đánh giá kết quả của các biện pháp can thiệp và chính sách giới tập trung và chủ đạo, đánh giá những thách thức để thành công, và điều chỉnh các chương trình và hành động động tốt hơn đạt được mục tiêu bình đẳng giới và giảm thiểu tác động bất lợi đối với phụ nữ và nam giới.

Nguồn: Arenas & Lentisco 2011; IGWG 2016; March và cộng sự 1999; UNDP 2007

4. Các Công cụ và Công nghệ; Tăng cường RAFMS với tích hợp giới

Bằng cách tích hợp các khía cạnh giới vào phương pháp RAFMS, kế hoạch quản lý nghề cá sẽ bao quát hơn, sẽ có kết quả đạt được mục tiêu cao hơn và sẽ có hiệu quả trong việc đảm bảo công bằng giới và trao quyền cho phụ nữ trong các hệ thống quản lý nghề cá quốc tế, như được quy định trong một số công cụ thủy sản quốc tế hoặc các điều ước quốc tế bao gồm Hướng dẫn tự nguyện của FAO về nghề cá quy mô nhỏ bền vững (FAO 2017), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979), Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (UN 2015), Bình

đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ của USAID (USAID 2012) và Ủy ban An ninh lương thực thế giới (CWFS 2015).

Phần này cung cấp tổng quan về các phương pháp phân tích giới có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo để hướng dẫn thực hiện. Để tăng cường phương pháp RAFMS, các hướng dẫn đã được phát triển cho phương pháp tiếp cận hệ sinh thái đối với quản lý nghề cá (EAFM) và lập kế hoạch thu thập thông tin sản lượng đánh bắt và truy xuất nguồn gốc (CDT) mà nhạy cảm hơn về giới và bao gồm các công cụ thu thập dữ liệu tạo ra dữ liệu phân tách theo giới tính và giới và hỗ trợ phân tích khung cụ thể về giới. Các công cụ phổ biến nhất là các khung khía cạnh giới khác nhau (USAID 2012, March và cộng sự 1999, Moser 1993, Rao và cộng sự 1991) và khung phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới (Mayoux và Mackie, 2008). Các công cụ phân tích về giới có thể được sử dụng để hỗ trợ RAFMS để tích hợp các khía cạnh giới vào quản lý nghề cá. Các công cụ thu thập dữ liệu RAFMS nên được sàng lọc để xác định các biến và chỉ số có thể được áp dụng với lăng kính giới tính (xem Bước một và Hai dưới đây).

Bước 1: Xem xét thông tin hiện có, phạm vi và công việc chuẩn bị khác *(Bước 1 và 2 của RAFMS)*

Một đánh giá toàn diện về tài liệu hiện có (cả tài liệu xuất bản và tài liệu chưa xuất bản) là cần thiết để thiết lập một nền cơ sở về vấn đề này. Điều này cũng có thể yêu cầu truy cập vào trang web để xác định phạm vi khu vực, để xác định người trả lời tiềm năng và người cung cấp thông tin chính và gặp gỡ các bên liên quan. Đặc biệt quan trọng, vì USAID Oceans là một dự án hợp tác, là tất cả các nhóm đối tác được coi là các bên liên quan vì chúng sẽ được đưa vào các hoạt động thu thập dữ liệu tiếp theo và do đó cần nhận thức rõ về nhu cầu hội nhập giới.

Thứ hai, một nhóm nghiên cứu phải được thành lập, bao gồm một chuyên gia về giới (tốt nhất là có kiến thức về nghề cá), nhà khoa học xã hội, nhà thống kê, chuyên gia công nghệ thông tin, chuyên gia thủy sản và chuyên gia truyền thông. Người thu thập dữ liệu hoặc điều tra viên địa phương thích hợp hơn, để họ có thể nói ngôn ngữ địa phương và hiểu bối cảnh/quan điểm đang được quy định tại địa phương.

Các cuộc họp với các đối tác tiềm năng khác nhau trong quá trình nghiên cứu phải được thực hiện và bao gồm những điều sau đây, với sự cân nhắc trong việc quan sát cân bằng giới trong việc lựa chọn người tham gia cuộc họp:

- Trường đại học - có thể cung cấp các điều tra viên, tài liệu khảo sát địa phương hoặc hướng dẫn thực tế;
- Các cơ quan chính phủ (tức là các bộ phận môi trường, nông nghiệp và thủy sản) - có thể cung cấp dữ liệu thứ cấp cũng như các danh sách cập nhật của những người liên quan trong chuỗi giá trị (VC) để phát triển các mẫu khảo sát và người phỏng vấn chính của nhóm thảo luận/thảo luận chính;
- Các đơn vị chính quyền địa phương - có thể cung cấp các chứng thực, giấy phép và hỗ trợ thực hiện nghiên cứu; và
- Các tổ chức xã hội dân sự (CSO) (có thể bao gồm các tổ chức về con người, nhóm phụ nữ, tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội địa phương khác) - có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, cũng như quan điểm của nhiều người tham gia trong chuỗi giá trị, đặc biệt là nghề cá quy mô nhỏ.

Một hội thảo khởi động kéo dài hai đến ba ngày nên được tổ chức cho nhóm nghiên cứu và các đối tác trực tiếp để giới thiệu các khái niệm về dự án và giới tính, và cho tất cả các đối tác đến mức độ hiểu biết cần thiết. Đặc biệt quan trọng là sự có mặt của các điều tra viên khảo sát, những người sẽ cần thêm một ngày đào tạo về phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu, bao gồm các kỹ thuật và công cụ mới như sử dụng khảo sát không cần giấy (Bộ dữ liệu mở hoặc ODK) bằng máy tính bảng. Một cuộc khảo sát nháp, sau đó là phần nhận xét, phê bình của người hướng dẫn cũng được khuyến nghị để đánh giá sự sẵn sàng của các điều tra viên khảo sát để tiến hành công việc thực tế.

Thời gian của hội thảo khởi động sẽ chủ yếu phụ thuộc vào mức độ nhận thức và đánh giá về giới của người tham gia, cũng như mức độ hiểu biết về Phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới tính (GRVCA).

Trước khi RAFMS bắt đầu, các bước chuẩn bị sau phải được hoàn thành:

- Xem xét tài liệu để chọn thông tin phù hợp nhất làm cơ sở để xác định phạm vi và giới hạn của dự án nghiên cứu;
- Hội thảo khởi động được tổ chức để xem xét các khái niệm về giới và GRVCA, chia sẻ kiến thức và hiểu biết về các mục tiêu nghiên cứu;
- Tạo ra các câu hỏi nghiên cứu và công cụ khảo sát;
- Xác định thời gian nghiên cứu (biểu đồ Gantt);
- Hình thành đội ngũ nghiên cứu và vai trò trong nghiên cứu;
- Xác định rủi ro và trở ngại của dự án nghiên cứu và các biện pháp quản lý phù hợp; và
- Viết dự thảo của Báo cáo cuối cùng.

Bước 2: Thiết kế nghiên cứu và lấy mẫu

Để có thể tạo ra dữ liệu được phân tách theo giới tính, các giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế nghiên cứu cần đảm bảo đáp ứng từ cả phụ nữ và nam giới. Điều này có nghĩa là khung lấy mẫu sẽ tạo cơ hội lựa chọn đại diện từ cả hai giới và từ các nhóm khác nhau được xác định là có liên quan đến đánh giá, ví dụ, theo nghề nghiệp, dân tộc, tuổi, v.v. Ngoài ra, phạm vi hoặc ranh giới của đánh giá nên được xác định, dựa trên khu vực quản lý nghề cá (FMA) hoặc đơn vị quản lý nghề cá (FMU), nghĩa là, từ nghề cá quy mô nhỏ đến trung bình đến quy mô lớn và đến doanh nghiệp/ngành công nghiệp, dựa trên các loài hoặc ngư cụ hoặc hình thức sản phẩm. Điều này cũng sẽ xác định người trả lời phỏng vấn sẽ là ai.

Khung các khía cạnh về giới của USAID -

Các công cụ khảo sát có thể được thiết kế theo các lĩnh vực của khung các khía cạnh về giới của USAID, cụ thể là: quyền tiếp cận tài sản; kiến thức, niềm tin và nhận thức; thực hành và tham gia; thời gian và không gian; quyền và tư cách pháp lý; và quyền lực và ra quyết định (Andraos 2015; WWF 2017). Sáu lĩnh vực này được sử dụng để hình thành các câu hỏi trong mỗi nút trong chuỗi giá trị, bao gồm các phụ trợ và trung gian, và cho từng loại ngành thủy sản hoặc từng quy mô.

Cần xem xét cẩn thận để đưa các yếu tố phân tích giới vào các công cụ khảo sát. Các phản hồi dự kiến phải có khả năng thể hiện sự khác biệt về giới, bao gồm: (1) vai trò và mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới, (2) tiếp cận và kiểm soát tài nguyên, trong các cơ hội và hạn chế phải đối mặt, trong các nhu cầu/vấn đề/mối quan tâm và (3) tác động của các can thiệp/chương trình/dự án đối với bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Tất cả các công cụ phải được dịch sang ngôn ngữ bản địa của người trả lời, và được dịch ngược lại để đảm bảo bản dịch được chính xác. Hơn nữa, các công cụ này phải được kiểm tra trước và xem xét trước khi được sử dụng cho công việc ngoài thực tế.

Biểu mẫu, công cụ khảo sát, danh sách kiểm tra, hướng dẫn:

Giới tính nên được đưa vào như một biến trong tất cả các công cụ thu thập dữ liệu cho các đối tượng phỏng vấn. Vì tên trong một số nền văn hóa có thể được sử dụng cho cả hai giới, do đó cần xác định rõ ràng người được hỏi là nữ hay nam. Thông tin thêm thu được từ người được hỏi sẽ được liên kết với giới tính được xác định, có thể cung cấp các bộ dữ liệu phân tách theo giới tính và các đặc điểm quan trọng khác để phân tích về giới. Các phân tích và báo cáo được tạo ra sau đó sẽ dẫn đến một hồ sơ rõ ràng hơn về người dân, nhận thức về giới của họ và nghề cá được phân tích.

Phụ lục 5 cung cấp bảng câu hỏi mẫu với các câu hỏi dựa trên sáu lĩnh vực của Khung các khía cạnh về giới.

Bước 3: Thu thập dữ liệu

(Bước RAFMS 3)

Ranh giới hệ thống được chọn sẽ xác định ai sẽ là người cung cấp dữ liệu chính. Họ có thể bao gồm các phụ nữ và nam giới đến từ các nghề cá với quy mô khác nhau các nút của chuỗi giá trị để phỏng vấn trực tiếp và cung cấp thông tin chính. Những điều này cũng có thể liên quan đến các nhóm phụ nữ và nam giới với các vai trò khác nhau cho các cuộc thảo luận nhóm tập trung.

Ví dụ, trong Phân tích về Giới được thực hiện tại General Santos ở Philippines (WinFish 2017), người trả lời bao gồm nhà sản xuất/ngư dân, nhà chế biến và thương nhân. Trong số các nhà sản xuất, năm nhóm được đưa vào các cuộc điều tra trực tiếp: (1) ngư dân thành phố (11 nữ, 12 nam), (2) thuyền trưởng tàu câu tay thương mại (9 nữ, 12 nam), (3) thuyền viên trên tàu câu tay thương mại (21 nữ, 15 nam), (4) chủ tàu câu tay (6 nữ, 9 nam) và (5) chủ sở hữu tàu lưới vây (4 nữ, 6 nam). Nhiều như hoàn cảnh cho phép, một số lượng tương đương nhau phụ nữ và nam giới đã được khảo sát cho mỗi nhóm tham gia. Những người được hỏi từ các ngư dân thành phố và thủy thủ đoàn bao gồm một mẫu ngư dân nam và một mẫu độc lập của những người vợ ngư dân. Không có phụ nữ nào trong khung lấy mẫu thực sự tham gia đánh cá; do đó, nghiên cứu đã chọn những người vợ ngư dân để cung cấp quan điểm của phụ nữ về cuộc sống của các hộ gia đình đánh cá, từ đó có thể phát hiện ra sự khác biệt về giới.

Đối với công đoạn chế biến, tổng cộng 45 người (23 nữ, 22 nam) đã được phỏng vấn. Những người này bao gồm chủ sở hữu và nhân viên của các doanh nghiệp có liên quan, trong đó có 25 người được hỏi (13 nữ, 12 nam) làm việc ở các khâu ướp lạnh/cấp đông và 20 người trả lời (10 nữ và 10 nam) ở các khâu đóng hộp. Trong các công đoạn này, nhiều phụ nữ (17) được khảo sát hơn nam trả lời (12), do bản chất của ngành chế biến thực phẩm quy mô nhỏ do phụ nữ thường phụ trách. Đối với công đoạn tiếp thị/giao dịch của chuỗi giá trị, 45 người được hỏi (23 nữ, 22 nam) được chọn ngẫu nhiên từ các chợ cá trong khu phố và những người bán cá ngư rong, kiểu như từ nhà này sang nhà khác trong làng.

Thảo luận nhóm tập trung có thể được hướng vào các nhóm người tham gia đồng nhất (ví dụ: ngư dân thành phố; vợ của ngư dân/thuyền viên; người chế biến). Trong nghiên cứu Phân tích Giới của USAID Oceans, tám nhóm tập trung đã được thực hiện, ba trong số đó là nữ, hai là nam và ba nhóm là cả nam và nữ trả lời hỗn hợp. Việc phân nhóm toàn nam là cần thiết vì ngư dân và thuyền viên đánh cá trong ba loại hình đánh cá (quy mô nhỏ, câu tay và lưới vây) đều là đàn ông. Để có được cái nhìn/hiểu biết của phái nữ, một nhóm toàn nữ tương ứng gồm vợ của ngư dân và thuyền viên đánh cá được coi là một phần quan trọng của việc thu thập dữ liệu. Nhóm toàn nữ thứ ba đại diện cho các nhà cung cấp, một lĩnh vực hầu hết bao gồm phụ nữ. Đối với các khâu trong chuỗi giá trị khác, các FGD nam-nữ hỗn hợp đã được tiến hành, để phản ánh thành phần giới tính thực sự của các khâu trong chuỗi giá trị nói trên.

Trong cùng một nghiên cứu, các cuộc phỏng vấn lấy thông tin chính chủ yếu được tổ chức với các tổ chức hỗ trợ trong chuỗi giá trị ở cả cấp độ vi mô (ví dụ: hiệp hội và nhóm ngư dân) và vĩ mô (ví dụ: các đơn vị chính phủ và cơ quan), cũng như những người liên quan khác không thể tham gia khảo sát hoặc tập trung thành nhóm do tính chất công việc và lịch trình của họ.

Bảng 1. Ví dụ về những người cung cấp thông tin quan trọng như trong Phân tích về Giới ở Philippines của USAID Oceans (WinFish 2017)

Nhóm	Các thành viên trong chuỗi giá trị
Nhóm A (Vi mô)	Đại diện các cơ quan chính phủ quốc gia như Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản (BFAR), Bộ Thương mại và Công nghiệp (DTI), Cơ quan Phát triển Thủy sản Philippines (PFDA), Bộ Lao động và Việc làm (DOLE)
Nhóm B (Vi mô)	Đại diện các đơn vị chính quyền địa phương (LGU): Văn phòng nông nghiệp thành phố (OCAG) – Thành phố General Santos, Văn phòng nông nghiệp tỉnh (OPAG) - tỉnh Sarangani
Nhóm C (Vi mô)	Đại diện các Hiệp hội tư nhân tham gia vào ngành đánh bắt cá, các tổ chức học thuật với các khóa học nghề cá, các tổ chức phi chính phủ liên quan đến ngư dân, Tổ chức ngư dân nữ, nhà máy đồ hộp, thương nhân

Để tạo ra dữ liệu đầu ra phân tách theo giới tính, các công cụ và kỹ thuật có sự tham gia nên được thiết kế và tiến hành cho người trả lời là nam và nữ cụ thể thuộc các nhóm cụ thể. Ngoài ra, các phương pháp phỏng vấn phù hợp với giới tính phải được sử dụng. Một số công cụ bao gồm:

- Phân tích hoạt động hoặc Hồ sơ:** Thu thập ý kiến phản hồi của phụ nữ và nam giới để cho thấy công việc sản xuất, tái sản xuất, hoạt động cộng đồng và giải trí/nghỉ ngơi mà họ làm, khi nào họ thực hiện các hoạt động này và thời gian họ sử dụng cho mỗi hoạt động. Tạo Hồ sơ hoạt động cụ thể theo giới có thể cung cấp thông tin về người đóng góp nhiều nhất cho các loại công việc này về mặt thời gian. Nghiên cứu trong nông nghiệp cho thấy việc so sánh về thời gian làm việc rất khó thực hiện nếu dùng các phương pháp khác nhau để thu thập thông tin về thời gian làm việc (Seymour và cộng sự, 2017), ví dụ: làm việc trên các trang web hoặc làm việc tăng ca. Các truy vấn và phân tích sâu hơn có thể được thực hiện trên cùng một chủ đề theo các lĩnh vực trong khung các khía cạnh về giới (xem Phụ lục 1).
- Bài tập lập bản đồ:** Bản đồ phân tích về giới có thể được tạo cho các nhóm riêng biệt về giới tính, chẳng hạn như: chỉ nam, chỉ nữ, và nữ và nam hỗn hợp. Sự khác biệt trong nhận thức bị ảnh hưởng bởi tiếp xúc và kinh nghiệm. Do

Ví dụ về các câu hỏi không phân biệt giới để lập bản đồ về tài nguyên

1. Những nguồn tài nguyên nào có sẵn? Cái nào phong phú? Cái nào khan hiếm?
2. Tài nguyên nào quan trọng?
3. Mọi người đều có quyền tiếp cận vào các tài nguyên giống nhau không?
4. Người dân đi đâu để lấy nước, kiếm củi, chăn thả gia súc và làm các hoạt động sinh kế?
5. Tài nguyên nào mà mọi người gặp vấn đề nhất? Tại sao?
6. Cơ hội cho các hộ gia đình là gì?

đó, một ngư dân nam đi từ nhà đến bờ biển và trở về hàng ngày sẽ chỉ lập bản đồ những gì anh ta nhìn thấy và trải nghiệm trên đường đi đó. Một ngư dân đi từ nhà cô ấy đến bờ biển để nhận cá đánh bắt để chế biến nó, sau đó đưa con đi học, sau đó đi chợ để mua thức ăn, sau đó trở lại nhà cô ấy, có thể đưa các dữ kiện này vào trong bản đồ.

Lập Bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia (PGRM): Bản đồ nguồn lực là một công cụ Đánh giá nhanh có sự tham gia giúp chúng ta tìm hiểu về một cộng đồng và cơ sở nguồn lực của nó. Mối quan tâm hàng đầu không phải là phát triển bản đồ địa lý chính xác mà là để có được thông tin hữu ích về nhận thức địa phương của cộng đồng về nguồn lực và tầm quan trọng của nó đối với người dân. Một bản đồ nguồn lực liên quan đến giới nhằm xác định vị trí không gian của nữ và nam trong một khu vực quản lý nghề cá cụ thể (FMA). Do đó, lập bản đồ nguồn lực giới có thể được thực hiện để đạt được mục đích này. Điều này sẽ tăng cường hơn nữa và hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa nam và nữ trong FMA. Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có, bản đồ cơ sở của khu vực có thể được lấy từ cơ quan chính phủ có trách nhiệm hoặc chính ngôi làng. Các quan sát sâu hơn có thể được ghi nhận trong khi thực hiện một số chuyến đi thực tế và phỏng vấn những người cung cấp thông tin quan trọng trong khu vực. Các không gian bị chi phối bởi nam và nữ sau đó có thể được biểu thị bằng các biểu tượng quốc tế nam và nữ và các kết quả được phân tích. Là một công cụ Đánh giá nhanh có sự tham gia, nó nhấn mạnh vào việc trao quyền cho người dân địa phương đảm nhận vai trò tích cực trong việc phân tích các điều kiện sống, vấn đề và tiềm năng của chính họ để tìm cách thay đổi tình hình. Bài tập cho phép phụ nữ và nam giới chia sẻ, thảo luận, nâng cao và phân tích kiến thức địa phương về cuộc sống và điều kiện của họ, lên kế hoạch và hành động cũng như theo dõi và đánh giá. Do đó, bản đồ sẽ cung cấp chi tiết về loại nguồn lực mà phụ nữ và nam giới trong cộng đồng có quyền tiếp cận và cho phép họ thực hiện các hoạt động hàng ngày. Nó sẽ là một bản phác thảo bố cục vật lý của làng/cộng đồng với tài sản và nguồn lực chung được đánh dấu (sông, hồ, đất) từ góc nhìn của đàn ông và phụ nữ. Trên thực tế, các công cụ lập bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia không được thiết kế chủ yếu để thu thập dữ liệu về phụ nữ mà chỉ thu thập dữ liệu địa phương cho một mục đích cụ thể, phân tách theo giới tính. Nó đảm bảo rằng các quan điểm nam và nữ được thu thập riêng rẽ hoặc ít nhất là tự do và độc lập, không bị ảnh hưởng bởi các quan điểm khác nhau.

“Ngoài việc chỉ nói về giới tính, còn cần phân biệt những người phụ nữ và đàn ông này là ai, và đặc điểm của họ. Điều này sẽ cho phép bất kỳ sự giao thoa nào được sử dụng để mang lại sắc thái cho việc sử dụng và tiếp cận tài nguyên, tức là không chỉ dành cho “phụ nữ” và “đàn ông” mà cả nữ giới và nam giới - vợ và con gái của Thị trưởng sẽ làm hoặc cảm nhận những điều khác nhau đối với góa phụ và mẹ đơn thân hoặc vợ/chồng của một người ngư dân. Chuyên gia - Tiến sĩ Meryl J. Williams, Người đấu tranh và ủng hộ bình đẳng giới trong nghề cá.

Ví dụ về các câu hỏi phân tích giới

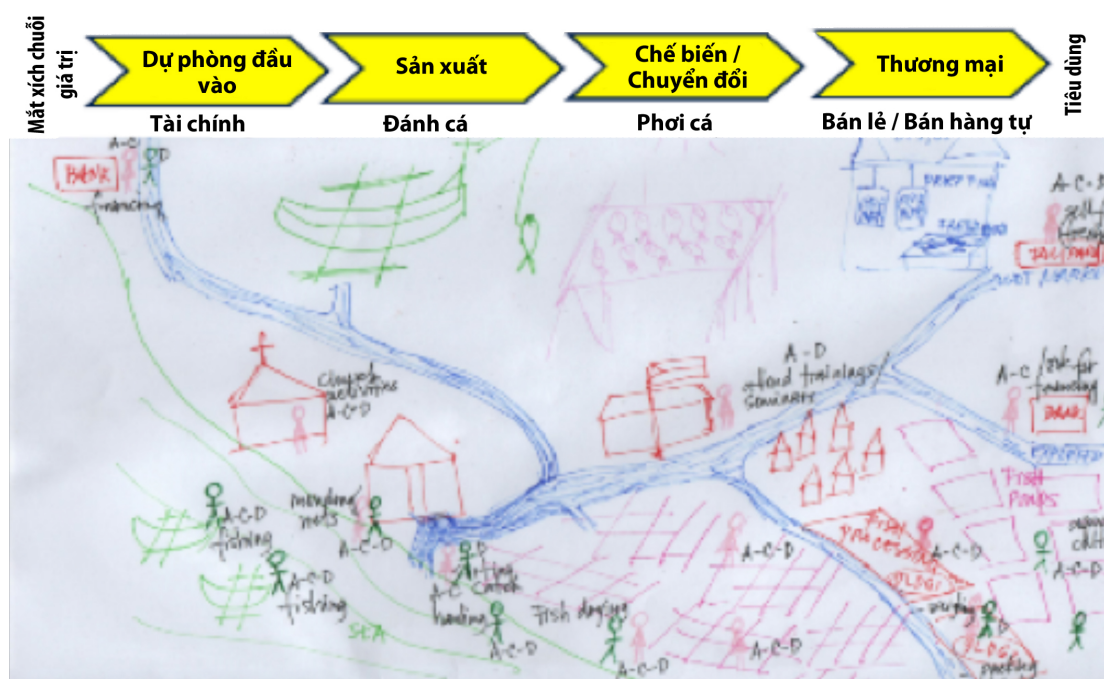
1. Phụ nữ/nam giới/cả hai sử dụng tài nguyên nào?
2. Tài nguyên nào quan trọng đối với nam giới? Đối với phụ nữ?
3. Những tài nguyên nào phụ nữ có quyền tiếp cận? Đàn ông thì sao? Hay cả hai?
4. Phụ nữ sở hữu những tài nguyên nào? Đàn ông sở hữu tài nguyên nào?
5. Ai kiểm soát và đưa ra quyết định về cách sử dụng tài nguyên, đàn ông? Phụ nữ?
6. Tài nguyên được sử dụng bởi đàn ông và phụ nữ như thế nào? Chúng được sử dụng cho mục đích sản xuất, tái sản xuất hoặc mục đích cộng đồng?
7. Tài nguyên nào khiến đàn ông/phụ nữ gặp vấn đề nhất?
8. Cơ hội cho đàn ông là gì? Phụ nữ là gì?

Việc lập bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia có thể được tăng cường hơn nữa bằng cách chồng lên nó một khung chuỗi giá trị. PGRM trong chuỗi giá trị thủy sản cũng có thể được tiến hành theo ma trận được tìm thấy trong Phụ lục 2. Thông tin có thể thu được thông qua các nhóm tập trung được tổ chức riêng với nam và nữ, và với cả hai để đối chiếu. Một số câu hỏi để hỏi những người tham gia nam và nữ bao gồm:

- Ai có quyền **tiếp cận** vào nguồn lực trong mỗi nút giá trị? Phụ nữ, đàn ông, cả hai?
- Ai **sở hữu** nguồn lực tại mỗi nút chuỗi giá trị?
- Ai **kiểm soát/quyết định** sử dụng nguồn lực trong mỗi nút chuỗi giá trị?
- Nguồn lực được sử dụng bởi phụ nữ và nam giới như thế nào? Sản xuất, tái sản xuất, cộng đồng?

Bài tập này có thể được bổ sung thêm bằng cách trình bày đồ họa, được hiển thị trong Hình 3, sử dụng cùng một bộ câu hỏi. Điều này sẽ tạo ra bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia trong chuỗi giá trị thủy sản.

Hình 3. Ví dụ về bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia



Nguồn: Kết quả của hội thảo lập bản đồ nguồn lực giới có sự tham gia. A = Tiếp cận; C = Kiểm soát; D = Quyết định (Sumagaysay, 2011).

- **Phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới (GRVCA):** Hữu ích để trích xuất dữ liệu phân tách theo giới từ các người liên quan là nam và nữ dọc theo các nút khác nhau của chuỗi giá trị. Điều này có thể tăng cường khung phân tích chuỗi giá trị tiêu chuẩn vì thông tin về kinh tế thu được sẽ cung cấp chi tiết hơn. Ví dụ, thay vì chỉ đề cập đến các nhà sản xuất và thương nhân và doanh thu của họ, các nhà nghiên cứu có thể xác định cụ thể hơn mức độ mà các nhà sản xuất và thương nhân nam và nữ thu được từ các hoạt động của họ. Theo cách này, sự khác biệt và chênh lệch về tiền lương và thu nhập có thể được kiểm tra.

Là một phần của bài tập, các nhà nghiên cứu có thể định giá hoặc quy ra tiền các công việc của phụ nữ, đàn ông, con gái và con trai, trong mỗi bước của chuỗi lưu thông hàng hóa từ nguồn cấp đến nơi tiêu thụ. Bằng cách làm này, các nhà nghiên cứu có thể có cái nhìn và hiểu rõ hơn về các cơ hội

và điểm yếu trong việc phân bổ nguồn lực giữa những thành viên phân chia theo giới tính trong chuỗi giá trị (cung cấp, sản xuất, tiếp thị).

Điều này có thể được thực hiện nhanh chóng miễn là tất cả các thành viên có mặt. Mục tiêu của GRVCA là:

- Xác định vai trò của phụ nữ và nam giới;
- Tăng cường năng suất chuỗi giá trị thông qua phân bổ nguồn lực kinh tế cho các nhóm yếu hoặc bị bất lợi;
- Cải thiện việc trao quyền về kinh tế cho phụ nữ thông qua các cơ hội rộng lớn hơn để đưa ra quyết định về kinh tế;
- Nhận biết và giải quyết nhu cầu của phụ nữ và nam giới, từ đó góp phần vào hiệu quả công việc của họ;
- Công nhận giá trị công việc và đóng góp kinh tế của phụ nữ và nam giới;
- Mở rộng không gian làm việc cho phụ nữ và đảm bảo nhu cầu của họ được tính đến trong quá trình thay đổi chuỗi giá trị, (ví dụ: xây dựng hoặc thiết kế lại chợ cá);
- Tạo ra nhiều cơ hội lãnh đạo và ra quyết định hơn cho lao động và doanh nhân nữ;
- Chuyển giao kiến thức đơn giản hơn và thực hiện các biện pháp can thiệp;
- Thúc đẩy công bằng giới ở nơi làm việc; và
- Coi trọng tiếng nói của phụ nữ và đàn ông để đảm bảo rằng họ được lắng nghe.

Ví dụ về các câu hỏi cho GRVCA -

8. Vị trí của đàn ông trong ngành khai thác cá ngừ trong nỗ lực quản lý nguồn cá ngừ? Vị trí của phụ nữ?
9. Phụ nữ và nam giới ở mỗi nút của chuỗi giá trị là ai?
10. Ai làm gì? Khi nào, ở đâu và như thế nào?
11. Ai được gì? Ai có quyền tiếp cận vào tài nguyên?
12. Ai quyết định/kiểm soát cái gì? Tại sao?
13. Ai đạt được gì? Ai được lợi? Bao nhiêu?
14. Các cơ hội/ràng buộc cho phụ nữ và nam giới (của một mắt xích, nhóm hoặc bối cảnh nhất định) là gì?

Một hội thảo lập bản đồ GRVCA có thể được tiến hành trước khi khảo sát thực địa chi tiết. Các bước sau đây được đề xuất (Xem Phụ lục 3 và 4 để biết các mẫu ma trận được đề xuất sẽ được sử dụng):

1. Xác định các hoạt động chuỗi giá trị trong nghề cá quy mô nhỏ và quy mô lớn.
2. Thực hiện liệt kê các thành viên và người có ảnh hưởng nam và nữ trong tất cả các giai đoạn của chuỗi giá trị.
3. Xác định vai trò của những người có liên quan trong chuỗi giá trị, phân theo giới tính và người hỗ trợ với vai trò tương ứng của họ.
4. Xác định mối quan hệ giữa những thành viên trong tập hợp nhóm người trong chuỗi giá trị.
5. Xác định các cơ hội và hạn chế để trao quyền cho theo giới trong chuỗi giá trị thủy sản.

Những người tham gia hội thảo GRVCA nên bao gồm nhiều nhóm các bên liên quan đến từ chuỗi giá trị thủy sản. Yêu cầu cần có đại diện từ cả phụ nữ và nam giới trong mỗi nút của chuỗi giá trị, bao gồm cả các khâu phụ trợ và trung gian, và thậm chí một số người đến từ các nghề ít chính thức hơn.

Để tích hợp các khía cạnh giới cho dữ liệu phân tách giới tính từ ngư dân và các bên liên quan trong cộng đồng, có thể sửa đổi các câu hỏi thăm định chung (Pido và cộng sự. 1996, Bảng 14, trang 43) như dưới đây. Ngoài những điều này, điều quan trọng là bao gồm các đặc điểm liên quan đến giới khác có tác động lớn đến vai trò, chẳng hạn như tuổi tác, dân tộc, tôn giáo, mức thu nhập, vị trí trong xã hội và trình độ học vấn.

Nhân khẩu học:

1. Ai là cư dân lâu đời nhất của làng? Anh ấy/cô ấy đến đây sống khi nào?
2. Có phải là người dân địa phương gốc của nơi này hay không?
3. Nếu người di cư, họ đến từ đâu? Và đến khi nào?
4. Phần lớn những người di cư này là nam hay nữ?
5. Trẻ em và thanh thiếu niên có đi học không?
6. Tỷ lệ bé trai và bé gái là bao nhiêu?
7. Tôn giáo chủ yếu là gì? Các tôn giáo khác là gì?
8. Quy mô gia đình trung bình là gì?

Hiện trạng quyền hạn:

1. Mọi người có sở hữu bất động sản không? Nhà ở đây nhiều như thế nào?
2. Phụ nữ và nam giới có quyền bình đẳng sở hữu bất động sản không?
3. Có quyền sở hữu trong khu vực đánh cá không?
4. Ngư dân địa phương có thiết lập ranh giới trong khu vực đánh cá của họ không?

Để phân tích các sắp xếp thể chế (trong địa phương, đối với bên ngoài), cũng cần có được phản hồi của phụ nữ và nam giới, nhận thức và tiến hành lập bản đồ thể chế. Cần phải xác định các hiệp hội bao gồm các tính chất dành riêng cho phụ nữ, cho nam giới hay hỗn hợp, và hiệp hội mà ở đó phụ nữ và nam giới có sự khác biệt, ví dụ, theo dân tộc, theo nhóm thu nhập/tình trạng. Các cơ hội để tham gia với tư cách là thành viên và cán bộ trong các hiệp hội bình đẳng cho phụ nữ và nam giới hay không?

Đối với các thỏa thuận thể chế địa phương, các câu hỏi cung cấp câu trả lời phân tách giới tính nên được đặt ra, chẳng hạn như: Các tổ chức có chính sách giới cụ thể hay tổng thể không? Chiến lược của họ để thúc đẩy (hoặc chống lại) bình đẳng giới là gì?

Ngoài ra, các bản sửa đổi được đề xuất theo Nguyên tắc RAFMS trước đó (Hình 10, trang 50, Pido và cộng sự 1996) để làm cho nó bao gồm nhiều phụ nữ và nam giới hơn, để cho thấy rằng công việc giải quyết xung đột không chỉ dành cho nam giới.

Bước 4: Phân tích/Xử lý dữ liệu (Bước RAFMS 4)

Kết hợp khung phân tích giới vào phân tích dữ liệu là một phần quan trọng của phương pháp chuyển đổi và rất hữu ích để xem xét mối quan hệ và bất bình đẳng giới hiện tại có thể tương tác với các can thiệp của chương trình cũng như xác định các cách để thúc đẩy chuyển đổi vai trò giới thông qua công việc (USAID 2012).

Khung phân tích về giới là công cụ thiết yếu để hiểu bất bình đẳng giới (March và cộng sự, 1999). Chúng cũng có thể là một công cụ chính để hình dung các lĩnh vực chính nơi tồn tại bất bình đẳng giới trong các cộng đồng đánh cá nhắm đến và các khu vực quản lý đánh bắt cá. Việc đánh giá dựa trên các phương pháp nhanh chóng phù hợp với phạm vi của các hoạt động phân tích về giới, và phân tích về giới dựa trên cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.

Phân tích có thể hướng dẫn các nhà nghiên cứu khám phá phụ nữ và nam giới có thực trạng và quyền tiếp cận nguồn lực khác nhau như thế nào trong các lĩnh vực của họ và các yếu tố trong các lĩnh vực này hình thành các vai trò và trách nhiệm giới như thế nào. Phân tích đáp ứng về giới cũng cho phép các nhà nghiên cứu xác định các hạn chế dựa trên giới tính và đánh giá một cách có hệ thống các cân nhắc về giới. Từ phân tích này, các nhà nghiên cứu có thể thiết kế các hoạt động của dự án và chương trình, xem xét các ràng buộc dựa trên giới tính hoặc tạo ra các hoạt động để loại bỏ chúng.

Bước 5: Trình bày các kết quả

(Bước RAFMS 5)

Báo cáo phân tích về giới có thể được thực hiện dễ dàng nếu dữ liệu phân chia theo nam nữ và theo giới có sẵn và đã được phân tích. Định dạng báo cáo tương tự như khung RAFMS ban đầu, nhưng với đối chiếu cụ thể về nhận thức, thông tin, dữ liệu và ý kiến mà chúng thuộc về. Như vậy, độc giả có thể có được một bức tranh rõ ràng hơn về sự khác biệt trong các hệ thống quản lý nghề cá. Điều quan trọng là các bảng, số liệu, biểu đồ, ma trận và đồ họa khác có các cột và điểm dữ liệu riêng biệt cho phụ nữ và nam giới và thừa nhận các danh mục khác có thể có sự khác biệt về giới tính.

Những câu nói chung chung nên tránh trong báo cáo, trong những hoàn cảnh hoạt động, thuật ngữ trung lập về giới tính thường được sử dụng để tránh sự thiên vị và phân biệt đối xử. Ví dụ, thay vì viết rằng Hội đồng quản lý nghề cá cộng đồng trong cộng đồng A gồm có mười thành viên được bầu đang hoạt động trong các hoạt động đánh bắt cá. Hội đồng được lãnh đạo bởi một Chủ tịch, được hỗ trợ bởi một Phó, Thư ký, Thủ quỹ và Người giám sát, điều này nên được viết là: Hội đồng quản lý nghề cá cộng đồng trong cộng đồng A gồm ba phụ nữ và bảy người đàn ông đang hoạt động đánh bắt cá. Chủ tịch và người giám sát là đàn ông, trong khi Phó, Thư ký và Thủ quỹ là phụ nữ.

Bước 6: Xác nhận cộng đồng

(Bước RAFMS 6)

Trong quá trình xác nhận cộng đồng, người tham gia phải bao gồm đại diện từ các lĩnh vực khác nhau và cả hai giới. Thảo luận nhóm tập trung nên có các nhóm giới tính nữ, nam và hỗn hợp, đặc biệt là đối với các nhóm lớn (nguồn lực và thời gian cho phép). Để tiếp tục lập lưới tam giác các kết quả, có thể tiến hành hội thảo xác nhận các bên liên quan lớn hơn để tiến hành và tích hợp với các khía cạnh khác như EAFM và CDT. Theo cách này, kết quả từ các nghiên cứu về giới có thể được xác nhận, sửa đổi hoặc thông báo bởi các quan điểm khác.

Bước 7: Viết Báo cáo hoàn chỉnh

(Bước RAFMS 7)

Để duy trì đúng với tích hợp giới, báo cáo nên sử dụng ngôn ngữ bao gồm giới. Với điều kiện là các hướng dẫn RAFMS đã được tuân thủ, nhóm nghiên cứu sẽ có thể tạo ra dữ liệu và thông tin phân tách theo giới tính. Nguyên tắc RAFMS ban đầu đề xuất cần bổ sung thêm một phần bao gồm trong Chương Phân tích và Chẩn đoán, đó là “Phân tích Giới tính của Hệ thống Quản lý Nghề cá”. Theo đó, phần này sẽ thu được các kết quả có đề cập tới giới chi tiết hơn. Ngoài ra, phần Khuyến nghị cũng nên giải quyết các khuyến nghị cụ thể cho nam giới và phụ nữ trong ba lĩnh vực chính sách, nghiên cứu và chương trình nghị sự phát triển.

5. Phân tích các kết quả

Quá trình phân tích giới bắt đầu với giai đoạn thẩm định nhanh (RAFMS) và nên mở rộng ra ngoài để theo dõi các vấn đề quan trọng được xác định trong thẩm định. Ngoài RAFMS và dựa trên kết quả giới tính của nghiên cứu, các vấn đề về giới có thể được tiếp tục thực hiện để làm phong phú thêm kết quả thẩm định và phân tích. Việc sử dụng các kết quả ban đầu làm cơ sở hoặc tham chiếu, trong khung thời gian dài hơn, một cuộc điều tra chi tiết hơn có thể được thực hiện để tạo ra thông tin giới tính sâu hơn, đặc biệt là về các vấn đề được xác định và các giải pháp tiềm năng của chúng.

Kết hợp khung phân tích về giới vào RAFMS là một phần quan trọng của phương pháp chuyển đổi. Loại phân tích này rất hữu ích trong việc cung cấp hướng dẫn về cách phân tích dữ liệu giới tính thu được từ RAFMS. Dữ liệu từ phân tích giới tính chi tiết cho phép các nhà nghiên cứu thấy được (Arenas và Lentisco 2011):

- Các nhu cầu, ưu tiên, năng lực, kinh nghiệm, sở thích và quan điểm khác nhau của phụ nữ và nam giới;
- Ai có quyền tiếp cận và/hoặc kiểm soát các nguồn lực, cơ hội và quyền lực;
- Ai làm công việc gì, tại sao và khi nào;
- Người có khả năng hưởng lợi và/hoặc mất đi quyền lợi từ các sự thay đổi mới;
- Những sự khác biệt về giới tính trong các quan hệ xã hội;
- Các mô hình và mức độ tham gia khác nhau mà phụ nữ và nam giới có trong các cấu trúc kinh tế, chính trị, xã hội và pháp lý;
- Đời sống phụ nữ và đàn ông không giống nhau hoàn toàn và thường khác nhau tùy thuộc vào các yếu tố khác ngoài giới tính của họ, chẳng hạn như tuổi tác, sắc tộc, tầng lớp và thực trạng kinh tế; và
- Các giả định dựa trên thực tế, giới tính và vai trò giới của chính chúng ta.

Việc phân tích thông tin này cho phép các nhà nghiên cứu có thể:

- Đánh giá mức độ mà nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ và nam giới được phản ánh trong hành động định hướng phát triển;
- Tổ chức thông tin để xác định khoảng cách liên quan đến bất bình đẳng giới và tiếp cận thông tin phân tách theo giới;
- Xác định những thay đổi và sáng kiến bổ sung nào được yêu cầu để cho phép phụ nữ tham gia và hưởng lợi từ một dự án;
- Xác định các cơ hội hiện có để ngăn chặn hoặc chống lại sự mất cân bằng giới tính phát sinh từ hành động định hướng phát triển; và
- Lường trước tác động tiềm ẩn của hành động đối với phụ nữ và nam giới có liên quan.

Khi thực hiện phân tích, điều quan trọng là phải hiểu phương pháp luận và khung phân tích đã thông báo cho quá trình thẩm định giới.

Khung các khía cạnh về giới của USAID: Sáu lĩnh vực (Andraos 2015; WWF 2016)

Sáu lĩnh vực của Khung các khía cạnh về giới của USAID có thể được sử dụng để hướng dẫn phân tích các chỉ số dành riêng cho giới. Những lĩnh vực này là: (1) quyền tiếp cận vào tài sản, (2) kiến thức, niềm tin và nhận thức, (3) thực tiễn và sự tham gia, (4) không gian và thời gian, (5) quyền và tư cách pháp lý và (6) quyền lực. Là một công cụ, phân tích cung cấp cho các nhà nghiên cứu cơ hội khám phá phụ nữ và nam giới khác nhau như thế nào về thực trạng và quyền tiếp cận vào các nguồn lực trong các lĩnh vực này và cách các yếu tố trong các lĩnh vực này hình thành vai trò và trách nhiệm giới như thế nào. Ngoài ra, nó cho phép các nhà nghiên cứu xác định các hạn chế dựa trên giới tính và đánh giá một cách có hệ thống các cân nhắc về giới trong từng lĩnh vực này. Dữ liệu về các chỉ số dành riêng cho giới được phân tích dựa trên sáu lĩnh vực.

Khung phân tích 3 vai trò (Moser 1993)

Khung phân tích 3 vai trò là một công cụ liên quan đến việc lập bản đồ phân công lao động theo giới bằng cách đặt câu hỏi 'Ai làm gì?' Các câu hỏi của khung giả định rằng lập kế hoạch là một nhiệm vụ kỹ thuật hoàn toàn khác với các phương pháp lập kế hoạch truyền thống theo một số cách quan trọng. Việc lập kế hoạch liên quan đến giới có bản chất cả về chính trị và kỹ thuật, giả định xung đột trong quy trình lập kế hoạch, bao gồm các quá trình chuyển đổi và mô tả kế hoạch là "tranh luận". Có ba khái niệm về của khung: ba vai trò của phụ nữ; các nhu cầu giới thực tế và chiến lược; và Danh sách phụ nữ trong cách tiếp cận chính sách Phát triển/Giới và Phát triển (WID/GAD) (ma trận chính sách).

Một trong ba khái niệm của khung là ba vai trò của phụ nữ bao gồm: (1) sinh sản, (2) sản xuất và (3) các hoạt động quản lý cộng đồng. Khác với phụ nữ, đàn ông chủ yếu thực hiện các hoạt động sản xuất và chính trị cộng đồng. Công việc sinh sản luôn là trách nhiệm của phụ nữ và trẻ em gái liên quan đến chăm sóc và bảo dưỡng trong gia đình, bao gồm trông coi và chăm sóc trẻ em, nấu ăn, lấy nước và nhiên liệu, mua sắm, dọn dẹp nhà và chăm sóc sức khỏe gia đình. Công việc sản xuất bao gồm cả phụ nữ và nam giới bao gồm sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho tiêu dùng và thương mại cả trong việc làm thuê và tự làm. Mặc dù công việc sản xuất liên quan đến cả hai giới, vai trò của họ là khác nhau và công việc sản xuất của phụ nữ thường ít được để ý và ít được coi trọng hơn nam giới. Công việc cộng đồng bao gồm tổ chức tập thể các dịch vụ xã hội, sự kiện, nghi lễ và lễ kỷ niệm, tham gia vào các nhóm và tổ chức, các hoạt động chính trị địa phương và các hoạt động khác liên quan đến cộng đồng. Công việc cộng đồng được chia thành hai loại công việc khác nhau: hoạt động quản lý cộng đồng và chính trị cộng đồng. Các hoạt động quản lý cộng đồng thường được thực hiện bởi phụ nữ ngoài vai trò sinh sản của họ. Những hoạt động không được trả lương này thường được thực hiện trong thời gian rảnh rỗi của phụ nữ và chúng bao gồm chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Ngược lại, đàn ông đảm nhận công việc chính trị cộng đồng bao gồm tham gia chính trị chính thức ở tất cả các cấp mà họ được trả tiền và nhận được lợi ích từ việc cải thiện các vị trí họ đảm nhận.

Tuy nhiên, mặc dù hữu ích nhưng chúng tôi lưu ý rằng khung này cần phải được cập nhật. Ví dụ, nhiều phụ nữ đang đảm nhận vai trò tích cực trong chính trị và nhiều đàn ông đang hỗ trợ công việc sinh sản. Các loại công việc được phác thảo cho mỗi trong ba vai trò của phụ nữ và vai trò của nam giới không nên được coi là quy định cứng nhắc.

Khung các mối quan hệ xã hội (Kabeer 1994)

Khung các quan hệ xã hội nhấn mạnh sự thịnh vượng của con người là mục tiêu cuối cùng của sự phát triển và nhằm phân tích sự bất bình đẳng giới hiện có trong phân phối nguồn lực, trách nhiệm, quyền lực, mối quan hệ giữa con người, mối quan hệ của họ với các nguồn lực và hoạt động, và cách chúng được thực hiện lại thông qua thể chế. Các quy tắc được định nghĩa là các khung quy định riêng biệt để thực hiện mọi việc và các tổ chức là các hình thức cấu trúc cụ thể mà các quy tắc thực hiện. Các quy tắc quy định đến việc sản xuất, củng cố và tái sản xuất trong các mối quan hệ xã hội khác nhau, và do đó, tạo nên sự khác biệt xã hội và bất bình đẳng. Các mối quan hệ xã hội bất bình đẳng bao gồm cả quan hệ về giới dẫn đến sự phân phối tài nguyên, yêu sách và trách nhiệm không đồng đều được coi là một trong những nguyên nhân gốc rễ của nghèo đói. Do đó, phân tích về giới đòi hỏi phải xem xét các tổ chức (theo vị trí: nhà nước, thị trường, cộng đồng và gia đình/thân tộc) tạo ra và tái tạo sự bất bình đẳng như thế nào.

Kabeer (1994) đã phân loại năm khía cạnh của các mối quan hệ xã hội thể chế đặc biệt phù hợp để phân tích về giới:

- *Các quy tắc*, hoặc cách mọi thứ được thực hiện; thực hiện hay hạn chế thực hiện chúng? Các quy tắc có thể được viết hoặc bất thành văn, chính thức hoặc không chính thức.
- *Các hoạt động*, hoặc ai làm gì, ai được gì và ai có thể yêu cầu gì. Các hoạt động có thể mang tính phong phú, quy định hoặc phân chia.
- *Nguồn lực*, hoặc những gì được sử dụng và những gì được sản xuất, bao gồm con người (lao động, giáo dục), vật chất (thực phẩm, tài sản, vốn) hoặc tài nguyên vô hình (thiện chí, thông tin, mạng lưới).
- *Con người*, hoặc ai tham gia, ai không tham gia và ai làm gì. Các tập quán được chọn lọc theo cách chúng bao gồm hoặc loại trừ ai đó, giao cho họ các nguồn lực và trách nhiệm và định vị họ trong hệ thống phân cấp.
- *Quyền lực*, hoặc ai quyết định và lợi ích của ai được phục vụ.

Tài liệu tham khảo:

ACDI / VOCA. 2012. Hướng dẫn và bộ công cụ phân tích, đánh giá và đánh giá giới. ACDI / VOCA. 88 tr.

Truy cập tại <http://www.acdivoca.org/wp-content/uploads/2016/07/ACDI-VOCA-Gender-Analysis-Manual.pdf>

Andraos, N. 2015. Bộ công cụ tuân thủ chính sách của USAID về bình đẳng giới. Tác động xã hội, Inc.,

Arlington, VA, Hoa Kỳ. 30 trang truy cập <http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>

Arenas, M.C. và A. Lentisco. 2011. Đưa giới vào quản lý chu trình dự án trong lĩnh vực thủy sản. Ấn phẩm

FAO RAP 2011/15. Bangkok, Thái Lan. 105 tr. Truy cập tại

<http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>

BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản). 2014. Hồ sơ Nghề cá Philippines 2014. Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản, Bộ Nông nghiệp. 70 tr. Truy cập tại:

[https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile\(Finalcopy\).pdf](https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile(Finalcopy).pdf)

BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản). 2015. Hồ sơ Nghề cá Philippines 2015. Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản, Bộ Nông nghiệp. 70 tr.

ACDI/VOCA. 2012. Phân tích Giới, Sổ tay và Công cụ Đánh giá và Kiểm soát. ACDI/VOCA. 88 tr. Truy cập

tại <http://www.acdivoca.org/wp-content/uploads/2016/07/ACDI-VOCA-Gender-Analysis-Manual.pdf>

Andraos, N. 2015. Công cụ để Tuân thủ với Chính sách của USAID về Bình đẳng Giới, Ảnh hưởng Xã hội, Inc.,

Arlington, VA, USA. 30 tr. Truy cập tại <http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>

- Arenas, M.C. and A. Lentisco. 2011. Giới tính trong các Dự án Quản lý nghề cá. Xuất bản của FAO RAP 2011/15. Bangkok, Thailand. 105 p. Truy cập tại <http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>
- BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản). 2014. Hồ sơ nghề cá 2014. Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản, Phòng Nông nghiệp. 70 tr. Truy cập tại [https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile\(Finalcopy\).pdf](https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile(Finalcopy).pdf)
- BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản). 2015. Hồ sơ nghề cá 2015. Cục Nghề cá và Nguồn lợi Thủy sản, Phòng Nông nghiệp. 70 tr..
- BCAS (Cơ quan Thống kê Trung ương Bitung). 2014. Bitung trong những con số năm 2014. Cơ quan thống kê trung ương Bitung, thành phố Bitung, Indonesia.
- CWFS (Ủy ban An ninh lương thực thế giới). 2015. Tạo sự khác biệt trong An ninh lương thực và Dinh dưỡng, Báo cáo cuối cùng của Phiên họp thứ 42, 12-15 tháng 10 năm 2015. Báo cáo CFS 2015/42. Rome, Ý. 23 tr. Truy cập: <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>
- FAO. 2017. Hướng tới quản lý và phát triển nghề cá quy mô nhỏ bình đẳng giới - Cẩm nang. Để hỗ trợ việc thực hiện Hướng dẫn tự nguyện để đảm bảo nghề cá quy mô nhỏ bền vững trong bối cảnh an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo, của Nilanjana Biswas. Rome, Ý. Truy cập tại <http://www.fao.org/3/a-i7419e.pdf>
- Gopal, N., Williams, M.J., Porter, M. và Kusakabe, K. 2016. Giới tính trong nuôi trồng thủy sản và nghề cá: Hành trình dài đến bình đẳng. Vấn đề đặc biệt về khoa học thủy sản châu Á. 29S: 1-17. Truy cập <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>
- Hilly Z., Schwarz A.-M. và Boso, D. 2012. Tăng cường vai trò của phụ nữ trong quản lý tài nguyên biển dựa vào cộng đồng: bài học kinh nghiệm từ các hội thảo cộng đồng. Bản tin thông tin phụ nữ về thủy sản của SPC 22 (tháng 7 năm 2012): 29 - 35.
- BCAS (Cơ quan Thống kê Thành phố Bintung). 2014. Bitung bằng con số 2014. Cơ quan Thống kê Thành phố Bintung, Indonesia.
- CWFS (Hội đồng An ninh Lương thực Thế giới). 2015. Tạo ra sự khác biệt trong An ninh Lương thực và Dinh dưỡng, Báo cáo cuối cùng của Phiên họp thứ 42, ngày 12-15 tháng 10 năm 2015. CFS 2015/42 Report. Rome, Italy. 23 p. Truy cập tại <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>
- FAO. 2017. Towards gender-equitable small-scale fisheries governance and development – A handbook. In support of the implementation of the Voluntary Guidelines for Securing Sustainable Small-Scale Fisheries in the Context of Food Security and Poverty Eradication, by Nilanjana Biswas. Rome, Italy. Truy cập tại <http://www.fao.org/3/a-i7419e.pdf>
- Gopal, N., Williams, M.J., Porter, M. and Kusakabe, K. 2016. Gender in Aquaculture and Fisheries: The Long Journey to Equality. Asian Fisheries Science Special Issue. 29S: 1-17. Truy cập tại <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>
- Hilly Z., Schwarz A.-M. and Boso, D. 2012. Strengthening the role of women in community-based marine resource management: lessons learned from community workshops. SPC Women in Fisheries Information Bulletin 22 (July 2012): 29–35.
- IGWG. 2016. Xác định giới tính và các điều khoản liên quan. Nhóm làm việc về giới liên ngành, USAID. <https://www.igwg.org/wp-content/uploads/2017/05/DefinGenderRelatedTerms.pdf> (truy cập tháng 7 năm 2016).
- Israel, L. 1993. Phụ nữ trong ngành thủy sản: Một tổng quan tài liệu. Lundaya, Tập 2 (2). Trung tâm phát triển Tambuyog.

- Israel, D.C. và R.M.G.R. Roque. 2000. Phân tích các cảng cá ở Philippines. Sê-ri thảo luận số 2004-04, Viện nghiên cứu phát triển Philippines. Truy cập <https://dirp4.pids.gov.ph/ris/dps/pidsdps0004.pdf>
- Kabeer, N. 1994. Thực tế đảo ngược: Hệ thống phân cấp giới trong tư tưởng phát triển. Luân Đôn: Verso, 346 trang. Truy cập <https://searchworks.stanford.edu/view/2897164>
- Kantor, P., Miranda, M. và Choudhury, A. 2015. Kết quả bất ngờ bằng cách giải quyết bất bình đẳng: Vai trò của phương pháp tiếp cận chuyển đổi tính đến giới trong nghiên cứu nông nghiệp đối với sự phát triển. Vấn đề giới, Công nghệ và Phát triển. 19 (3): 292-319. DOI: 10.1177 / 0971852415596863
- IGWG. 2016. Defining Gender and Related Terms. Interagency Gender Working Group, USAID. <https://www.igwg.org/wp-content/uploads/2017/05/DefinGenderRelatedTerms.pdf> (Truy cập vào tháng 7/2016).
- Israel, L. 1993. Women in the fisheries sector: A review of literature. Lundayan, Volume 2(2). Tambuyog Development Center.
- Israel, D.C. và R.M.G.R. Roque. 2000. Phân tích các Cảng cá ở Philippines. Bài thảo luận số 2004-04, Viện Nghiên cứu Phát triển Philippine. Truy cập tại <https://dirp4.pids.gov.ph/ris/dps/pidsdps0004.pdf>
- Kabeer, N. 1994. Reversed Realities: Giai cấp Phụ nữ trong phát triển. London: Verso, 346 p. Truy cập tại <https://searchworks.stanford.edu/view/2897164>
- Kantor, P., Miranda, M., and Choudhury, A. 2015. Amplifying Outcomes by Addressing Inequality: The Role of Gender-transformative Approaches in Agricultural Research for Development. Gender, Technology and Development. 19(3): 292-319. DOI: 10.1177/0971852415596863
- Kleiber, D., Harris, L.M. và Vincent, A.C. 2014. Cải thiện Đánh giá nghề cá bằng cách tính đến lượng đánh bắt của phụ nữ ở miền Trung Philippines. Tạp chí Nghề cá và Khoa học Thủy sản Canada. 71 (5): 656-664. Truy cập tại <http://www.nrcresearchpress.com/doi/abs/10.1139/cjfas-2013-0177#.WvmhZWpuYoA>
- Kleiber, D. 2015. Nghề cá thủ công lượm lặt. <http://www.genderaquafish.org/discover-gaf/gaf-networks-and-resource/gleaning/>
- Kleiber, D., Harris, L.M. và Vincent, A.C. 2015. Vấn đề Giới và nghề cá quy mô nhỏ: Một trường hợp tính đến phụ nữ và sau đó. Cá và Nghề cá. 16: 547-562. doi: 10.1111 / faf.12075
- Koehler, G. 2016. Vạc ra các Mục tiêu Phát triển Bền vững cho chính sách công bằng và bình đẳng giới tiến bộ? Giới & Phát triển. DOI: 10.1080 / 13552074.2016.1142217.
- Krushelnyska, O. 2015. Hướng tới Bình đẳng giới trong quản lý nghề cá ở đảo Solomon. Một Báo cáo tổng hợp bởi Barclay, Payne và Mauli, 2015. Truy cập tại <http://documents.worldbank.org/curated/en/467721468187800125/Toward-gender-equitable-fisheries-management-in-Solomon-Islands>
- Kleiber, D., Harris, L.M. and Vincent, A.C. 2014. Improving Fisheries Estimates by Including Women's Catch in the Central Philippines. Canadian Journal of Fisheries and Aquatic Sciences. 71(5): 656-664. Truy cập tại <http://www.nrcresearchpress.com/doi/abs/10.1139/cjfas-2013-0177#.WvmhZWpuYoA>
- Kleiber, D. 2015. Gleaning. <http://www.genderaquafish.org/discover-gaf/gaf-networks-and-resources/gleaning/>
- Kleiber, D., Harris, L.M. and Vincent, A.C. 2015. Gender and small-scale fisheries: a case for counting women and beyond. Fish and Fisheries. 16: 547-562. doi:10.1111/faf.12075
- Koehler, G. 2016. Tapping the Sustainable Development Goals for progressive gender equity and equality policy? Gender & Development. DOI: 10.1080/13552074.2016.1142217.
- Krushelnyska, O. 2015. Toward Gender-Equitable Fisheries Management in Solomon Islands. A synthesis report from a study by Barclay, Payne and Mauli, 2015. Truy cập tại

<http://documents.worldbank.org/curated/en/467721468187800125/Toward-gender-equitable-fisheries-management-in-Solomon-Islands>

- Legaspi, A. 1995. Vai trò của phụ nữ trong phát triển thủy sản ở Philippines. Báo cáo cuối cùng của hội thảo khu vực về vai trò của phụ nữ trong phát triển thủy sản, GOP-UNDP SU / TCDC-TCCP.
- Tháng 3, C., I. Smyth và M. Mukhopadhyay. 1999. Hướng dẫn về Khung phân tích giới. Oxfam, Anh. 146 trang
Truy cập <https://policy-practice.oxfam.org.uk/publications/a-guide-to-gender-analysis-frameworks-115394>
- Mayoux, L. và G. Mackie. 2008 Hướng dẫn thực tế để lồng ghép giới trong phát triển chuỗi giá trị. Tổ chức Lao động Quốc tế - Addis Ababa, Ethiopia. 113 tr. Truy cập http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_emp/@emp_ent/documents/instructionalmaterial/wcms_106538.pdf
- MMAF (Bộ Thủy sản và Nghề cá). 2009. Kế hoạch chiến lược của Bộ Thủy sản và Nghề cá 2009-2014. Bộ Thủy sản và Nghề cá, Jakarta, Indonesia.
- MMAF (Bộ Thủy sản và Nghề cá). 2014. Thủy sản và Nghề cá trong bối cảnh. Bộ Thủy sản và Nghề cá, Jakarta, Indonesia. Truy cập tại <http://www.fao.org/figis/pdf/fishery/facp/IDN/en?title=FAO%20Fisheries%20%26%20Aquaculture%20-%20Fishery%20and%20Aquaculture%20Country%20Profiles%20-%20The%20Republic%20of%20Indonesia>
- Legaspi, A. 1995. Role of women in fisheries development in the Philippines. Final report of the Regional workshop on the Role of Women in Fisheries Development, GOP-UNDP SU/TCDC-TCCP.
- March, C., I. Smyth and M. Mukhopadhyay. 1999. A Guide to Gender Analysis Frameworks. Oxfam, Great Britain. 146 p. Truy cập tại <https://policy-practice.oxfam.org.uk/publications/a-guide-to-gender-analysis-frameworks-115397>
- Mayoux, L. and G. Mackie. 2008. A practical guide to mainstreaming gender in value chain development. International Labour Organization – Addis Ababa, Ethiopia. 113 p. Truy cập tại http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_emp/@emp_ent/documents/instructionalmaterial/wcms_106538.pdf
- MMAF (Ministry of Marine Affairs and Fisheries). 2009. Strategic Plan of the Ministry of Marine Affairs and Fisheries 2009-2014. Ministry of Marine Affairs and Fisheries, Jakarta, Indonesia.
- MMAF (Ministry of Marine Affairs and Fisheries). 2014. Marine and Fisheries in Figures. Ministry of Marine Affairs and Fisheries, Jakarta, Indonesia. Truy cập tại <http://www.fao.org/figis/pdf/fishery/facp/IDN/en?title=FAO%20Fisheries%20%26%20Aquaculture%20-%20Fishery%20and%20Aquaculture%20Country%20Profiles%20-%20The%20Republic%20of%20Indonesia>
- Moser, C.O.N. 1993. Lập kế hoạch và phát triển giới: Lý thuyết, thực hành và đào tạo. London: Routledge. 285 trang. Truy cập <https://www.taylorfrancis.com/books/9781134935383>
- Pavo, R.R. và Digal, L.N. Năm 2017. Không gian dành cho phụ nữ trong Khu liên hợp cảng cá và các nút trong chuỗi giá trị của ngành công nghiệp đánh cá ở thành phố General Santos, Philippines. Khoa học Thủy sản châu Á. 30S: 33-58. Truy cập <https://www.asianfisheriessociety.org/publication/doadfile.php?id=1163&file=Y0dSbUx6QTF0REzTU Rrd0lERTFNvFE0TmPJd05ERXVjRlJtF20Nodes%20of%20the%20Fishing%20Entustry%20in%20General%20Santos%20City,%20Philippines.pdf>
- Pido, M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos và L.R. Garces. 1996. Cẩm nang thẩm định nhanh các hệ thống quản lý nghề cá (phiên bản I). ICLARM Educ. Ser. 16, 85 tr. <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-manlyment-systems-version-1>

- Rao, A., M.B. Anderson và C.A. Bọc. 1991. Phân tích giới trong lập kế hoạch phát triển: một cuốn sách tình huống. West Hartford, Connecticut, Kumarian Press. 103 tr. Truy cập tại <https://www.ponline.org/node/338985>
- Rodriguez, L. 1996. Nghề cá ở Talangban: Vai trò của phụ nữ và các vấn đề giới trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng. Ở Ferrer, E.M., de la Cruz, L. & Domingo, M.A. (Eds.) Seeds of Hope. UP: CSWCD.
- Moser, C.O.N. 1993. Gender Planning and Development: Theory, Practice and Training. London: Routledge. 285 p. Truy cập tại <https://www.taylorfrancis.com/books/9781134935383>
- Pavo, R.R. and Digal, L.N. 2017. Women's Space in the Fish Port Tumbler Complex and the Value-Chain Nodes of the Fishing Industry in General Santos City, Philippines. Asian Fisheries Science. 30S:33-58. Truy cập tại <https://www.asianfisheriessociety.org/publication/downloadfile.php?id=1163&file=Y0dSbUx6QTFOREEZTURrd0IERTFNVFE0Tmjd05ERXVjRlJt&dldname=Womens%27s%20Space%20in%20the%20Fish%20Port%20Tumbler%20Complex%20and%20the%20Value-Chain%20Nodes%20of%20the%20Fishing%20Industry%20in%20General%20Santos%20City,%20Philippines.pdf>
- Pido, M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos and L.R. Garces. 1996. A handbook for rapid appraisal of fisheries management systems (version 1). ICLARM Educ. Ser. 16, 85 p. <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-management-systems-version-1>
- Rao, A., M.B. Anderson and C.A. Overholt. 1991. Gender analysis in development planning: a case book. West Hartford, Connecticut, Kumarian Press. 103 p. Truy cập tại <https://www.ponline.org/node/338985>
- Rodriguez, L. 1996. The fishes of Talangban: Women's roles and gender issues in community-based coastal resources management." In Ferrer, E.M., de la Cruz, L. & Domingo, M.A. (Eds.) Seeds of Hope. UP: CSWCD.
- Satapornvanit, A.N., A. Sermwatanakul, K. Naksung, K. Sochivi, T.H. Minh, T.K.Q. Nguyễn, D. Yuan và N. Gopal. 2016. Phụ nữ nuôi trồng thủy sản. Tập thể quốc tế cho những người làm nghề cá quy mô nhỏ - Yemaya 51: 4-6.
- Seymour, Greg; Malapit, Hazel Jean; Quisenses, Agnes R. 2017. Đo thời gian sử dụng trong cài đặt phát triển (tiếng Anh). Tài liệu nghiên cứu chính sách; Không. WPS 8147. Washington, D.C.: Nhóm Ngân hàng Thế giới. <http://document.worldbank.org/curated/en/443201500384614625/Measuring-time-use-in-development-sinstall>
- Siason, I. 2013. Phụ nữ và giới và sự phát triển trong quản lý tài nguyên ven biển. Trang, 203-236. Trong I. Siason (chủ biên) Quản lý tài nguyên ven biển: Quan điểm từ khoa học xã hội. Manila: DA-BAR.
- Siason, I., E. Tech, K.I. Matics, P.S. Choo, M. Shariff, E.S. Heruwati, T. Susilowti, N. Miki, A.B. Shelly, K.G. Rajabharshi, R. Ranjit, P.P.G.N. Siriwardena, M.C. Nandeesh và M. Sunderarajan. (2002). Phụ nữ trong ngành thủy sản ở châu Á. Hội nghị chuyên đề toàn cầu về phụ nữ trong nghề cá, Diễn đàn thủy sản châu Á lần thứ 6, ICLARM. 21-48. Có sẵn tại <https://www.worldfishcenter.org/content/women-fisheries-asia>
- Satapornvanit, A.N., A. Sermwatanakul, K. Naksung, K. Sochivi, T.H. Minh, T.K.Q. Nguyen, D. Yuan, and N. Gopal. 2016.
- Women in Aquaculture. International Collective for Small-scale Fishworkers - Yemaya 51:4-6.
- Seymour, Greg; Malapit, Hazel Jean; Quisumbing, Agnes R. 2017. Measuring time use in development settings (English). Policy Research working paper; no. WPS 8147. Washington, D.C.: World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/443201500384614625/Measuring-time-use-in-development-settings>

- Siason, I. 2013. Women and gender and development in coastal resources management. pp, 203-236. In I. Siason (ed.) Coastal Resource Management: Perspectives from the Social Sciences. Manila: DA-BAR.
- Siason, I., E. Tech, K.I. Matics, P.S. Choo, M. Shariff, E.S. Heruwati, T. Susilowti, N. Miki, A.B. Shelly, K.G. Rajabharshi, R. Ranjit, P.P.G.N. Siriwardena, M.C. Nandeeshha and M. Sunderarajan. (2002). Women in Fisheries in Asia. Global Symposium on Women in Fisheries, 6th Asian Fisheries Forum, ICLARM. 21-48. Truy cập tại <https://www.worldfishcenter.org/content/women-fisheries-asia>
- Sotto, F.B., C. Laron và T. Heager. 2001. Sự tham gia của phụ nữ ở Sapyaw. In M.J Williams, M.C. Nandeeshha, V.P. Corral, E. Tech và P. Choo (chủ biên). Hội thảo quốc tế về phụ nữ trong nghề cá châu Á. Diễn đàn thủy sản châu Á lần thứ 5. ICLARM. ISBN 9832346029. Có sẵn tại https://books.google.com.ph/books/about/International_Symposium_on_Women_in_Asia.html?id=XbZgA4mDLF8C&hl=en&output=html_text&redir_esc=y.
- Sumagaysay, M.B. 2011. Kết quả hội thảo về Lập bản đồ tài nguyên giới cho dự án, Thích ứng với biến đổi khí hậu: Trường hợp phụ nữ làm nghề phơi cá khô ở Brgy. Bislig, Tanauan, Leyte.
- UNDP. 2007. Gender Mainstreaming: A Key Driver of Development in Environment and Energy. A Training Manual. United Nations Development Programme, NY, USA. 84 p. Có sẵn tại: <http://www.undp.org/content/dam/undp/library/Environment%20and%20Energy/Sustainable>
- UN (Liên hợp quốc). 2015. Thay đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Nghị quyết được Đại hội đồng thông qua vào ngày 25 tháng 9 năm 2015. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc A / RES / 70/1. 35 tr.
- UN (Liên hợp quốc). 2017. Báo cáo mục tiêu phát triển bền vững 2017. Department of Economic and Social Affairs, United Nations, NY, USA. 64 p. <https://unstats.un.org/sdgs/files/report/2017/TheSustainableDevelopmentGoalsReport2017.pdf>.
- Sotto, F.B., C. Laron and T. Heager. 2001. Women's participation in sapyaw. In M.J. Williams, M.C. Nandeeshha, V.P. Corral, E. Tech and P. Choo (eds). International Symposium on Women in Asian Fisheries. 5th Asian Fisheries Forum. ICLARM. ISBN 9832346029. Truy cập tại https://books.google.com.ph/books/about/International_Symposium_on_Women_in_Asia.html?id=XbZgA4mDLF8C&hl=en&output=html_text&redir_esc=y.
- Sumagaysay, M.B. 2011. Workshop output on Gender Resource Mapping for the project, Adapting to Climate Change: The Case of Women-Fish Dryers of Brgy. Bislig, Tanauan, Leyte.
- UNDP. 2007. Gender Mainstreaming: A Key Driver of Development in Environment and Energy. A Training Manual. United Nations Development Programme, NY, USA. 84 p. Truy cập tại <http://www.undp.org/content/dam/undp/library/Environment%20and%20Energy/Sustainable>
- UN (United Nations). 2015. Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development. Resolution adopted by the General Assembly on 25 September 2015. United Nations General Assembly A/RES/70/1. 35 p.
- UN (United Nations). 2017. The Sustainable Development Goals Report 2017. Department of Economic and Social Affairs, United Nations, NY, USA. 64 p. <https://unstats.un.org/sdgs/files/report/2017/TheSustainableDevelopmentGoalsReport2017.pdf>
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). 2006. Bảo vệ chủ thể con người trong nghiên cứu được USAID hỗ trợ. Tài liệu tham khảo bắt buộc cho ADS Chương 200. 12 trang. <https://www.usaid.gov/sites/default/files/document/1864/200mbe.pdf> (Truy cập ngày 1 tháng 12 năm 2016).

- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). Năm 2010. Hướng dẫn về Tích hợp và Phân tích Giới: Trợ giúp bổ sung cho các Chương ADS 201 và 203. EGAT/WID. 16 trang
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). 2011. Lời khuyên cho việc tiến hành phân tích về giới ở cấp độ hoạt động hoặc dự án.
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). 2012. Bình đẳng giới và Chính sách trao quyền cho phụ nữ. Washington, DC, Hoa Kỳ. 28 trang
https://www.usaid.gov/sites/default/files/document/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf (Truy cập ngày 18/07/2016).
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ). 2013. ADS Chương 205. Tích hợp bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong chu trình chương trình USAID. Phiên bản mới 17/07/2013. 25 trang
<https://www.usaid.gov/sites/default/files/document/1870/205.pdf> (Truy cập ngày 18/07/2016).
- USAID (United States Agency for International Development). 2006. Protection of Human Subjects in Research Supported by USAID. A Mandatory Reference for ADS Chapter 200. 12 p.
<https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1864/200mbe.pdf> (Truy cập vào ngày 1/12/2016).
- USAID (United States Agency for International Development). 2010. Guide to Gender Integration and Analysis: Additional Help for ADS Chapters 201 and 203. EGAT/WID. 16 p.
- USAID (United States Agency for International Development). 2011. Tips for Conducting a Gender Analysis at the Activity or Project Level.
- USAID (United States Agency for International Development). 2012. Gender Equality and Female Empowerment Policy. Washington, DC, USA. 28 p.
https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf (Truy cập ngày 07/18/2016).
- USAID (United States Agency for International Development). 2013. ADS Chapter 205. Integrating Gender Equality and Female Empowerment in USAID's Program Cycle. New Edition 07/17/2013. 25 p.
<https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1870/205.pdf> (Truy cập ngày 07/18/2016).
- Weeratunge, N., K. Snyder và P.S. Choo. 2010. Người thu nhật cá, ngư dân, thương nhân, nhà chế biến: hiểu biết về lao động theo giới trong nghề cá và nuôi trồng thủy sản. Cá và Ngư nghiệp. DOI: 10.1111/j.1467-2979.2010.00368.
- Williams, M.J. 2008 Tại sao nhìn vào nghề cá qua lăng kính giới? Phát triển. 51: 180-185. Doi: 10.1057/dev.2008.2
- Williams, M.J 2016. Các tổ chức Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản xem xét các vấn đề về Giới như thế nào? Vấn đề đặc biệt về khoa học thủy sản châu Á. 29S: 21-48.
<https://www.asianfisheriessociety.org/publication/doadfile.php?id=1109&file=Y0dSbUx6QXhNekl3TXpjd0lERTBOemczTXprMklqZ3Vj>
- WinFish. Năm 2017. Phân tích về Giới của Ngành Thủy sản: Thành phố General Santos, Philippines: Báo cáo cuối cùng được đệ trình lên Hiệp hội Đối tác Đại dương và Thủy sản của USAID. Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines, Inc. 175 tr.
- WWF (Quỹ Động vật hoang dã Thế giới). 2016. Quản lý lũ tự nhiên và dựa trên thiên nhiên: Hướng dẫn xanh. Washington DC: Quỹ Động vật hoang dã Thế giới. 15 trang
- Yamashita, H. và Belleza, E. 2008. Chuỗi giá trị cho hàng hóa cá ngừ Philippines: Những phát triển gần đây và định hướng tương lai. Trong: Kỷ yếu Hội thảo hai năm một lần của Viện Kinh tế & Thương mại Thủy sản Quốc tế, tháng 7 năm 2008, Nha Trang, Việt Nam: Đạt được một Tương lai bền vững: Quản lý Nuôi trồng Thủy sản, Đánh bắt, Thương mại và Phát triển.
- Weeratunge, N., K. Snyder and P.S. Choo. 2010. Gleaner, fisher, trader, processor: understanding gendered employment in fisheries and aquaculture. Fish and Fisheries. DOI: 10.1111/j.1467-2979.2010.00368.

- Williams, M.J. 2008. Why look at fisheries through a gender lens? Development. 51:180-185. Doi: 10.1057/dev.2008.2
- Williams, M.J. 2016. How are Fisheries and Aquaculture Institutions Considering Gender Issues? Asian Fisheries Science Special Issue. 29S: 21-48.
<https://www.asianfisheriessociety.org/publication/downloadfile.php?id=1109&file=Y0dSbUx6QXhNekl3TXpjd01ERTBOemczTXprMklqZ3VjRlJt&dldname=How%20are%20Fisheries%20and%20Aquaculture%20Institutions%20Considering%20Gender%20Issues?.pdf>
- WinFish. 2017. Gender Analysis of the Fisheries Sector: General Santos City, Philippines: Final Report submitted to the USAID Oceans and Fisheries Partnership. National Network on Women in Fisheries in the Philippines, Inc. 175 p.
- WWF (World Wildlife Fund). 2016. Natural and Nature-Based Flood Management: A Green Guide. Washington DC: World Wildlife Fund. 15 p.
- Yamashita, H. and Belleza, E. 2008. The Value Chain for Philippine Tuna Commodity: Recent Developments and Future Directions. In: Proceedings of the Fourteenth Biennial Conference of the International Institute of Fisheries Economics & Trade, July 2008, Nha Trang, Vietnam: Achieving a Sustainable Future: Managing Aquaculture, Fishing, Trade and Development.

PHỤ LỤC I. BIỂU MẪU MA TRẬN PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỒ SƠ

Phản hồi của phụ nữ và nam giới cho thấy các hoạt động sản xuất, sinh sản, công việc cộng đồng và giải trí/nghỉ ngơi của họ, khi nào thực hiện và thời gian thực hiện là bao nhiêu (WinFish 2017).

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM	Về thời gian:		
	<p>Một ngày điển hình bạn bắt đầu từ lúc mặt trời mọc cho đến khi nghỉ ngơi đi ngủ, cũng như thuê ai làm cả công việc và việc nhà? (hỏi ai đóng vai trò nội trợ mà không được đề cập).</p> <p>Đối với không gian: Nơi bạn thực hiện các nhiệm vụ kinh tế (ví dụ: mua sắm, bán, giao dịch) mà bạn đã đề cập?</p> <p>Ví dụ: (Có chắc đúng không khi cho rằng các nhiệm vụ nội trợ là thực hiện ở nhà).</p>		
	Thời gian	Tên hoạt động	Nơi thực hiện: ở nhà, ở chỗ làm, công cộng
	4:00S - 5:00S		
	5:00S - 6:00S		
	6:00S - 7:00S		
	7:00S - 8:00S		
	8:00S - 9:00S		
	9:00S - 10:00S		
	10:00S - 11:00S		
	11:00S - 12:00TR		
	12:00TR - 1:00C		
	1:00C - 2:00C		
	2:00C - 3:00C		
	3:00C - 4:00C		
	4:00C - 5:00C		
	5:00C - 6:00C		
	6:00C - 7:00T		
	7:00T - 8:00T		
	8:00T - 9:00T		
	9:00T - 10:00T		
	10:00T - 11:00T		
	11:00T - 12:00T		
	12:00T - 1:00S		
	1:00S - 2:00S		
	2:00S - 3:00S		
	3:00S - 4:00S		
	<p>Ngoài các nhiệm vụ được đề cập ở trên, bạn còn thực hiện những nhiệm vụ nào khác? Có thể không phải trên cơ sở hàng ngày nhưng đang được thực hiện một lần/ ai lần/ba lần trong một tuần?</p>		

PHỤ LỤC 2. MẪU MA TRẬN LẬP BẢN ĐỒ NGUỒN LỰC CÓ SỰ THAM GIA GIỚI TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NGHỀ CÁ (WINFISH 2017)

Sơ đồ tài nguyên giới có sự tham gia (PGRM) trong Chuỗi giá trị thủy sản

Mức xích chuỗi giá trị	Dự phòng đầu vào		Sản xuất		Chế biến / Chuyển đổi		Thương mại		Tiêu dùng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
Tài nguyên truy cập / sử dụng									Thị trường
Tận dụng nguồn tài nguyên									
Tài nguyên thuộc sở hữu									
Kiểm soát tài nguyên									

PHỤ LỤC 3. MẪU MA TRẬN PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ ĐÁP ỨNG GIỚI

Xác định các hoạt động khác nhau được thực hiện bởi phụ nữ và nam giới tại mỗi nút của chuỗi giá trị thủy sản (WinFish 2017).

Sự khác biệt về giới trong các hoạt động chuỗi giá trị

Mức xích chuỗi giá trị	Dự phòng đầu vào		Sản xuất		Chế biến / Chuyển đổi		Thương mại		Tiêu dùng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
Hoạt động chuỗi giá trị									Thị trường

PHỤ LỤC 4. MẪU MA TRẬN PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ ĐÁP ỨNG GIỚI ĐỂ XÁC ĐỊNH CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA PHỤ NỮ VÀ NAM GIỚI TẠI MỖI MẮT XÍCH CỦA CHUỖI GIÁ TRỊ THỦY SẢN (WINFISH 2017)

Sự khác biệt về cơ hội / hạn chế					
CƠ HỘI			HẠN CHẾ		
Nam	Nữ		Nam	Nữ	
		Buôn bán			
		Biến đổi			
		Sản xuất			
		Đầu vào cụ thể			

PHỤ LỤC 5. MẪU BẢNG CÂU HỎI ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ KHẢO SÁT TRỰC TIẾP NGƯ DÂN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ VỚI CÁC CÂU HỎI DỰA TRÊN CÁC LĨNH VỰC CỦA KHUNG CÁC KHÍA CẠNH VỀ GIỚI (WINFISH 2017)

PHIẾU KHẢO SÁT

Nhóm A: NGƯ DÂN VÀ NGƯỜI LÀM THỦY SẢN

Câu hỏi sàng lọc	<p>1) Bạn có thể biết tính chất công việc của bạn là gì?</p> <p>A - Thuyền trưởng tàu cá</p> <p>B – Ngư dân</p> <p>C - Thuyền viên/người lao động/công nhân làm việc trên tàu cá</p> <p>Nếu chọn đáp án A hoặc B, Tiếp tục câu hỏi số 2</p> <p>Chấm dứt phỏng vấn nếu chọn đáp án C.</p> <p>2) Bạn có đánh bắt cá ngừ không?</p> <p>__ Có __ Không</p> <p>Tiếp tục phỏng vấn nếu trả lời có.</p>
-------------------------	--

	Chấm dứt phỏng vấn và thay người trả lời nếu trả lời không.
Nhân khẩu học	<p><i>Dành cho người trả lời</i></p> <p>Tên của bạn là gì:</p> <p>Địa chỉ (ở thành phố General Santos):</p> <p>Địa chỉ (ở ngoài thành phố General Santos):</p> <p>Bạn đã ở thành phố General Santos được bao nhiêu năm rồi? ____ năm</p> <p>Giới tính: __ Nam __ Nữ</p> <p>Trình độ cao nhất đạt được:</p> <p><input type="checkbox"/> Không đi học ở trường</p> <p><input type="checkbox"/> Nghỉ học giữa chừng ở trung học</p> <p><input type="checkbox"/> Tốt nghiệp trung học</p> <p><input type="checkbox"/> Nghỉ học giữa chừng ở phổ thông</p> <p><input type="checkbox"/> Tốt nghiệp phổ thông</p> <p><input type="checkbox"/> Từng học đại học, cao đẳng</p> <p><input type="checkbox"/> Học nghề</p> <p><input type="checkbox"/> Tốt nghiệp Đại học/Cao đẳng</p> <p><input type="checkbox"/> Sau đại học</p> <p>Tình trạng hôn nhân:</p> <p><input type="checkbox"/> Độc thân</p> <p><input type="checkbox"/> Đã kết hôn</p> <p><input type="checkbox"/> Đã ly hôn</p> <p><input type="checkbox"/> Góa phụ/Góa vợ</p> <p><input type="checkbox"/> Sống chung không hôn nhân</p> <p>Nhóm chủng tộc:</p> <p><input type="checkbox"/> Bicolano</p> <p><input type="checkbox"/> Cebuano-Bisaya</p> <p><input type="checkbox"/> Ilocano</p> <p><input type="checkbox"/> Ilonggo</p> <p><input type="checkbox"/> Tagalog</p> <p><input type="checkbox"/> Waray</p> <p><input type="checkbox"/> Badjao</p> <p><input type="checkbox"/> B'laan</p> <p><input type="checkbox"/> Maguindanaoan</p>

- Maranao
- Tausug
- T'boli
- Khác, cụ thể là _____

Về người vợ/bạn đời của người trả lời nếu có:

Giới tính: Nam Nữ

Trình độ cao nhất đạt được:

Trình độ cao nhất đạt được:

- Không đi học ở trường
- Nghỉ học giữa chừng ở trung học
- Tốt nghiệp trung học
- Nghỉ học giữa chừng ở phổ thông
- Tốt nghiệp phổ thông
- Từng học đại học, cao đẳng
- Học nghề
- Tốt nghiệp Đại học/Cao đẳng
- Sau đại học

Tình trạng hôn nhân:

- Độc thân
- Đã kết hôn
- Đã ly hôn
- Góa phụ/Góa vợ
- Sống chung không hôn nhân

Nhóm chủng tộc:

- Bicolano
- Cebuano-Bisaya
- Ilocano
- Ilonggo
- Tagalog
- Waray
- Badjao
- B'laan
- Maguindanaoan

- ___ Maranao
- ___ Tausug
- ___ T'boli
- ___ Khác, cụ thể là _____

Vợ/bạn đời của bạn đã sống ở thành phố General Santos được bao nhiêu năm? ___ năm

Dành riêng cho người trả lời

1. Nhà bạn có bao nhiêu người? ___ người
2. Ai trong số các thành viên trong gia đình của bạn làm việc với bạn trong các hoạt động đánh bắt cá? Xác định thành viên số 2 trong mối quan hệ với người trả lời (số 1). (ví dụ: vợ / chồng, con trai, bà, v.v.), tuổi, cột thông tin giới tính.

Các thành viên sống chung	Tuổi	Giới tính	
		Nam	Nữ
1. Người trả lời			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			

3. Nguồn thu nhập chính / quan trọng nhất trong gia đình của bạn là gì? (Chỉ một câu trả lời)/
 - ___ Đánh cá
 - ___ Chế biến cá
 - ___ Giao dịch/buôn bán cá
 - ___ Nuôi trồng
 - ___ Làm chuyên môn
 - ___ Tiền hỗ trợ

	<p>___ Khác, cụ thể là _____</p> <p>4. Nguồn thu nhập quan trọng thứ hai của hộ gia đình bạn là gì? (Chỉ một câu trả lời)</p> <p>___ Đánh cá</p> <p>___ Chế biến cá</p> <p>___ Giao dịch/buôn bán cá</p> <p>___ Nuôi trồng</p> <p>___ Làm chuyên môn</p> <p>___ Tiền hỗ trợ</p> <p>___ Khác, cụ thể là _____</p> <p>5. Bạn kiếm được bao nhiêu tiền mỗi tháng từ việc đánh cá? (Chỉ có một câu trả lời; Lưu ý: số tiền bằng peso hoặc PHP của Philippine, khoảng 0.019 USD tính theo ngày 13 tháng 5 năm 2018)</p> <p>___ 0 đến 2,000</p> <p>___ 2,001 đến 5,000</p> <p>___ 5,001 đến 10,000</p> <p>___ 10,001 đến 15,000</p> <p>___ 15,001 đến 20,000</p> <p>___ 20,001 đến 25,000</p> <p>___ 25,001 đến 30,000</p> <p>___ 30,001 đến 50,000</p> <p>___ 50,001 đến 100,000</p> <p>___ trên 100,000</p> <p>6. Tổng thu nhập hộ gia đình của bạn mỗi tháng là bao nhiêu từ tất cả các nguồn? (chỉ một câu trả lời; Lưu ý: số tiền bằng đồng ppi hoặc PHP của Philippine, khoảng 0.019 USD tính theo ngày 13 tháng 5 năm 2018)</p> <p>___ 0 đến 2,000</p> <p>___ 2,001 đến 5,000</p> <p>___ 5,001 đến 10,000</p> <p>___ 10,001 đến 15,000</p> <p>___ 15,001 đến 20,000</p> <p>___ 20,001 đến 25,000</p> <p>___ 25,001 đến 30,000</p> <p>___ 30,001 đến 50,000</p> <p>___ 50,001 đến 100,000</p> <p>___ trên 100,000</p>
--	---

7. Bạn có tham gia tổ chức nào liên quan đến nghề cá không?
 Có Không

Nếu không, chuyển sang trả lời câu 9

8. Nếu có, bạn là thành viên của tổ chức liên quan đến đánh cá nào và vị trí của bạn là gì? (Cho phép nhiều câu trả lời)

Tổ chức	Vị trí				
	Chủ tịch/phó chủ tịch	Thư ký Thủ quỹ	Vị trí khác	Thành viên	Không
a) Hiệp hội ngành cá ngừ					
b) Hiệp hội ngành chế biến					
c) Hiệp hội ngư dân					
d) Hiệp hội ngư dân nữ					
e) Khác, cụ thể là:					

9. Bạn là thành viên của những tổ chức nào khác (không liên quan đến đánh cá) trong cộng đồng của bạn? Hãy chỉ ra cụ thể:

10. Vị trí của bạn trong hoạt động đánh bắt cá là gì?
 Chủ tàu
 thuyền trưởng/người điều hành tàu cá
 Chủ tàu-kiêm điều hành
 Nhân viên
 Thuyền viên/công nhân/ Pasahero

11. Kích cỡ tàu của bạn là bao nhiêu? (Tàu đánh cá chính)/
 <3 GT
 3-20 GT
 21-150 GT
 >150 GT

12. Một chuyến biển đi trong bao lâu?
 Một ngày hoặc ít hơn
 2-3 ngày
 4-7 ngày
 2-3 tuần

	<p>___ 1-2 tháng</p> <p>___ >3 tháng</p> <p>13. Tàu cá của bạn có được đăng ký với LGU/BFAR không? ___ Có ___ Không ___ Không biết đến</p> <p>Nếu có, tên đăng ký là gì? ___ Nam ___ Nữ ___ Cổ phần/Corporation</p> <p>Nếu là cổ phần, người đứng đầu là nam hay nữ? ___ Nam ___ Nữ</p>
	<p>14. Làm thế nào để có được tàu cá (có thể chọn nhiều đáp án)?</p> <p>___ Tự mua</p> <p>___ Mượn tiền người thân/gia đình/bạn bè</p> <p>___ Vay (nguồn vay cụ thể ví dụ như ngân hàng, cá nhân) _____</p> <p>___ Người mua</p> <p>___ Thừa kế</p> <p>___ Hỗ trợ của chính phủ</p> <p>___ Cơ quan phi chính phủ</p> <p>___ Nguồn khác, cụ thể là _____</p>
	<p>15. Làm thế nào để có được ngư cụ (có thể chọn nhiều đáp án)?</p> <p>___ Tự mua</p> <p>___ Mượn tiền người thân/gia đình/bạn bè</p> <p>___ Vay (nguồn vay cụ thể ví dụ như ngân hàng, cá nhân) _____</p> <p>___ Người mua</p> <p>___ Thừa kế</p> <p>___ Hỗ trợ của chính phủ</p> <p>___ Cơ quan phi chính phủ</p> <p>___ Nguồn khác, cụ thể là _____</p>
	<p>16. Chủ tàu huy động tài chính khi cần đầu tư cho hoạt động đánh cá như thế nào?</p> <p>___ Tự đầu tư, chuyển sang câu hỏi số 18.</p> <p>___ Mượn tiền người thân/gia đình/bạn bè</p>

Vay (nguồn vay cụ thể ví dụ như ngân hàng, cá nhân) _____
 Người mua
 Nguồn khác, cụ thể là _____
 Không biết

17. Khi nào chủ tàu vay tiền để đầu tư thêm cho hoạt động đánh cá? Ai đứng ra vay? Giới tính của người vay?

Vị trí người có trách nhiệm vay	Giới tính	
	Nam	Nữ
a) Ngư dân/Người quản lý		
b) Vợ		
c) Đối tác kinh doanh		
d) Người thân		
e) Người khác, cụ thể là: _____		

18. Làm thế nào để chủ sở hữu tuyển dụng lao động cho hoạt động đánh cá?
(Cho phép nhiều câu trả lời)

Cá nhân tự chọn
 Qua giới thiệu
 Quảng cáo
 Internet
 Khác, cụ thể là _____

19. Việc tuyển dụng lao động nhanh như thế nào? (Chỉ một câu trả lời)

Trong vòng một ngày
 Trong vòng một tuần
 Trong vòng một tháng
 Hơn một tháng

	20. Bạn có bao nhiêu công nhân trên một tàu cá (con số)? Tình trạng việc làm của họ là gì?				
			Số lượng	Tình trạng công việc (tích vào ô tương ứng)	
				(Thường xuyên)	(Theo mùa)
	Đàn ông	Từ 18 tuổi trở lên			

	Thanh niên nam	Từ 15 đến 18 tuổi			
	Phụ nữ	Từ 18 tuổi trở lên			
	Thanh niên nữ	Từ 15 đến 18 tuổi			
	Bé trai	Dưới 15 tuổi			
	Bé gái	Dưới 15 tuổi			
	Tổng số công nhận trong khi khai thác cá				
<p>21. Bạn nhận được thông tin đáng tin cậy từ ai về các hoạt động đánh bắt mới? (Cho phép nhiều câu trả lời)</p> <p><input type="checkbox"/> Cơ quan chính phủ quốc gia</p> <p><input type="checkbox"/> Đơn vị cơ quan chính phủ địa phương</p> <p><input type="checkbox"/> Ngư dân khác</p> <p><input type="checkbox"/> Hiệp hội công nghiệp cá ngư</p> <p><input type="checkbox"/> Đài</p> <p><input type="checkbox"/> TV</p> <p><input type="checkbox"/> Internet</p> <p><input type="checkbox"/> Nguồn khác, cụ thể là _____</p>					
<p>22. Bạn nhận được thông tin đáng tin cậy về giá cả từ ai? (Cho phép nhiều câu trả lời)</p> <p><input type="checkbox"/> Cơ quan chính phủ quốc gia</p> <p><input type="checkbox"/> Đơn vị cơ quan chính phủ địa phương</p> <p><input type="checkbox"/> Ngư dân khác</p> <p><input type="checkbox"/> Hiệp hội công nghiệp cá ngư</p> <p><input type="checkbox"/> Đài</p> <p><input type="checkbox"/> TV</p> <p><input type="checkbox"/> Internet</p> <p><input type="checkbox"/> Nguồn khác, cụ thể là _____</p>					

23. Ai là người mua chính/chủ yếu của bạn? Hãy cho biết họ là nam hay nữ (Chỉ chọn một đáp án)

Loại người mua	Giới tính	
	Nam	Nữ
a) Chủ nậu vựa		
b) Người bán lẻ		
c) Người buôn bán sỉ và lẻ		
d) Nhà chế biến		
e) Người tiêu dùng		
f) Người hỗ trợ vốn		
g) Khác, cụ thể là _____		

24. Những người mua bán với bạn là phụ nữ chiếm bao nhiêu phần trăm? (số liệu phần trăm) _____ %

25. Ai thường mang cá ngừ của bạn đến cho người mua? (cho phép nhiều câu trả lời)

		Tích vào ô tương ứng
Đàn ông	Từ 18 tuổi trở lên	
Thanh niên nam	Từ 15 đến 18 tuổi	
Phụ nữ	Từ 18 tuổi trở lên	
Thanh niên nữ	Từ 15 đến 18 tuổi	
Bé trai	Dưới 15 tuổi	
Bé gái	Dưới 15 tuổi	

26. Sản phẩm của bạn chuyển đến người mua bằng cách nào? (cho phép nhiều câu trả lời)

- ___ Vận chuyển đến chợ bán lẻ
 ___ Vận chuyển đến chợ đầu mối (cảng cá)
 ___ Người mua đến tận nơi lên cá
 ___ Cách khác, cụ thể là _____

27. Bạn có đồng ý người mua của bạn trả tiền qua tín dụng không?

	<p>___ Có ___ Không</p> <p>Nếu không thì tại sao?</p> <p>___ Tôi cần tiền mặt cho hoạt động đánh cá</p> <p>___ Tôi cần tiền mặt để chi tiêu hằng ngày</p> <p>___ Tránh rủi ro ngân hàng không chi trả</p> <p>___ Khó thu nợ</p> <p>___ Lý do khác, cụ thể là _____</p> <p>Nếu có, bao nhiêu phần trăm những người bạn cho phép dùng tín dụng là phụ nữ _____%</p>																																																																																																																																																																																								
<p>THỰC HÀNH VÀ THAM GIA</p>	<p>28. Trong hoạt động đánh cá của bạn, ai thường thực hiện những công việc sau đây?</p> <table border="1" data-bbox="459 801 1406 2016"> <thead> <tr> <th data-bbox="459 801 722 927">Hoạt động</th> <th data-bbox="722 801 807 927">Đàn ông</th> <th data-bbox="807 801 924 927">Phụ nữ</th> <th data-bbox="924 801 1034 927">Thanh niên nam</th> <th data-bbox="1034 801 1155 927">Thanh niên nữ</th> <th data-bbox="1155 801 1240 927">Bé trai</th> <th data-bbox="1240 801 1324 927">Bé gái</th> <th data-bbox="1324 801 1406 927">N/A</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>a) Phụ trách việc đăng ký và giấy tờ</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>b) Thuê thuyền viên</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>c) Lên kế hoạch chuyến biển</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>d) Chuẩn bị tàu và thiết bị</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>e) Mua dầu diesel</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>f) Mua mồi</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>g) Chuẩn bị thức ăn và nước sinh hoạt cho thuyền viên</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>h) Chuẩn bị lưới và phụ tùng</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>i) Vận hành máy tàu</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>j) Tìm kiếm cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>k) Thả lưới hoặc ngư cụ</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>l) Lặn</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>m) Thu lưới</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>n) Xả máu cá ngừ</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>o) Xả máu cá khác</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>p) Phân loại sản phẩm</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>q) Muối cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>r) Bốc cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>s) Cân cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>t) Phân nhóm chất lượng cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>u) Kiểm tra chất lượng cá</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td>v) Dán nhãn</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Thanh niên nam	Thanh niên nữ	Bé trai	Bé gái	N/A	a) Phụ trách việc đăng ký và giấy tờ								b) Thuê thuyền viên								c) Lên kế hoạch chuyến biển								d) Chuẩn bị tàu và thiết bị								e) Mua dầu diesel								f) Mua mồi								g) Chuẩn bị thức ăn và nước sinh hoạt cho thuyền viên								h) Chuẩn bị lưới và phụ tùng								i) Vận hành máy tàu								j) Tìm kiếm cá								k) Thả lưới hoặc ngư cụ								l) Lặn								m) Thu lưới								n) Xả máu cá ngừ								o) Xả máu cá khác								p) Phân loại sản phẩm								q) Muối cá								r) Bốc cá								s) Cân cá								t) Phân nhóm chất lượng cá								u) Kiểm tra chất lượng cá								v) Dán nhãn							
Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Thanh niên nam	Thanh niên nữ	Bé trai	Bé gái	N/A																																																																																																																																																																																		
a) Phụ trách việc đăng ký và giấy tờ																																																																																																																																																																																									
b) Thuê thuyền viên																																																																																																																																																																																									
c) Lên kế hoạch chuyến biển																																																																																																																																																																																									
d) Chuẩn bị tàu và thiết bị																																																																																																																																																																																									
e) Mua dầu diesel																																																																																																																																																																																									
f) Mua mồi																																																																																																																																																																																									
g) Chuẩn bị thức ăn và nước sinh hoạt cho thuyền viên																																																																																																																																																																																									
h) Chuẩn bị lưới và phụ tùng																																																																																																																																																																																									
i) Vận hành máy tàu																																																																																																																																																																																									
j) Tìm kiếm cá																																																																																																																																																																																									
k) Thả lưới hoặc ngư cụ																																																																																																																																																																																									
l) Lặn																																																																																																																																																																																									
m) Thu lưới																																																																																																																																																																																									
n) Xả máu cá ngừ																																																																																																																																																																																									
o) Xả máu cá khác																																																																																																																																																																																									
p) Phân loại sản phẩm																																																																																																																																																																																									
q) Muối cá																																																																																																																																																																																									
r) Bốc cá																																																																																																																																																																																									
s) Cân cá																																																																																																																																																																																									
t) Phân nhóm chất lượng cá																																																																																																																																																																																									
u) Kiểm tra chất lượng cá																																																																																																																																																																																									
v) Dán nhãn																																																																																																																																																																																									

w) Đàm phán với người mua								
x) Vận chuyển đến người mua								
y) Nhận tiền								
z) Ghi chép sản lượng								
aa) Lưu giữ hồ sơ tài chính								
bb) Thanh toán lương thuyền viên và các hóa đơn								
cc) Sửa chữa lưới hoặc ngư cụ								

29. Người quan sát cá có tham gia hoạt động đánh cá (trên biển) không?
 Có Không

Nếu không, chuyển sang câu hỏi số 32.

30. Nếu có, có bao nhiêu người quan sát cá tham gia vào hoạt động đánh cá?

	Số lượng
Nam	
Nữ	

31. Ai trả tiền cho người quan sát cá?

Công ty của tôi

Khác, cụ thể là _____

Tôi không biết

32. Điều tra viên/nhân viên của BFAR có lên tàu của bạn để ghi chép sản lượng đánh bắt tại các điểm lên cá không?

Có Không

Nếu không, chuyển sang câu hỏi số 34.

33. Nếu có, có bao nhiêu điều tra viên lên tàu của bạn (tại nơi lên cá)?

	Số lượng
Nam	
Nữ	

	<p>34. Bạn có tham gia các hoạt động sau không? ___ Có ___ Không</p> <p>Nếu không, chuyển sang câu hỏi số 35.</p> <p>Nếu có, ai thường tham gia các hoạt động dưới đây?</p> <table border="1" data-bbox="451 495 1414 936"> <thead> <tr> <th data-bbox="451 495 788 667">Hoạt động</th> <th data-bbox="788 495 882 667">Đàn ông</th> <th data-bbox="882 495 1003 667">Phụ nữ</th> <th data-bbox="1003 495 1114 667">Thanh niên nam</th> <th data-bbox="1114 495 1235 667">Thanh niên nữ</th> <th data-bbox="1235 495 1319 667">Bé trai</th> <th data-bbox="1319 495 1414 667">Bé gái</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="451 667 788 741">a) Họp (tổ chức con người, LGUs, NGAs)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="451 741 788 815">b) Tập huấn liên quan đến đánh cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="451 815 788 864">c) Họp cộng đồng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="451 864 788 936">d) Buổi tuyên truyền liên quan đến đánh cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Thanh niên nam	Thanh niên nữ	Bé trai	Bé gái	a) Họp (tổ chức con người, LGUs, NGAs)							b) Tập huấn liên quan đến đánh cá							c) Họp cộng đồng							d) Buổi tuyên truyền liên quan đến đánh cá							
Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Thanh niên nam	Thanh niên nữ	Bé trai	Bé gái																															
a) Họp (tổ chức con người, LGUs, NGAs)																																					
b) Tập huấn liên quan đến đánh cá																																					
c) Họp cộng đồng																																					
d) Buổi tuyên truyền liên quan đến đánh cá																																					
<p>KIỆN THỨC, NIỀM TIN VÀ SỰ NHẬN THỨC</p>	<p>35. Dựa trên kinh nghiệm của bạn, bạn đồng ý hoặc không đồng ý với những phát biểu sau ở mức độ nào? (LƯU Ý: điều tra viên phải đọc từng câu và hỏi người trả lời xem họ đồng ý hay không đồng ý, hoặc họ không có ý kiến trong vấn đề này.)</p> <table border="1" data-bbox="480 1263 1398 2024"> <thead> <tr> <th data-bbox="480 1263 943 1429">Phát biểu</th> <th data-bbox="943 1263 1058 1429">Đồng ý</th> <th data-bbox="1058 1263 1230 1429">Không đồng ý cũng không phản đối</th> <th data-bbox="1230 1263 1398 1429">Không đồng ý</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="480 1429 943 1496">a) Người mua nam trả giá cao hơn so với nữ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1496 943 1563">b) Người mua nữ dễ giao dịch hơn so với nam</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1563 943 1637">c) Người mua nữ quan tâm đặc biệt đến chất lượng cá hơn nam</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1637 943 1711">d) Người mua nam trả tiền nhanh hơn nữ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1711 943 1785">e) Dễ thu tiền thanh toán từ người mua nữ hơn so với nam</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1785 943 1852">f) Phụ nữ được khuyến khích đi đánh cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1852 943 1919">g) Phụ nữ mang thai lên tàu mang lại điều không may</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="480 1919 943 2024">h) Phụ nữ trong giai đoạn kinh nguyệt mang lại điều may mắn cho chuyến biển</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Phát biểu	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không đồng ý	a) Người mua nam trả giá cao hơn so với nữ				b) Người mua nữ dễ giao dịch hơn so với nam				c) Người mua nữ quan tâm đặc biệt đến chất lượng cá hơn nam				d) Người mua nam trả tiền nhanh hơn nữ				e) Dễ thu tiền thanh toán từ người mua nữ hơn so với nam				f) Phụ nữ được khuyến khích đi đánh cá				g) Phụ nữ mang thai lên tàu mang lại điều không may				h) Phụ nữ trong giai đoạn kinh nguyệt mang lại điều may mắn cho chuyến biển			
Phát biểu	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không đồng ý																																		
a) Người mua nam trả giá cao hơn so với nữ																																					
b) Người mua nữ dễ giao dịch hơn so với nam																																					
c) Người mua nữ quan tâm đặc biệt đến chất lượng cá hơn nam																																					
d) Người mua nam trả tiền nhanh hơn nữ																																					
e) Dễ thu tiền thanh toán từ người mua nữ hơn so với nam																																					
f) Phụ nữ được khuyến khích đi đánh cá																																					
g) Phụ nữ mang thai lên tàu mang lại điều không may																																					
h) Phụ nữ trong giai đoạn kinh nguyệt mang lại điều may mắn cho chuyến biển																																					

	<p>36. Tôi sẽ đọc các phát biểu và ứng với mỗi câu xin vui lòng cho biết chúng là đúng hay sai: (LƯU Ý: điều tra viên đọc từng câu và hỏi người trả lời nếu họ thấy rằng nó ĐÚNG hay SAI)</p> <table border="1" data-bbox="480 405 1398 1131"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đúng</th> <th>Sai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cá ngừ là loài di cư</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Ngư dân đánh cá thương mại không được phép đánh cá trong phạm vi 15 km giới hạn của vùng biển thành phố.</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Kích thước hợp pháp của lưới vây đánh cá ngừ là 3cm</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chính quyền thành phố yêu cầu tàu làm nghề lưới vây phải đăng ký</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cá ngừ vẫn là một loài cá ngừ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Một tàu đánh cá mang cờ Philippines được phép đánh bắt cá ở các vùng biển cao 1, 2 và 3 ở khu vực Trung Tây Thái Bình Dương</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Một nhà khai thác tàu cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ sang Liên minh châu Âu (EU) ngay cả khi không cần nộp nhật ký đánh bắt</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Để đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nhãn sản phẩm cá ngừ phải bao gồm tên của các tàu đánh bắt cá</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Đúng	Sai	Cá ngừ là loài di cư			Ngư dân đánh cá thương mại không được phép đánh cá trong phạm vi 15 km giới hạn của vùng biển thành phố.			Kích thước hợp pháp của lưới vây đánh cá ngừ là 3cm			Chính quyền thành phố yêu cầu tàu làm nghề lưới vây phải đăng ký			Cá ngừ vẫn là một loài cá ngừ			Một tàu đánh cá mang cờ Philippines được phép đánh bắt cá ở các vùng biển cao 1, 2 và 3 ở khu vực Trung Tây Thái Bình Dương			Một nhà khai thác tàu cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ sang Liên minh châu Âu (EU) ngay cả khi không cần nộp nhật ký đánh bắt			Để đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nhãn sản phẩm cá ngừ phải bao gồm tên của các tàu đánh bắt cá		
	Đúng	Sai																										
Cá ngừ là loài di cư																												
Ngư dân đánh cá thương mại không được phép đánh cá trong phạm vi 15 km giới hạn của vùng biển thành phố.																												
Kích thước hợp pháp của lưới vây đánh cá ngừ là 3cm																												
Chính quyền thành phố yêu cầu tàu làm nghề lưới vây phải đăng ký																												
Cá ngừ vẫn là một loài cá ngừ																												
Một tàu đánh cá mang cờ Philippines được phép đánh bắt cá ở các vùng biển cao 1, 2 và 3 ở khu vực Trung Tây Thái Bình Dương																												
Một nhà khai thác tàu cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ sang Liên minh châu Âu (EU) ngay cả khi không cần nộp nhật ký đánh bắt																												
Để đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nhãn sản phẩm cá ngừ phải bao gồm tên của các tàu đánh bắt cá																												
<p>QUYỀN HỢP PHÁP VÀ TÌNH TRẠNG</p>	<p>37. Bạn có biết về các chính sách / luật liên quan đến nghề cá không? (LƯU Ý: Người phỏng vấn phải có kiến thức làm việc về từng luật được liệt kê.)</p> <p>___ Có ___ không</p> <p>Nếu có, những luật / chính sách này mà bạn biết là gì?</p> <p>(LƯU Ý: Người được phỏng vấn phải tự trả lời và người phỏng vấn chỉ đánh dấu vào luật được đề cập).</p> <p>Nếu không, tiến hành câu hỏi số 38.</p> <table border="1" data-bbox="480 1536 1385 2029"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tích vào nếu người trả lời đề cập đến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a) Luật Thủy sản Philipine 1998</td> <td></td> </tr> <tr> <td>b) Luật Thủy sản sửa đổi 2015</td> <td></td> </tr> <tr> <td>c) Luật câu tay 2007</td> <td></td> </tr> <tr> <td>d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991</td> <td></td> </tr> <tr> <td>e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng cá di cư xa của Ủy ban Nghề cá Trung Tây Thái Bình Dương</td> <td></td> </tr> <tr> <td>f) Các câu trả lời khác</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Tích vào nếu người trả lời đề cập đến	a) Luật Thủy sản Philipine 1998		b) Luật Thủy sản sửa đổi 2015		c) Luật câu tay 2007		d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991		e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng cá di cư xa của Ủy ban Nghề cá Trung Tây Thái Bình Dương		f) Các câu trả lời khác														
	Tích vào nếu người trả lời đề cập đến																											
a) Luật Thủy sản Philipine 1998																												
b) Luật Thủy sản sửa đổi 2015																												
c) Luật câu tay 2007																												
d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991																												
e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng cá di cư xa của Ủy ban Nghề cá Trung Tây Thái Bình Dương																												
f) Các câu trả lời khác																												

	Có	Không	N/A
a) Bạn có bảo hiểm SSS không?			
b) Bạn có bảo hiểm PhiHealth không?			
c) Có nhân viên nào dưới 15 tuổi trong công ty không?			
d) Bạn có được nghỉ phép không?			
e) Bạn có được nghỉ thai sản không?			
f) Bạn có bảo hiểm tai nạn không?			
g) Bạn có được yêu cầu đeo thẻ nhân viên công ty không?			
h) Bạn có được trả mức lương tối thiểu không?			
i) Công ty bạn có trang bị đồ bảo hộ lao động cho bạn không?			
j) Công ty có trang bị kính bảo vệ không?			

38. Vui lòng trả lời CÓ hoặc KHÔNG khi trả lời những điều sau về công ty bạn làm việc

	k) Bạn có đeo găng tay trong quá trình câu cá ngư không?											
	l) Khu vực làm việc của bạn có thông thoáng không?											
	m) Khu vực làm việc có đủ ánh sáng không?											
	n) Thuyền đánh cá của bạn có chỗ ngủ an toàn cho phụ nữ không?											
	o) Thuyền đánh cá của bạn có phòng thoải mái riêng cho phụ nữ không?											
<p>39. Đối với cùng loại công việc, mức lương của bạn so với đối tác nam/nữ như thế nào? Vui lòng chọn một trong ba câu mà tôi sẽ đọc cho bạn, vì đó là câu nói thể hiện rõ nhất niềm tin của bạn.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lựa chọn</th> <th>Trả lời</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đàn ông được trả lương cao hơn phụ nữ</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đàn ông và phụ nữ được trả công ngang nhau</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đàn ông được trả công ít hơn phụ nữ</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					Lựa chọn	Trả lời	Đàn ông được trả lương cao hơn phụ nữ		Đàn ông và phụ nữ được trả công ngang nhau		Đàn ông được trả công ít hơn phụ nữ	
Lựa chọn	Trả lời											
Đàn ông được trả lương cao hơn phụ nữ												
Đàn ông và phụ nữ được trả công ngang nhau												
Đàn ông được trả công ít hơn phụ nữ												

**QUYỀN LỰC VÀ
RA QUYẾT ĐỊNH**

40. Ai đưa ra quyết định trong gia đình bạn về những điều sau đây?
(LƯU Ý: điều tra viên đọc từng lĩnh vực quyết định và yêu cầu người trả lời chọn người có tiếng nói cuối cùng về vấn đề này. Tuy nhiên, nếu người được hỏi khẳng định rằng đó là quyết định chung giữa hai người, thì hãy tích vào cả hai người ra quyết định)

Lĩnh vực ra quyết định	Bố	Mẹ	Con gái	Con trai	Thành viên nam khác	Thành viên nữ khác
a) Học tập						
b) Chuẩn bị/mua thực phẩm						
c) Quản lý ngân sách						
d) Họa động giải trí						
e) Sức khỏe						
f) Dạy dỗ						
g) Tham gia cộng đồng						

41. Ai đưa ra quyết định liên quan đến hoạt động đánh bắt cá?
(LƯU Ý: điều tra viên đọc từng lĩnh vực quyết định và yêu cầu người trả lời chọn người có tiếng nói cuối cùng về vấn đề này. Tuy nhiên, nếu người được hỏi khẳng định rằng đó là quyết định chung giữa hai người, thì hãy tích vào cả hai người ra quyết định)

Lĩnh vực quyết định	Người trả lời	Vợ hoặc chồng	Đồng nghiệp nam	Đồng nghiệp nữ	N/A
Mua ngư cụ/đồ dùng					
Vùng đánh cá					
Hoạt động tài chính					
Tiếp thị cá					
Đàm phán giá					
Thời gian đánh cá					
Tuyển lao động					

42. Có bất kỳ dự án/hoạt động liên quan đến nghề cá trong cộng đồng của bạn không?
___ Có ___ Không

	43. Nếu có, bạn tham gia vào các dự án/hoạt động liên quan đến nghề cá trong cộng đồng của bạn ở mức độ nào?					
	Hoạt động cộng đồng	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn luôn	N/A
	Hợp					
	Tập huấn					
	Tuyên truyền					
	Xã hội					
	Nghiên cứu					
	Thành viên hội đồng					
	Thành viên hiệp hội					
	Bantay Dagat					
	Quản lý nguồn lợi ven biển					
THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM	Về thời gian:					
	Một ngày điển hình bạn bắt đầu từ lúc mặt trời mọc cho đến khi nghỉ ngơi đi ngủ, cũng như thuê ai làm cả công việc và việc nhà? (hỏi ai đóng vai trò nội trợ mà không được đề cập).					
	Đối với không gian: Nơi bạn thực hiện các nhiệm vụ kinh tế (ví dụ: mua sắm, bán, giao dịch) mà bạn đã đề cập?					
	Ví dụ: (Có chắc đúng không khi cho rằng các nhiệm vụ nội trợ là thực hiện ở nhà).					
	Thời gian	Tên hoạt động	Nơi thực hiện: ở nhà, ở chỗ làm, công cộng			
	4:00S - 5:00S					
	5:00S - 6:00S					
	6:00S - 7:00S					
	7:00S - 8:00S					
	8:00S - 9:00S					
	9:00S - 10:00S					
	10:00S - 11:00S					
	11:00S - 12:00TR					
	12:00TR - 1:00C					
	1:00C - 2:00C					
2:00C - 3:00C						
3:00C - 4:00C						
4:00C - 5:00C						
5:00C - 6:00C						
6:00C - 7:00T						
7:00T - 8:00T						
8:00T - 9:00T						
9:00T - 10:00T						
10:00T - 11:00T						
11:00T - 12:00T						
12:00T - 1:00S						
1:00S - 2:00S						
2:00S - 3:00S						
3:00S - 4:00S						

	<p>Ngoài các nhiệm vụ được đề cập ở trên, bạn còn thực hiện những nhiệm vụ nào khác? Có thể không phải trên cơ sở hàng ngày nhưng đang được thực hiện một lần/hai lần/ba lần trong một tuần?</p>
--	--

PHỤ LỤC 6. CÁC MẠNG LƯỚI VÀ TÀI NGUYÊN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

Phần này bao gồm các liên kết đến các nhóm phụ nữ/giới, xã hội, tổ chức và các tập thể khác (chính thức hoặc không chính thức) để thúc đẩy hoặc làm nổi bật vai trò của phụ nữ/giới, các mối quan hệ và các vấn đề trong nuôi trồng thủy sản, khai thác, sau thu hoạch và bảo tồn thủy sản. Truy cập www.genderaquafish.org/discover-gaf/gaf-networks-and-resource/ để biết các liên kết để chọn tài liệu bên dưới.

Hội Nghề cá Châu Á –

- Giới trong Ngành Nuôi trồng thủy sản và Nghề cá – www.genderaquafish.org/gaf-section/
- Giới/Phụ nữ, nghề cá/nguồn lợi thủy sản – www.genderaquafish.org/resources-3/asian-fisheries-society-genderwomen-and-fisheries-resources/

Mạng lưới phụ nữ ở Châu Phi trong ngành Thủy sản – www.comhafat.org/en/reseaux.php?id=3

Mạng lưới cộng đồng ngành Hải sản của phụ nữ Úc – www.winsc.org.au/

Liên minh Châu Âu –

- Phụ nữ trong Nghề cá ở Châu Âu – www.eptthinktank.eu/2013/10/14/women-and-fisheries-in-the-european-union/
- Sự liên quan của giới trong lĩnh vực chính sách – www.eige.europa.eu/gender-mainstreaming/sectoral-areas/maritime-affairs-and-fisheries
- Mạng lưới các tổ chức phụ nữ châu Âu trong Nghề cá và Nuôi trồng thủy sản – www.akteaplatform.eu/?lang=es; [www.twitter.com/AKTEAwif](https://twitter.com/AKTEAwif)

FAO –

- Lồng ghép giới (Chương trình giới) – www.fao.org/gender/gender-home/en/
- Phòng Nghề cá và Nuôi trồng thủy sản FAO (giới, nghề cá và nuôi trồng thủy sản) – www.fao.org/fishery/topic/16605/en
- Chương trình sinh kế nghề cá khu vực của FAO cho Nam và Đông Nam Á – www.fao.org/fishery/rflp/en

Phụ nữ trong mạng lưới nghề cá Fiji – www.womeninfisheriesfiji.org/

Chung tay toàn cầu trong hỗ trợ ngư dân – www.icsf.net/en/yemaya.html

Mundus Maris, Khoa học và Nghệ thuật vì sự bền vững – www.mundusmaris.org/

OECD Wikigender – www.wikigender.org/index.php/Gender_and_Fisheries

Red Española de Mujeres en el Sector Pesquero (Mạng lưới phụ nữ Tây Ban Nha trong ngành thủy sản) – www.mapama.gob.es/en/pesca/temas/red-mujeres/

SEAFDEC –

- Hội thảo chuyên gia về phương pháp tiếp cận khu vực để thực hiện các hướng dẫn tự nguyện của FAO trong việc đảm bảo nghề cá quy mô nhỏ bền vững: Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và bình đẳng giới – www.seafdec.org/download/report-of-the-expert-workshop-on-regional-approach-for-the-implementation-of-fao-voluntary-guidelines-for-securing-sustainable-small-scale-fisheries-human-right-based-approach-and-gender-equitability/
- Hội thảo chuyên gia về bảo đảm nghề cá quy mô nhỏ bền vững về vấn đề tiếp cận dựa trên quyền con người và vấn đề bình đẳng giới – www.seafdec.org/experts-workshop-securing-

[sustainable-small-scale-fisheries-human-rights-based-approach-gender-equitability-issue-organized/](#)

- Fish for the People Vol. 16 No. 2 (2018) – www.repository.seafdec.org/handle/20.500.12066/1374

Ban thư ký Cộng đồng Thái Bình Dương (Bản tin Thông tin Phụ nữ) –

www.spc.int/coastfish/en/publications/bulletins/women-in-fisheries.html

Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines – www.womeninfisheriesph.org

Trường Đại học Stirling (Vấn đề giới trong nuôi trồng thủy sản) –

www.dfid.stir.ac.uk/dfid/gender/gender.htm

USAID –

- Chương 205 Tích hợp bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trong chu trình chương trình USAID – www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1870/205.pdf
- Vấn đề giới tại USAID (Bài trình bày) – https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/Gender_USAID.pdf
- Chính sách bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ – https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf

Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID – www.seafdec-oceanspartnership.org

Ngân hàng Thế giới, FAO và IFAD. Tài liệu về giới trong nông nghiệp (Phần Nghề cá và Nuôi trồng thủy sản) –

www.siteresources.worldbank.org/INTGENAGRLIVSOUBOOK/Resources/Module13.pdf

Diễn đàn Phụ nữ Lãnh đạo (Sáng kiến Tam giác San hô về các Rạn San hô, Ngư nghiệp và An ninh lương thực-CTI-CFF) / (Trung tâm Tam giác San hô-CTC) –

www.coraltriangleinitiative.org/wlf

WorldFish (Giới tính như một chủ đề xuyên suốt) – www.worldfishcenter.org/content/gender

WSI (Hiệp hội quốc tế dành cho phụ nữ trong ngành thủy sản) – www.wsi-asso.org

The USAID Oceans and Fisheries Partnership
www.seafdec-oceanspartnership.org